

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN



TUYÊN NGÔN

CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Biên tập nội dung:

TS. VÕ VĂN BÉ

TS. HOÀNG MẠNH THẮNG

ĐINH ÁI MINH

ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ

Trình bày bìa:

PHẠM DUY THÁI

Chế bản vi tính:

NGUYỄN THU THẢO

Đọc sách mẫu:

ÁI MINH

BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: ...-2021/CXBIPH/...-.../CTQG.

Số quyết định xuất bản: ...-QĐ/NXBCTQG, ngày .././2021.

Nộp lưu chiểu: tháng .. năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-.....-

TUYÊN NGÔN

CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

TUYÊN NGÔN

CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2017

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Để phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tháng 6-2004, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* với toàn văn tác phẩm và các Lời tựa của C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n viết cho các lần xuất bản bằng tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Anh... tại Đức, Thụy Sĩ, Anh, Italia trước đây. Lời giới thiệu tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* do nhà cách mạng lão thành, nhà báo Hoàng Tùng viết.

Những trích dẫn, phiên âm tên người, địa danh, v.v. trong cuốn sách này được dẫn theo bộ sách *C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n Toàn tập* do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản.

Đáp ứng nhu cầu của bạn đọc, nhân kỷ niệm 170 năm ngày ra đời của tác phẩm quan trọng này, Nhà xuất bản xuất bản lần thứ ba cuốn sách *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* theo bản in năm 2004.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, do Các Mác và Phri-đrích Ăng-ghe-nh soạn thảo, trình bày nền tảng lý luận và mục đích của chủ nghĩa cộng sản. Toàn bộ học thuyết mang tên Mác là một công trình khoa học đồ sộ do hai ông xây dựng trên nửa thế kỷ, từ năm 1843 đến năm 1895.

Các Mác sinh ngày 5 tháng Năm 1818 tại thành phố Tô-ria, miền sông Ranh nước Phổ. Học luật học, sử học, triết học. Năm 1841, bảo vệ thành công luận án tiến sĩ triết học. Không muốn nhận chức phó giáo sư ở trường đại học Bon vì trường này lạc hậu, đã bãi chức giáo sư của Phoiơbắc là một nhà triết học lỗi lạc. Ông làm nghề viết báo để phục vụ lẽ phải, phục vụ con người.

Phri-đrích Ăng-ghe-nh sinh ngày 28 tháng Mười một 1820 ở Bắcmen nước Phổ, cách quê Mác không xa. Học gần xong trường trung học, phải chuyển sang học nghề kinh doanh theo nghiệp nhà. Đến tuổi phải làm nghĩa vụ quân sự, đóng ở Béclin, ông xin học dự thính trường đại học mang tên thành phố mà Mác đã học.

Không hẹn mà nên, cả Mác và Ăng-ghe-nh đều ham mê triết học và tham gia phái tả của chủ nghĩa Hêghen rồi cùng nghiên cứu say mê Phoiơbắc nhưng cả hai đều chưa

giải đáp được những vấn đề mà hai ông muốn biết đó là nguyên nhân và giải pháp của xã hội bất công. Một là con một luật sư, một là con một chủ tư sản; cả hai đều từ bỏ con đường của gia đình, cống hiến cuộc đời cho nhân loại, say mê nghiên cứu khoa học, tiếp xúc với quần chúng lao động. Ngay từ khi còn ở nhà trường, hai ông đã tỏ rõ sự thông minh, sắc sảo, học nhiều lĩnh vực, nhiều ngôn ngữ, có kiến thức bách khoa, có tài làm thơ, soạn nhạc, hội họa.

Hai người gặp nhau từ năm 1843, và đến năm 1844, khi hai người đều viết báo và phương hướng tư tưởng đã hình thành, sự cộng tác của hai người chính thức bắt đầu. Hai ông viết chung với nhau một tác phẩm đánh dấu bước ngoặt dứt khoát về tư tưởng, đến năm 1883, khi Mác mất, Ăng-ghe-n tiếp tục sự nghiệp của bạn mình và của mình đến cuối năm 1895.

Phát kiến cơ bản của Mác và Ăng-ghe-n về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, bản chất của chủ nghĩa tư bản, nền tảng tư tưởng khoa học của học thuyết cộng sản chủ nghĩa đã được xác định trong những năm 40 của thế kỷ XIX.

Thời đại của Mác và Ăng-ghe-n, cũng tức là thời đại xuất hiện và truyền bá học thuyết Mác. Từ những năm 1840 đến những năm 1890, là giai đoạn đầu chủ nghĩa tư bản lần lượt xuất hiện ở mấy nước châu Âu và Bắc Mỹ. Cách mạng tư sản Anh năm 1646, cách mạng Mỹ năm 1776, cách mạng Pháp năm 1789... cũng là giai đoạn đầu của cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất với sự ra đời của máy hơi nước đầu tiên năm 1785. Cuộc cách mạng

cơ khí kéo dài, đến thời Mác - Ăng-ghe-n mới được thực hiện rộng rãi ở mấy nước nói trên. Trong thời gian tích tụ tư bản, để công nghiệp hoá, giai cấp tư sản bóc lột cực kỳ tàn nhẫn giai cấp vô sản chính quốc, đẩy mạnh chiến tranh thuộc địa, phá vỡ chế độ phong kiến ở các nước lạc hậu, biến các nước này thành thuộc địa để khai thác tài nguyên, sức lao động, mở rộng thị trường. Người da đen ở châu Phi bị bán sang Bắc Mỹ làm nô lệ. Người bản địa châu Mỹ, châu Úc bị đẩy lùi; đất nước họ biến thành thuộc địa của chủ nghĩa tư bản. Trữ lượng vàng to lớn ở châu Mỹ bị khai thác. Đây là một thời kỳ căng thẳng ác liệt có tính toàn cầu: xung đột vô sản - tư sản ở nước tư bản chủ nghĩa, xung đột vũ trang giữa mấy nước tư bản chủ nghĩa với phần còn lại của thế giới.

Giai cấp vô sản là lực lượng nổi bật trong xã hội tư bản. Chính họ làm ra và sử dụng máy móc lại bị máy móc, lúc đầu họ hiểu như vậy, làm cho kiệt sức điêu đứng vì lao động cực nhọc, tiền lương ít ỏi. Họ nổi dậy phá máy, bãi công, bắt đầu chỉ ở từng nhà máy, về sau cả giai cấp đứng dậy đấu tranh chống giai cấp tư sản. Đây là hiện tượng mới chưa từng thấy trong lịch sử. Sự đàn áp của giai cấp thống trị cực kỳ dã man.

Các dân tộc lớn nhỏ ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ (trừ Hoa Kỳ) đều bị thôn tính bằng vũ lực, kể cả những dân tộc lớn đã từng có nền văn hoá rực rỡ tỏa sáng toàn cầu như Trung Hoa, Ấn Độ, các nước Ả-rập. Giữa lúc *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* được công bố, nước Pháp của cuộc Cách mạng năm 1789, chuẩn bị tiến công xâm lược Việt Nam.

Học thuyết của Các Mác và Phri-đrích Ăng-ghe-n ra đời trong cơn khủng hoảng về xã hội và tư tưởng thời bấy giờ. Trực tiếp kế thừa và điều chỉnh, phát triển những đỉnh cao của triết học, tiêu biểu là triết học cổ điển Đức với hai nhân vật đứng đầu là Hêghen và Phoiơbắc, của kinh tế học Anh là Xmit và Ricácđô, của chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội không tưởng tiêu biểu nhất là của Xanh - Ximông, Phuriê và Ôoen, hai nhà trí thức trẻ, xông vào cuộc sống để tìm cho ra chân lý, làm rõ nguồn gốc nhận thức của con người, nguồn gốc đau khổ, bất công xã hội. Bằng con đường phê phán những học thuyết đang phổ biến, nghiên cứu khoa học, tiếp xúc, quan sát, phân tích cuộc sống xã hội, trong ba năm 1844 đến 1847, Mác và Ăng-ghe-n nắm được cái chìa khoá để tìm hiểu những quy luật vận động của vũ trụ, xã hội, con người. Như Mác nói: ông muốn đi xa hơn, không phải giải thích thế giới bằng cách này hay cách khác, vấn đề quan trọng là cải tạo nó. Phải phê phán thế giới đang tồn tại và phê phán cả bằng vũ khí.

Từ bỏ chủ nghĩa duy tâm biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật siêu hình của Phoiơbắc nhưng nhờ lĩnh hội được phần khoa học của các triết học đó, hai ông xây dựng một triết học hoàn chỉnh hoàn toàn mới, nói cách khác, đã xác lập được cơ sở khoa học của tư duy triết học - chủ nghĩa duy vật biện chứng, tức là đạt được thành tựu mà loài người đã chuẩn bị mấy nghìn năm với hàng trăm trường phái khác nhau mà chưa thành công. Từ khoa học tư duy, tức là tìm ra các quy luật vận động khách quan

phổ biến của vận vật, hai nhà sáng lập học thuyết mới lại xác lập nền tảng khoa học cho các ngành tri thức khác: lịch sử phát triển xã hội loài người, những quy luật vận động của các hình thái kinh tế, đi sâu vào hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, và nhiều lĩnh vực tri thức khác.

Thay đổi thế giới là sự nghiệp cách mạng của quần chúng. Những hoài bão của các nhà tư tưởng cải cách xã hội trước Mác, nói chung, không đề xuất những cuộc cách mạng của quần chúng trong những phạm vi rộng lớn của từng nước hoặc cả thế giới, mà bằng nhiều con đường khác nhau của từng nhóm người, không phân biệt giàu nghèo, lao động chung, hưởng thụ chung như nhau, không có hiện tượng người áp bức, bóc lột người. Khi đặt tên chính đảng đầu tiên của giai cấp vô sản, Mác và Ăng-ghen không dùng khái niệm xã hội chủ nghĩa vì lúc ấy các cuộc thử nghiệm của Ôoen, Phuriê đã thất bại, nhiều tổ chức tấp nham ra đời cũng gọi là xã hội chủ nghĩa. Dùng khái niệm cộng sản chủ nghĩa, các nhà sáng lập muốn khẳng định tinh thần cải tạo tận gốc xã hội tư bản xác định chiều hướng phát triển của lịch sử, phác họa những nét lớn của một xã hội tương lai là thành công vĩ đại của các nhà sáng lập học thuyết Mác. Trong những điều kiện lịch sử lúc đó, dù là các bậc thiên tài, cũng không thể đi xa hơn.

Trong quá trình tiếp tục nghiên cứu khoa học, Mác và Ăng-ghen đi vào hoạt động thực tiễn. Đầu năm 1846, cùng với mấy người đồng chính kiến, hai ông thành lập Ủy ban thông tin quốc tế ở Thủ đô Bruyksen, nước Bỉ nhằm thiết

lập mối quan hệ giữa những người xã hội chủ nghĩa các nước, thông báo cho nhiều người biết về phong trào xã hội chủ nghĩa ở nước Đức. Trong thời gian ngắn, Ủy ban đã làm được một công việc to lớn: quy tụ được những người cách mạng ở các nước Anh, Pháp, Đức; tổ chức được nhiều tiểu ban thông tin ở Luân Đôn, Pari, Lơ Havơ, Copenhagen... Ủy ban đã trở thành trung tâm tư tưởng và chính trị của phong trào cộng sản.

Trong số những tổ chức công nhân quốc tế, Mác và Ăng-ghe-n đặc biệt quan tâm những công nhân Đức tập hợp trong Liên đoàn những người chính nghĩa. Hai ông chân thành giúp đỡ tổ chức này, vạch rõ khuynh hướng sai lầm của nó. Cuối tháng Giêng 1847, Ủy ban lãnh đạo đồng minh mời hai ông gia nhập và tham gia cải tổ tổ chức này. Đại hội họp tháng Sáu 1847 ở Luân Đôn, Mác và Ăng-ghe-n đóng góp những ý kiến cơ bản cho bản dự thảo điều lệ và những tư tưởng cơ bản cho bản dự thảo Cương lĩnh. Đại hội quyết định: Liên đoàn sẽ trở thành một đảng có tổ chức, dân chủ, các ban lãnh đạo được lựa chọn, có trách nhiệm báo cáo và bị bãi miễn. Đại hội hằng năm là cơ quan lãnh đạo cao nhất. Điều lệ đòi hỏi mỗi thành viên phải tự nguyện đi theo chủ nghĩa cộng sản, phục tùng những nghị quyết đã được đề ra một cách dân chủ.

Đại hội quyết định gọi tên là *Liên đoàn những người cộng sản*.

Đại hội lần thứ nhất ủy quyền cho Ăng-ghe-n soạn thảo những tín điều cộng sản chủ nghĩa, gọi là *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*.

Tháng Mười một 1847, Đại hội lần thứ hai của Liên đoàn, cũng họp ở Luân Đôn, với sự tham gia của đại biểu các nước Anh, Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ..., Mác và Ăng-ghe-n được ủy nhiệm soạn thảo cương lĩnh để đại hội thảo luận, thông qua. Hai ông lại được Ủy ban ủy quyền công bố cương lĩnh dưới hình thức một tuyên ngôn. Tháng Hai 1848, bản *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* được xuất bản công khai bằng nhiều ngôn ngữ các nước châu Âu.

Hoàn cảnh ra đời của chính Đảng cộng sản chủ nghĩa hiện đại và bản *Tuyên ngôn* của Đảng là như thế. Lênin đánh giá rằng: "Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng nhiều bộ sách".

Thật vậy, bản *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* đã khái quát những thành tựu to lớn cuộc cách mạng tư tưởng của loài người. Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng thành văn, triết học, sử học xuất hiện một quan niệm khoa học có hệ thống về lịch sử phát triển xã hội loài người qua các chế độ chính trị, kinh tế, về những động lực của lịch sử, về quá trình chế độ tư bản chủ nghĩa thay thế chế độ phong kiến, nhất là quá trình hình thành và những mâu thuẫn của hình thái kinh tế - xã hội tư bản và nguy cơ sự tan rã tất yếu của nó. *Tuyên ngôn* là một phát đại bác cỡ lớn nã vào chủ nghĩa tư bản. Còn đối với loài người, đối với khoa học, nó đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử tư tưởng, sự phát triển của trí tuệ con người. Quan niệm duy vật biện chứng, duy vật lịch sử được quán triệt sâu sắc trong toàn bộ tác phẩm. Phương pháp phê phán khoa học thể hiện sinh động từ đầu đến cuối.

Đúng như Mác nói: Từ trước đến nay người ta đi tìm chân lý bằng cách giải thích một cách khác nhau nhưng chưa ai đưa ra được một giải pháp có cơ sở khoa học cải tạo thế giới, chưa từng xuất hiện học thuyết nào phân tích, tổng kết những quy luật vận động của lịch sử, mở xẻ, khái quát xã hội tư bản chủ nghĩa từ mọi khía cạnh của nó, và chỉ rõ những lực lượng xã hội sẽ cải tạo thế giới tư bản chủ nghĩa.

Các nhà sử học truyền thống không xuất phát từ đời sống kinh tế, xã hội để phân tích những quan hệ chính trị, văn hoá. Chương I của *Tuyên ngôn* phân tích quan hệ giữa hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa dưới ánh sáng một quan niệm thế giới, phương pháp khoa học làm sáng tỏ những mâu thuẫn, những quy luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Cũng dưới ánh sáng thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, và bằng hình thức luận chiến, làm rõ những quan niệm khác nhau về một loạt vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn giữa khoa học và ngụy biện, chân lý và phi lý.

Những điều trọng yếu sau đây được khẳng định: Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào đó phát minh; Những nguyên lý ấy chỉ là khái quát những điều kiện thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh xã hội hiện có, của một phong trào lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta; Việc xoá bỏ những quan hệ sở hữu đã có từ trước đến nay không phải là đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản.

Chế độ sở hữu trải qua những thay đổi liên tiếp, những cải biến liên tiếp trong lịch sử. Cách mạng Pháp chẳng hạn, đã xoá bỏ chế độ sở hữu phong kiến, để thay bằng chế độ sở hữu tư sản. Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xoá bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xoá bỏ chế độ sở hữu tư sản. Nhưng chế độ tư hữu hiện thời, chế độ sở hữu tư sản lại là biểu hiện cuối cùng và hoàn bị nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu dựa trên cơ sở những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia! (hoặc thiếu số bóc lột đa số - chú thích năm 1888 của Ăng-ghe-n) và do trình độ kỹ thuật sản xuất quyết định như Mác nói: cái máy xay gió đẻ ra chế độ phong kiến, cái máy hơi nước đẻ ra chế độ tư bản...

"Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác {...}. Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ"^{1*}.

Và hay biết bao khi nói về quyền lực nhà nước:

"Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp lại với nhau, thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị của nó"^{2*}.

1* Xem cuốn này, tr. 103-104, 108.

2* Xem cuốn này, tr.112.

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, xuất hiện một liên hiệp, trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"^{1*}. Đó là tóm tắt những nguyên tắc quan trọng nhất nội dung học thuyết cách mạng cộng sản chủ nghĩa khoa học. Và bản *Tuyên ngôn* cũng có thể gọi là tuyên ngôn khoa học và cách mạng lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử loài người.

Mác và Ăng-ghe-n nhiều lần nói với chúng ta rằng, học thuyết khoa học của hai ông không bao giờ là chân lý muôn thuở. Chân lý chỉ có trong cuộc sống thường xuyên vận động như nước không ngừng chảy, mây không ngừng trôi, chỉ có chân lý ấy là không bao giờ thay đổi. Có người hỏi ông về xã hội tương lai, ông nói: những con người của ngày mai sẽ không gốc gác như chúng tôi và các anh.

Mác và Ăng-ghe-n nhiều lần viết lời tựa cho các lần xuất bản *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Trong lời tựa viết năm 1872 cho bản tiếng Đức, hai ông viết: "Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong "Tuyên ngôn" này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do

1* Xem cuốn này, tr. 113.

đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức to lớn trong hai mươi lăm năm qua và giai cấp công nhân cũng đạt được những tiến bộ song song trong việc phát triển tổ chức đảng, do có những kinh nghiệm thực tiễn, trước hết là của Cách mạng tháng Hai, sau nữa và nhất là của Công xã Pa-ri lần đầu tiên đã đem chính quyền lại cho giai cấp vô sản trong hai tháng, cho nên hiện nay, cương lĩnh này có một số điểm đã cũ^{1*}.

Ngày nay một nền văn minh mới đã xuất hiện và mở đường cho sự phát triển với nhịp độ dồn dập, làm đảo lộn tất cả. Ăng-ghe-n đã nói: đứng trước những phát kiến mở ra thời đại, bản thân biện chứng pháp cũng phải thay mới hình thức của nó, ta hiểu thêm nội dung mới; tức là nền tảng khoa học của tư duy, vẫn phải giữ vững.

Thời đại của Mác và Ăng-ghe-n đã trôi qua trên một thế kỷ. Những biến đổi lớn diễn ra với nhịp độ chóng mặt, diện mạo thế giới hoàn toàn thay đổi so với hàng triệu năm trước đây, kể cả thế kỷ trước, thế kỷ cách mạng công nghiệp, cách mạng tư sản xoá bỏ trật tự phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm. Thời đại Mác, khoa học mới đạt được ba phát kiến lớn. Ngày nay, hầu như hàng ngày khoa học đều tìm ra những bí mật mới của vũ trụ và con người.

1* Xem cuốn này, tr. 39.

Có người nói rằng, ngày nay con người đã biết 80% bí mật của vũ trụ, kể cả thế giới vĩ mô lẫn vi mô. Khoa học đã bão hoà, việc quan trọng là đưa vào cuộc sống những thành tựu đã đạt được. Nhận xét ấy không phải không có chỗ đứng nhưng chưa được hoặc khó được chứng minh. Điều mà Mác và Ăng-ghe-n dự báo hiển nhiên đã trở thành hiện thực: trí tuệ đã trở thành sức sản xuất trực tiếp của cải vật chất và văn hoá.

Những nhà tương lai học chưa ai dám dự báo rằng xã hội loài người và con người sẽ tổ chức nền sản xuất và cuộc sống như thế nào khi chỉ cần mấy phần trăm lực lượng lao động có thể thỏa mãn mọi nhu cầu cuộc sống của cả loài người (không phải là khoa học viễn tưởng). Về lý thuyết thì có thể như vậy, nhưng vấn đề chưa giải đáp nổi là ai làm, ai hưởng thụ, ai làm chủ của cải xã hội. Người ta lại phải tìm đến ông Mác, mà ông không thể trả lời như cách đây hơn một trăm năm mươi năm trước, nhưng những quan niệm cơ bản của ông, thì không thể bác bỏ. Nhiều vấn đề mới xuất hiện từ thời đại mới cần được nghiên cứu và làm sáng tỏ. Như chúng ta đã biết, ngay khi còn sống, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã thấy những phần nhận định hoặc đề xuất của mình đã không phù hợp với sự thay đổi của tình hình, nhất là những phần có tính cương lĩnh, biện pháp như Ăng-ghe-n đã nói năm 1895 trước khi ông qua đời. Ngay phần nền tảng cơ bản của học thuyết, biết bao giá trị mới cần được làm phong phú thêm từ những thành tựu của khoa học tự nhiên đến lý luận, thực tiễn của công cuộc chuyển hoá từ hình thái kinh tế - xã hội đang tồn tại

sang một hình thái kinh tế - xã hội phù hợp với nền sản xuất bằng trí tuệ không ngừng bùng nổ.

Khổng Tử hướng về lễ nghĩa của nhà Chu. Mác và Ăng-ghe-n không hề có ý định kê sẵn thực đơn và đơn thuốc cho các thế hệ sau này của các dân tộc khác nhau. Các ông không có điều kiện trông thấy xã hội, con người ngày nay như chúng ta. Các ông càng không phán đoán nổi tiên đề những giả thuyết khoa học, khi được thể nghiệm, sẽ vấp phải những vấn đề phức tạp như thế nào. Thế hệ chúng ta chứng kiến cả thành công lẫn thất bại đều có tầm cỡ quốc tế.

Ngày nay, muốn hiểu rõ những giá trị của chủ nghĩa Mác cũng không có con đường nào khác ngoài con đường Mác và Ăng-ghe-n đi tìm chân lý, tức là biện chứng pháp duy vật, khoa học, phê phán và cách mạng.

Bốn loại vấn đề phải được làm sáng tỏ:

Một là, nền tảng cơ bản, tinh thần, nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác.

Hai là, những luận điểm về những vấn đề cụ thể được người ta coi là nguyên lý và những dự báo không được cuộc sống chứng minh.

Ba là, qua cuộc sống trên một thế kỷ vừa qua, cả thành tựu lẫn thất bại của cách mạng, cần được tổng kết để làm rõ hơn, hoặc nói cách khác, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác, vì nó đã cọ xát lâu dài với cuộc sống.

Bốn là, xuất phát từ thời đại mới, dự báo con đường phát triển của xã hội loài người cũng như tiền đề của chủ nghĩa Mác.

Nền tảng cơ bản, cái chìa khoá mà Mác và Ăng-ghen đã tìm thấy để mở cửa vào lâu đài mệnh mệnh không có điểm kết thúc của chân lý là chủ nghĩa duy vật biện chứng hoặc phương pháp biện chứng duy vật, đã được cuộc sống và các môn khoa học khác nhau chứng minh là khoa học, là những quy luật vận động chung nhất của vũ trụ, xã hội, con người, tư duy. Các khoa học đã đi rất xa và đều xuất phát từ những khởi điểm mà chủ nghĩa Mác phát hiện. Mác và Ăng-ghen còn gọi học thuyết của mình là học thuyết của sự phát triển vì đối tượng nghiên cứu của nó là sự hình thành, phát triển, tiêu vong của mọi sự vật trong một thế giới vật chất thống nhất, mâu thuẫn giữa các mặt đối lập, là bản thân sự vận động của sự vật, quá trình vận động làm cho sự vật biến đổi từng bước khi đến điểm nút, thì chuyển sang một vật thể mới bằng sự đột biến, phủ định của phủ định. Hình thái biến đổi không hề giống nhau.

Xã hội tư bản có nhiều khuyết tật, tai họa. Nhận thức này đã khá phổ biến nhưng đối với mô hình xã hội chủ nghĩa đã tan rã, tâm lý bi quan về tiền đồ nhân loại cũng phát triển, và từ đó một số người hoài nghi con đường cải tạo thế giới do Mác đề xướng. Nói rằng, một cuộc khủng hoảng tư tưởng đang diễn ra trong xã hội hoặc bản thân phong trào cộng sản cũng đang trong cơn khủng hoảng là không có gì quá đáng. Thừa nhận nó và đưa ra những giải pháp góp phần vượt qua cuộc khủng hoảng, đó là yêu cầu của sự phát triển. Sự tiếp cận của một số người có thể sai lầm, nhưng với trình độ văn hoá, khoa học của

con người ngày nay và với nền công nghiệp hiện đại, loài người đã ở tầm cao tư duy đối với việc đề ra những giải pháp phát triển xã hội. Học thuyết cộng sản chủ nghĩa của Mác không thể giải đáp mọi vấn đề của thời đại mới, nhưng quan niệm, phương pháp tiếp cận của học thuyết ấy là nền tảng khoa học cho mọi sự tìm tòi.

Chủ nghĩa Mác đã bị chính những người tự cho mình là mácxít khái quát và áp dụng một cách lệch lạc. Vì vậy, như trên đã nói, cần phải làm rõ bốn loại vấn đề:

- Tư tưởng nền tảng, cốt lõi của học thuyết Mác, học thuyết cộng sản chủ nghĩa.

- Những luận điểm đã cũ về thời gian.

- Những hiện tượng nói và làm không phù hợp với bản chất chủ nghĩa Mác.

- Những vấn đề mới của thời đại.

Ăng-ghe-n nói bản chất học thuyết của chúng tôi là phê phán và cách mạng, hoặc như Lênin nói, chủ nghĩa Mác là học thuyết của sự phát triển, nghĩa là khoa học. Gọi là học thuyết giải phóng cũng đúng, vì trước hết và vấn đề then chốt là sự xác lập nền tảng khoa học về thế giới. Từ thời cổ đại đến thời trung đại, trên hai nghìn năm, nhiều trường phái triết học khác nhau đã ra đời ở cả phương Đông lẫn phương Tây, nhưng chưa trường phái nào khẳng định nguồn gốc của ý thức là vật chất vận động biện chứng. Người ta chỉ nhận thức được từng phần chân lý hoặc trái với nó, cho rằng ý thức là cái bẩm sinh, hoặc tồn tại bên ngoài vật chất, quyết định được tất cả. Vật chất tan biến, ý thức vẫn tồn tại, linh hồn và vật chất là hai thực thể

khác nhau. Giải quyết đúng vấn đề quan hệ giữa vật chất và ý thức là thực hiện được cuộc giải phóng về tư tưởng, nâng con người lên trình độ tự giác nhận thức được thế giới và bản thân mình. Sản xuất vật chất là nền tảng đời sống xã hội, là phát hiện của Mác. Phát hiện đó là tiền đề quan niệm lịch sử khoa học.

Phần cơ bản này của học thuyết Mác vẫn giữ nguyên giá trị lâu dài. Chủ nghĩa duy vật lịch sử là điểm xuất phát của nhận thức về sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu, tốt đẹp hơn, công bằng, bác ái, không có tai họa người bóc lột người, xung đột xã hội, chiến tranh, nghĩa là xã hội thật sự của con người với tất cả các mối quan hệ đều xuất phát từ bản chất con người. Khác với xã hội tư bản chủ nghĩa, tính loài vật vẫn còn chi phối nặng nề bắt đầu từ sự tha hoá của lao động, đáng lẽ là tự do, nó vẫn còn là tất yếu, bán sức lao động để sống, chứ không thể làm chủ sức lao động sáng tạo.

Về chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, trong bản Cương lĩnh đầu tiên của Liên minh những người cộng sản, do Ăng-ghe-n soạn thảo năm 1847 - *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, có nói: Chế độ tư hữu không thể xoá bỏ ngay lập tức, mà phải gắn liền với sự phát triển của sức sản xuất, mà sức sản xuất thì không thể phát triển ngay lập tức được. Trong bản *Tuyên ngôn* năm 1848, điều này được nói rõ thêm rằng: những người cộng sản không chủ trương xoá bỏ mọi hình thức sở hữu vì chúng đã bị chủ

nghĩa tư bản xoá bỏ để duy trì độc quyền của sở hữu tư sản. Học thuyết của chúng tôi chủ trương xoá bỏ sở hữu tư nhân đó. Trải qua thực tiễn cách mạng, nhiều luận điểm của Mác bị làm sai lạc, giải thích tuỳ tiện.

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản mở đầu bằng câu: "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp"^{1*} đã được hiểu và giải thích khác nhau. Trong thời điểm ra đời của *Tuyên ngôn* nói như vậy là đúng và cần thiết, vì: 1) Quan điểm lịch sử đang lưu hành là duy tâm; 2) Tình hình cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp, Đức, Anh; hoặc nói chung ở châu Âu đang rất ác liệt và sắp bùng nổ thành xung đột (1848, 1849); 3) Về lâu dài, nó cũng vẫn có mặt đúng. Trong lần xuất bản *Tuyên ngôn* (năm 1888), và trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Ăng-ghe-n đã chú thích: toàn bộ lịch sử thành văn thay đoạn lịch sử tất cả các xã hội, vì người ta đã phát hiện công xã nguyên thủy là hình thái kinh tế chưa có sự phân hoá giai cấp. Mặt khác, lịch sử xã hội loài người còn là lịch sử xuất hiện của nhiều nhân tố phát triển như kỹ thuật sản xuất, văn hoá, tổ chức con người, v.v..

Những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học không chỉ nói đến sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, tuy luôn luôn nhấn mạnh trong việc xoá bỏ chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, Ăng-ghe-n nói rằng: "Giai cấp vô sản hay là

1* Xem cuốn này, tr. 76.

giai cấp của những người vô sản là giai cấp lao động trong thế kỷ thứ XIX, do cuộc cách mạng công nghiệp sinh ra". Ba năm trước đó, ông viết cuốn sách nổi tiếng mà Mác rất ca tụng, cuốn: *Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh* (chưa có khái niệm vô sản).

Định nghĩa này nói lên hai điều: 1) Không phải thời nào cũng có giai cấp vô sản (không có tư liệu sản xuất); 2) Kỹ thuật quyết định phân công lao động xã hội. Những người lao động thời nào cũng có. Trong xã hội nguyên thủy, mọi người đều lao động; các xã hội phân chia giai cấp đối kháng giữa bóc lột và bị bóc lột chỉ là những hiện tượng tạm thời trong lịch sử lâu dài của loài người.

Mác nói không ít về liên minh giữa vô sản với nông dân, tiểu tư sản thành thị và hoà hợp xã hội trong xã hội tương lai. Ông cũng nói nhiều về cách mạng giải phóng của các dân tộc bị áp bức.

Chính Mác nêu ra yêu cầu giải phóng giai cấp lao động, tất cả mọi người, không phân biệt giới tính, giống nòi. Ông nhiều lần dùng khái niệm quần chúng lao động, những người lao động, dân chúng, nhân loại.

Tóm lại, hai ông tập trung nhiều hơn vào việc nghiên cứu về quan hệ giữa hai giai cấp cơ bản ở mấy nước Tây Âu, đồng thời có quan điểm rõ ràng đối với các giai cấp lao động khác. Tư tưởng cơ bản của hai ông là giải phóng nhân loại, xoá bỏ sự phân chia giai cấp trong xã hội. Phạm vi những vấn đề Mác và Ăng-ghe-nhien nghiên cứu rất rộng và đi sâu vào bản chất của chúng trong thời đại của các ông. Thành tựu tri thức lớn hơn nhiều lần các thời

trước nhưng lịch sử không ngừng vận động, nhiều vấn đề mới xuất hiện. Mỗi thế hệ phải giải quyết những vấn đề của mình và tham khảo những di sản của các thế hệ đã qua. Đó là quy luật của sự tiến hoá.

Các công trình khoa học của chủ nghĩa Mác nguyên thủy cũng dành khá nhiều chỗ cho những vấn đề chiến lược, sách lược, phương pháp cách mạng. Đối với ngày nay, những tiếp cận đó giúp chúng ta phương pháp tìm hiểu những vấn đề về cách mạng xã hội của thời đại chúng ta.

Về hình thức, phương pháp hoặc là con đường quá độ từ xã hội cũ lên xã hội mới, là những chủ đề các cuộc tranh luận kéo dài vô tận trên một thế kỷ và chắc rằng chưa thể chấm dứt vì chúng chưa được giải quyết hoặc cách lý giải chưa đủ sức thuyết phục.

Trước hết phải làm rõ vấn đề này chỉ là phương tiện, biện pháp, chứ không phải là mục đích cách mạng. Việc sử dụng hình thức, phương pháp nào do hoàn cảnh cụ thể quyết định, hoàn toàn không do ý muốn của con người. Quan niệm của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác về vấn đề này là biện chứng duy vật. Hai ông nhấn mạnh phương pháp, con đường bạo lực trong hoàn cảnh lúc ấy là đúng vì ở mấy nước công nghiệp hoá Tây Âu, những cuộc xung đột giai cấp diễn ra đẫm máu trên đường phố, nhất là ở Pháp và Đức, mà chính các ông cũng là đối tượng của sự đàn áp. Trong quá khứ, những cuộc chuyển tiếp giai đoạn lịch sử cũng diễn ra đầy máu và nước mắt, những cuộc chiến tranh tàn khốc nổ ra liên miên kéo dài từ thời Rôma. Những khả năng bạo lực không hề được trình bày một

cách cực đoan thành thuyết bạo lực như có người sau này giải thích. Mác đặt hy vọng ở khả năng chuyển hoá hoà bình ở nước Anh bằng cách mua lại. Còn Ăng-ghe-n thì khẳng định rằng những người mácxít mong muốn thực hiện sự chuyển hoá bằng con đường hoà bình và sẽ là những người đầu tiên phản đối bạo lực. Hoà bình hay không hoà bình không do những người lao động quyết định. Ấy thế mà, về sau, quan niệm này được tuyệt đối hoá, mặc dù nhiều cuộc cách mạng bạo lực đã liên tiếp bùng nổ. Đối với toàn bộ lịch sử, không thể nói con đường bạo lực như một định mệnh. Nhiều trường hợp tự chuyển hoá đã diễn ra trong lịch sử như những cuộc cải cách của Pie Đại đế, Minh Trị...

Vấn đề chính quyền nhà nước đã trở thành một vấn đề được tranh luận dai dẳng, không kém gay gắt, nhất là thể hiện trong cuộc sống. Những biểu hiện không phù hợp với bản chất của những cuộc cách mạng của quần chúng giải phóng xã hội, dân tộc, giành quyền làm chủ. Cả lý luận ban đầu, các cách giải thích, lý giải và thực hành cũng đều có vấn đề.

Các nhà sáng lập học thuyết cộng sản chủ nghĩa là những người đầu tiên phát hiện nguồn gốc, tính chất giai cấp của nhà nước. Nó là đại biểu của giai cấp thống trị, quản lý công việc bảo vệ lợi ích của giai cấp ấy, chống lại những đối tượng thống trị nó. Chân lý ấy không ai bác bỏ nổi.

Nhà nước có chức năng trấn áp, nhưng không phải là chức năng duy nhất thường xuyên. Nhà nước của các giai

cấp bóc lột thực hành chuyên chính để tiến hành bóc lột. Khi các giai cấp lao động đã cầm quyền thì bản chất của nhà nước đã thay đổi, quyền lực của các giai cấp bóc lột đã bị loại trừ, những tư liệu sản xuất của họ đã bị xã hội hoá. Về thực tế, chính những người bóc lột cũng được giải phóng, trở thành người lao động tự do. Mục đích của cách mạng là thay đổi phương thức sản xuất, giải phóng những người đại diện của phương thức sản xuất ấy, chứ tuyệt nhiên không phải là thực hiện một cuộc trả thù xã hội. Mọi người đều được đối xử như những con người theo tinh thần nhân đạo, văn minh, bình đẳng. Cuộc cách mạng chân chính nhất do những người lao động tiến hành phải làm như vậy. Nhưng, vì bị bóc lột tàn nhẫn và bị đối xử thô bạo, người lao động có tâm lý trả thù và những người đã nắm mọi quyền lực, của cải bỗng chốc bị mất đi, rất khó cam chịu. Vì vậy, Nhà nước mới không thể không tổ chức công cuộc bảo vệ lợi ích của nhân dân. Khi nói về nhà nước của giai cấp bóc lột, Mác nhấn mạnh bản chất chuyên chính của nó là đúng, còn giai cấp tư sản thì lại nhấn mạnh mặt dân chủ, tự do là những khẩu hiệu do những cuộc cách mạng tư sản nêu lên vì quyền lợi của giai cấp ấy. Cách mạng của những người lao động, của quần chúng nhân dân nêu cao khẩu hiệu giành lấy chính quyền nhà nước về tay mình, tức là giành lấy dân chủ, quyền làm chủ. Vậy, bản chất nhà nước nhân dân là dân chủ. Nền dân chủ ấy thể hiện ngay từ khi nó xuất hiện, nó đã là chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân. Và lại, khi xã hội đã được giải

phóng, chính quyền nhà nước thuộc về nhân dân, quyền thống trị về kinh tế, chính trị, xã hội của giai cấp tư sản không tồn tại; xã hội mới đã trở thành xã hội của những người lao động tự do, mở đầu kỷ nguyên mà *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* nói: Kết thúc kỷ nguyên tất yếu, mở đầu kỷ nguyên tự do trong xã hội loài người. Sự quá độ từ các xã hội cũ sang xã hội mới trên phạm vi thế giới là một quá trình lịch sử lâu dài, hết sức quanh co, phức tạp. Những nước đi trước phải đương đầu với sự phản kích nhiều mặt, hết sức độc ác của thế giới cũ và mưu toan khôi phục những tàn dư của các thế lực đã bị đánh đổ cho nên phải tổ chức tốt công cuộc bảo vệ, phòng thủ. Nói rằng, những thế lực đã bị đánh đổ có mưu toan kháng cự và dựa vào chủ nghĩa đế quốc quốc tế để phục thù mạnh hơn so với trước khi bị đánh đổ thì đúng, nhưng thế lực thực tế tại chỗ của chúng không thể còn như trước. Nói rằng, cách mạng càng thắng, đấu tranh giai cấp càng mạnh trong xã hội, thậm chí cả trong đảng, thì rõ ràng không phù hợp với tình hình thực tế và xuất phát từ những ý đồ không lành mạnh. Từ cách nhận định đó, có người còn hô lớn: Đấu tranh giai cấp muôn năm! Chuyên chính vô sản muôn năm! để chứng tỏ sự vững vàng của lập trường vô sản, và tinh thần của cách mạng triệt để hơn cả Mác, Ăng-ghe-n. Nguồn gốc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội đã được thể hiện có nhiều nguyên nhân, trong đó trước hết là sai lầm chung quanh các vấn đề hình thức sở hữu, chính sách, kế hoạch sản xuất, chính sách phân phối, tổ chức, điều hành nền kinh tế

quốc dân, vấn đề các quy luật kinh tế, vấn đề các động lực của phát triển kinh tế, xã hội, tức là nhóm những vấn đề kinh tế.

Nhóm vấn đề chính trị thuộc về loại những nguyên nhân và cả nguồn gốc của khủng hoảng và tan rã. Từ *Tuyên ngôn* đến Cương lĩnh của tất cả các đảng tự nhận là mácxít đều khẳng định cuộc cách mạng mà mình chủ trương nhằm mục đích xoá bỏ mọi hình thức chuyên chế, giải phóng xã hội, con người, đưa con người từ địa vị nô lệ lên địa vị làm chủ. Mác nói "Nhân dân thiết lập chính quyền của mình", Ăng-ghe-n nói thêm "do mình tự quản lý"; Mác nhận định việc giai cấp vô sản lên nắm quyền lực không xoá bỏ đấu tranh giai cấp, nhưng sáng tạo hoàn cảnh hợp lý trong đó cuộc đấu tranh ấy có thể trải qua nhiều bước phát triển hợp lý nhất, nhân đạo nhất.

Chủ nghĩa Mác là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản và của nhân loại bị áp bức. Mỗi giai cấp có hệ ý thức của nó, mỗi chế độ có một hệ ý thức thống trị. Làm rõ vấn đề này là điều rất quan trọng cả về lý luận lẫn thực tế. Mỗi chế độ xã hội có một hệ ý thức chi phối, đồng thời tồn tại nhiều hệ hoặc hiện tượng ý thức khác vì xã hội có nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp, con người có nhiều trình độ. Trong nền văn minh cổ đại ở cả phương Đông lẫn phương Tây tồn tại rất nhiều trường phái tư tưởng, học thuật khác nhau, đối lập nhau, nhưng đồng thời tồn tại. Có thể giản đơn rằng, trong một xã hội có giai cấp, bên cạnh hệ tư tưởng thống trị có nhiều hệ tư tưởng khác nhau của giai cấp, tầng lớp bị thống trị. Chúng phản ánh thực tế xã hội.

Ăng-ghe-n nói: Phương pháp biện chứng duy vật mở ra về nguyên tắc của nó một hình thức mới lịch sử, của sự phát triển tri thức lý luận. Cuộc cách mạng tư duy ấy đồng thời mở ra quan hệ mới giữa tư tưởng và hành động. Trái tim của phương pháp biện chứng duy vật chủ nghĩa là lôgic cụ thể của đối tượng cụ thể, nghĩa là không thoát ly thực tế và hành động.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là khoa học lịch sử của chủ nghĩa Mác do ông phát kiến. Các nhà sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử dựa vào quan niệm khoa học và phương pháp luận duy vật biện chứng để chỉ ra sự vận động của lịch sử xã hội qua nhiều thời đại. Các nhà sáng lập cũng nói rằng, chủ nghĩa Mác không phải là sản phẩm của phong trào vô sản, và các ông vui mừng nhận định rằng hai phát hiện lớn đồng thời đạt được là chủ nghĩa Mác phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và giai cấp này có chủ nghĩa Mác dẫn đường làm thành sức mạnh thay đổi thế giới. Hai ông có quyền hy vọng như thế. Câu nói ấy nên hiểu là học thuyết của những người bị giai cấp tư sản bóc lột, nghĩa là của cả nhân loại.

Nhưng bản thân học thuyết Mác là thành tựu tư tưởng nhân loại và việc cải tạo thế giới cũng là sứ mệnh của toàn thể nhân loại tiến bộ, trước hết là của tất cả những người làm ra của cải vật chất, văn hoá của xã hội. Cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của đông đảo những con người lao động chân tay và trí óc. Mác đã viết cách mạng vô sản giải phóng tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, giới tính.

Trong các công trình khoa học của mình, Mác và Ăng-ghe-n có đề cập vấn đề dân tộc, ủng hộ phong trào độc lập dân tộc Ailen, Ba Lan, Ấn Độ... Câu nói nổi tiếng của Ăng-ghe-n vẫn còn đó: Một dân tộc áp bức một dân tộc khác thì chính dân tộc đó cũng không có tự do. Mác nói: giai cấp vô sản mỗi nước phải tự mình lật đổ giai cấp tư sản nước mình. Nhưng khi nhấn mạnh nguy cơ giai cấp tư sản các nước liên kết với nhau thành từng nhóm chống lại giai cấp vô sản các nước, thì bắt buộc giai cấp vô sản nêu cao tinh thần quốc tế đoàn kết chống lại chúng. *Tuyên ngôn* nói giai cấp vô sản không có tổ quốc trong bối cảnh giai cấp tư sản kêu gọi công nhân nước này chống lại công nhân nước khác vì lợi ích của chúng. Trên thực tế, dưới chủ nghĩa tư bản, mọi quyền hành và lợi ích của dân tộc đều nằm trong tay giai cấp cầm quyền. Nhấn mạnh một chiều tính chất quốc tế của cách mạng là một nguyên nhân dẫn đến nhiều lệch lạc sau này về tư tưởng, chính trị, thực tiễn. Có người giải thích một cách quá khích rằng: chủ nghĩa cộng sản là ba không: không tổ quốc, không gia đình, không tôn giáo. Người ta thả cửa lên án mọi hình thái của chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, kể cả những dạng chân chính, là động lực to lớn của cách mạng.

Về vấn đề này ba luận điểm cần được làm rõ là, về những nguyên nhân khách quan và chủ yếu, sự thay thế chế độ xã hội chỉ diễn ra ở từng nước. Thắng lợi của cách mạng nước này có thể tạo ra điều kiện thuận lợi từ bên ngoài cho thắng lợi của nước khác, nhưng bao giờ cũng

phải là sự nghiệp của quần chúng nước ấy là chính, sự áp đặt từ bên ngoài không phải là con đường dẫn tới sự thay đổi một giai đoạn lịch sử bằng một cuộc đồng khởi toàn cầu trong một thời gian ngắn.

Một vấn đề quan trọng đã được đặt ra, đó là quan niệm của Mác và Ăng-ghe-n về chính đảng của giai cấp vô sản. Vấn đề này đã không được hiểu đúng hoặc cố ý làm sai. Bản chất học thuyết Mác là một khoa học. Mục đích của nó là cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa, thiết lập một xã hội mới tự do, công bằng. Như hai ông đã nói, học thuyết của mình coi việc cải tạo thế giới là mục đích, còn giải thích nó là để chỉ rõ con đường. Vì mục đích ấy, hai ông kết hợp học thuyết của mình bằng cách tổ chức ra một chính đảng. Một nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Pari là không có một chính đảng lãnh đạo.

Sau Công xã Pari, Mác nhận thấy sự vắng mặt của một chính đảng thống nhất là một nguyên nhân thất bại. Giai cấp vô sản cần có một đội tiên phong chiến đấu được trang bị nhận thức về những quy luật tiến hoá xã hội.

Thời đại chúng ta khác xa với thời Mác và những đảo lộn sâu sắc đã diễn ra dồn dập không phải là những đảo lộn cuối cùng, mà rất có thể chúng còn chuẩn bị cho những đảo lộn sắp tới mà các nhà tương lai học nổi tiếng nhất chưa chắc đã dự báo được.

Đối với ý kiến cho rằng chủ nghĩa Mác đã chết cùng một lúc với sự sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (trước đây) thì chẳng ai bận tâm vì nói về cái chết tương đối giản đơn, nghĩa là nó đã chết.

Ở đây, chúng ta bàn về sự sống của cái mà có nơi nói rằng đã chết và nói về cái chết lại làm rõ cái sống.

Gót viết rằng:

Lý luận màu xám, bạn ơi!

Cây đời mãi mãi xanh tươi.

Lý luận màu xám là thứ lý luận xuất phát từ những suy tưởng chủ quan, những sự ước đoán, những lời phán truyền nhân danh những gì xa xăm, không hề tồn tại. Hệ thống lý luận của chúng ta xuất phát từ cuộc sống và tìm đến nó bằng con đường khoa học này như cây đời có gốc rễ bền vững, ngày càng ăn sâu trong đất và vươn cao lên tận trời xanh. Thời gian làm cho nó thay đổi cành lá, thân cây lớn lên.

Nền tảng học thuyết Mác, những dự báo không được chứng minh, những ý kiến không thích hợp với thời đại mới, xuất phát từ nội dung, bản chất thời đại mới, với lập trường cách mạng, phương pháp khoa học, người ta dễ dàng tiếp cận chân lý, làm giàu thêm tất cả các bộ phận của học thuyết Mác, tức là cập nhật hoá, tăng thêm sức sống của nó. Dù đi xa đến đâu, các nhà khoa học vẫn nắm vững cái mốc phát triển ngành khoa học của mình.

Không ai ngăn nổi, dù yêu hay ghét, những hiện tượng phản ánh xu thế thời đại do những điều kiện vật chất quyết định. Đó là:

Toàn cầu hoá đời sống kinh tế và nhiều mặt khác, trong quá trình hợp tác luôn luôn đi liền với cạnh tranh giữa lợi ích các nhà tư bản, các công ty, các nhà kinh doanh, các dân tộc.

Nền kinh tế nước nào cũng phải kết hợp quản lý vĩ mô với quản lý vi mô về lợi ích của các chủ sở hữu vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

Trình độ kỹ thuật sản xuất là yếu tố quan trọng quyết định các hình thức sở hữu. Với nền công nghệ mới, sự phân công lao động mới, nhiều hình thức sở hữu mới sẽ xuất hiện. Con đường thay đổi thế giới ngày nay muôn màu muôn vẻ. Hình thái kinh tế - xã hội nào không phù hợp với cuộc sống sẽ bị bản thân cuộc sống và hành động của quần chúng thay thế.

Mỗi dân tộc phát triển theo con đường do mình lựa chọn, nhưng chỉ phát triển được khi nó phù hợp với những điều kiện cụ thể và trào lưu tiến hoá chung của thế giới. Bơi ngược dòng thì chết chìm. Học thuyết Mác gợi ý cho người ta con đường đi tới chân lý, không áp đặt một hình mẫu cho tất cả vì cách làm đó là trái với chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chân lý luôn luôn cụ thể, là sản phẩm khách quan. Phải qua thử nghiệm để khẳng định, không ai làm nổi việc giữ độc quyền chân lý.

Nắm vững khoa học, Mác và Ăng-ghe-nơ có cống hiến lớn cho loài người. Học thuyết do hai ông sáng lập làm giàu kho tàng di sản tinh thần nhân loại như một viên ngọc sáng chói mãi mãi được ghi vào lịch sử. Nhưng trên con đường phát triển lâu dài, kho tàng di sản tinh thần của loài người ngày càng đồ sộ. Không có một nhà khoa học chân chính nào lại đơn độc, không có người kế tục.

Thời đại mới mang lại nhiều khả năng phát triển của xã hội, của sự quá độ từ chế độ hiện tại sang chế độ xã hội

ưu việt hơn vì điều kiện vật chất và chất lượng con người đều tốt hơn trước rất nhiều. Một điều những người cách mạng phải lưu ý là cách mạng không phải là hiện tượng tự phát, cũng không thể cưỡng bức lịch sử. Khi các điều kiện đã chín muồi, sự thay đổi ắt phải diễn ra.

Học thuyết Mác đã trở thành sức mạnh vật chất và di sản tinh thần quý báu của nhân dân ta, vì những tinh hoa của nó đã được gắn liền với tư tưởng truyền thống dân tộc ta, nâng nó lên một tầm cao mới trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và con người. Trên con đường đi tìm chân lý cứu nước, Hồ Chí Minh đã nắm chắc cái chìa khoá then chốt, kim chỉ nam của học thuyết, xuất phát từ thực tiễn một nước thuộc địa nhưng vốn là một dân tộc nghìn năm văn hiến để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng nước ta mà nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn đầu là: giải phóng dân tộc kết hợp từng bước với giải phóng xã hội. Con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, cách mạng nhân dân, khởi nghĩa nhân dân, chiến tranh nhân dân, chính quyền nhân dân, Đảng của dân, lãnh đạo là đây đó của dân... đều là những thành tựu của tư tưởng Việt Nam được kết hợp với tư tưởng khoa học và cách mạng.

Công cuộc đổi mới hiện nay theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng là thành tựu của tư duy khoa học và biện chứng duy vật mà đã hình thành dưới dạng mộc mạc từ lâu. Lý luận cách mạng Việt Nam là lý luận cách mạng giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội

công bằng, dân chủ và văn minh. Tiếp theo con đường tìm tòi chân lý của Mác mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, người Việt Nam chúng ta sẽ tiếp tục khai phá những chặng đường mới, xây dựng sự phồn vinh của đất nước, cuộc sống tự do, hạnh phúc của đồng bào ta từ một nước chưa trải qua cách mạng công nghiệp, cách mạng dân chủ tư sản.

Xã hội mà những người cộng sản chủ trương xây dựng là như thế nào? *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* nhấn mạnh hai nguyên tắc quan trọng: dựa trên một nền sản xuất kỹ thuật cao, khoa học đã trở thành sức sản xuất trực tiếp, xoá bỏ chế độ người áp bức, bóc lột người, thay thế bằng một xã hội, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của mọi người. Trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam năm 1945, Hồ Chí Minh nhắc lại câu nói của *Tuyên ngôn độc lập năm 1776* của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791: "Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Và: "*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi*". *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 xác định bản chất và phương hướng của cách mạng Việt Nam: hướng về nhân dân nhưng chỉ có thể trở thành hiện thực khi quyền lực thuộc về quần chúng nhân dân. Tự do, bình đẳng, bác ái vẫn chỉ là những từ ngữ trống rỗng ở các nước tư bản chủ nghĩa. Chúng ta hiểu khái niệm tự do như *Tuyên ngôn* nói và có thể giải thích thêm theo nghĩa đó. Xã hội có nghĩa vụ tạo

điều kiện đồng đều cho sự phát triển của mọi người, bảo đảm phân phối công bằng của cải xã hội, đền bù công sức lao động của mỗi người phù hợp với giá trị của nó, có tính phần đóng góp của họ cho xã hội, xoá bỏ sự tập trung của cải vào một bộ phận nhỏ dân số nhưng không nhất thiết công hữu hoá mọi thứ.

Tự do cá nhân và ý thức trách nhiệm cộng đồng là một.

Lịch sử vẫn tiến về phía trước.

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, áng hùng văn thiên cổ của loài người vẫn là ngôi sao chỉ đường cho sự phát triển và là học thuyết giải phóng. Chủ nghĩa tư bản có công lớn nhưng tội ác của nó cũng cao như núi. Nó chỉ là một hiện tượng tạm thời trong lịch sử không ngừng biến đổi của xã hội loài người.

Nhà cách mạng lão thành,

*Nhà báo **Hoàng Tùng***

LỜI TỰA CHO BẢN TIẾNG ĐỨC
"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"
XUẤT BẢN NĂM 1872¹

Liên đoàn những người cộng sản, - một tổ chức công nhân quốc tế, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, tất nhiên chỉ có thể là một tổ chức bí mật, - đã ủy cho những người ký tên dưới đây, là đại biểu dự Đại hội ở Luân Đôn tháng Mười một 1847, khởi thảo ra một cương lĩnh của Đảng có đầy đủ chi tiết, vừa về mặt lý luận, vừa về mặt thực tiễn, để đưa ra công bố. Đó là nguyên do vì đâu có bản "Tuyên ngôn" này; bản thảo của nó, một vài tuần trước Cách mạng tháng Hai, đã được gửi tới Luân Đôn để in. Trước tiên, bản ấy được công bố bằng tiếng Đức và ít ra cũng đã được xuất bản bằng tiếng này có đến mười hai lần ở Đức, ở Anh và ở Mỹ. Bản tiếng Anh do Ê-len Mác-pha-rơ-lin dịch, đã được đăng năm 1850 trên báo "Red Republican"² ở Luân Đôn, và đến năm 1871, ở Mỹ, ít ra cũng có ba bản dịch ra tiếng Anh. "Tuyên ngôn" được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp ở Pa-ri, ít lâu trước cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu 1848, và gần đây, được đăng trên tờ "Socialiste"³ ở Niu Oóc. Hiện nay, một bản dịch mới đang được chuẩn bị.

"Tuyên ngôn" được in ra tiếng Ba Lan ở Luân Đôn, ít lâu sau lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Đức. Trong những năm sáu mươi⁴, nó được xuất bản bằng tiếng Nga ở Giơ-ne-vơ. Nó cũng đã được dịch ra tiếng Đan Mạch, ít lâu sau khi được công bố.

Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong bản "Tuyên ngôn" này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi lăm năm qua và giai cấp công nhân cũng đạt được những tiến bộ song song trong việc phát triển tổ chức đảng, do có những kinh nghiệm thực tiễn, trước hết là của Cách mạng tháng Hai, sau nữa và nhất là của Công xã Pa-ri lần đầu tiên đã đem chính quyền lại cho giai cấp vô sản trong hai tháng, cho nên hiện nay, cương lĩnh này có một số điểm đã cũ. Nhất là Công xã đã chứng minh rằng "giai cấp công nhân không thể chỉ nắm lấy bộ máy nhà nước sẵn có và bắt nó hoạt động phục vụ mình". (Xem "Nội chiến ở Pháp", "Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế", trong đó ý kiến

nói trên đã được phát triển rõ hơn⁵. Ngoài ra, hiển nhiên là việc phê phán những văn phẩm xã hội chủ nghĩa chưa được đầy đủ, chưa nói đến thời kỳ hiện nay, vì nó chỉ nói đến những văn phẩm từ năm 1847 trở về trước. Và cũng hiển nhiên là những nhận định về thái độ của người cộng sản đối với các đảng đối lập (chương IV), nếu cho đến nay vẫn còn đúng trên những nét cơ bản thì trong chi tiết, những nhận định ấy đã cũ rồi, vì tình hình chính trị đã hoàn toàn thay đổi và sự tiến triển lịch sử đã làm tiêu tan phần lớn những đảng được kể ra trong đó.

Tuy nhiên, "Tuyên ngôn" là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại. Có lẽ là trong mỗi lần xuất bản, sẽ có một lời tựa để bổ sung vào khoảng trống từ năm 1847 đến nay; lần tái bản này đột ngột quá không cho phép chúng tôi có đủ thì giờ để viết lời tựa ấy.

Luân Đôn, ngày 24 tháng Sáu 1872

Các Mác
Phri-đrích Ăng-ghe-n

Theo đúng bản in trong cuốn
"Das kommunistische Manifest.
Neue Ausgabe mit einem Vorwort
der Verfasser". Leipzig, 1872

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI TỰA CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI BẰNG TIẾNG NGA CUỐN "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"¹⁶

Bản tiếng Nga đầu tiên của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", do Ba-cu-nin dịch, đã xuất bản vào đầu những năm 60⁷ do nhà in "Cái chuông"⁸ in. Lúc bấy giờ, đối với phương Tây thì một bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Nga, giỏi lắm chỉ là một của lạ về văn chương mà thôi. Ngày nay, cái quan niệm như thế là không thể tồn tại được nữa rồi.

Trong thời kỳ đó (tháng Chạp 1847), địa bàn truyền bá của phong trào vô sản còn hẹp biết bao, điều ấy biểu lộ rất rõ ở chương cuối của bản "Tuyên ngôn": "Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập khác nhau" ở các nước. Trong chương ấy, nước Nga và nước Mỹ, chẳng hạn, không được nói tới. Đó là thời kỳ mà nước Nga là đội quân hậu bị lớn, cuối cùng của tất cả các thế lực phản động châu Âu và là thời kỳ mà việc di dân sang Mỹ đã thu hút những lực lượng còn thừa lại của giai cấp vô sản châu Âu. Cả hai nước ấy cung cấp nguyên liệu cho châu Âu và đồng thời là một thị trường tiêu thụ những sản phẩm công nghiệp của châu Âu. Cho nên, lúc đó, cả hai nước ấy, bằng cách này hay cách khác, đều được dùng làm thành trì cho chế độ xã hội ở châu Âu.

Ngày nay, tất cả tình hình ấy đã thay đổi biết bao! Chính sự di dân của châu Âu đã tạo khả năng cho sự phát triển phi thường của sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mỹ, sự phát triển này bằng cạnh tranh mà làm lay chuyển tận nền móng của chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn cũng như nhỏ ở châu Âu. Chính sự di dân ấy đồng thời cũng đã đem lại cho Mỹ khả năng khai thác những tài nguyên giàu có cho sự phát triển công nghiệp của nó, trên quy mô to lớn và mạnh mẽ đến nỗi độc quyền công nghiệp của Tây Âu và nhất là của nước Anh phải bị phá vỡ trong một thời gian ngắn. Hai tình huống ấy lại tác động trở lại một cách cách mạng vào chính ngay nước Mỹ. Chế độ chiếm hữu ruộng đất nhỏ và trung bình của những phéc-mi-ê, cái cơ sở của toàn bộ chế độ chính trị của nước ấy, đã quy dần dưới sự cạnh tranh của những nông trang khổng lồ, trong khi ấy thì ở các khu công nghiệp, lần đầu tiên, một giai cấp vô sản đông đảo đang phát triển bên cạnh sự tập trung phi thường của tư bản.

Bây giờ, chúng ta nói đến nước Nga! Trong cuộc cách mạng 1848-1849, không những bọn vua chúa châu Âu, mà cả giai cấp tư sản châu Âu, đã coi sự can thiệp của nước Nga là phương tiện duy nhất để cứu chúng thoát khỏi tay giai cấp vô sản vừa mới bắt đầu thức tỉnh. Chúng tuyên bố Nga hoàng làm trùm thế lực phản động châu Âu. Hiện nay, Nga hoàng đã là tù binh của cách mạng ở Gát-si-na⁹, và nước Nga đang là đội quân tiên phong của phong trào cách mạng ở châu Âu.

"Tuyên ngôn cộng sản" có nhiệm vụ tuyên bố sự diệt vong không tránh khỏi và sắp xảy ra của chế độ sở hữu tư sản

hiện đại. Nhưng ở Nga, bên cạnh sự hoạt động ráo riết của chủ nghĩa tư bản đang phát triển nhanh chóng và chế độ sở hữu ruộng đất tư sản đang hình thành, thì chúng ta thấy quá nửa số ruộng đất là sở hữu công xã của nông dân. Bây giờ, thử hỏi công xã^{1*} Nga, cái hình thức thật ra đã bị phá hoại ghe gớm ấy của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy, có thể chuyển thẳng sang hình thức cao, hình thức công hữu cộng sản chủ nghĩa được không? Hay là, trái lại, trước hết nó cũng phải trải qua cái quá trình tan rã giống như quá trình mà tiến trình lịch sử của phương Tây phải trải qua?

Ngày nay, lời giải đáp duy nhất có thể có được cho câu hỏi ấy là thế này: nếu cách mạng Nga là tín hiệu của cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau thì chế độ sở hữu công xã về ruộng đất ở Nga hiện nay có thể là điểm xuất phát của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa.

Luân Đôn, ngày 21 tháng Giêng 1882

Các Mác
Phri-drích Ăng-ghen

Đã in trong cuốn: C. Mác và Ph. Ăng-ghen. "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", Giơ-ne-vơ, 1882 *In theo bản thảo Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} Trong nguyên bản chữ này là tiếng Nga được viết bằng chữ cái La-tinh.

LỜI TỰA CHO BẢN TIẾNG ĐỨC
"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"
XUẤT BẢN NĂM 1883¹⁰

Thật buồn cho tôi là phải một mình ký tên dưới lời tựa viết cho lần xuất bản này. Mác, người mà toàn thể giai cấp công nhân châu Âu và châu Mỹ phải chịu ơn nhiều hơn bất cứ ai, bây giờ đã yên nghỉ ở nghĩa trang Hai-ghét, và lớp cỏ đầu tiên đã mọc xanh trên mộ ông. Ông đã mất rồi, nên dù thế nào cũng không thể nói đến việc sửa lại hay bổ sung "Tuyên ngôn" nữa. Do đó, tôi càng thấy cần nêu lên một cách hoàn toàn rõ ràng một lần nữa điều sau đây.

Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của "Tuyên ngôn" là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức

là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp, - tư tưởng cơ bản ấy hoàn toàn và tuyệt đối là của Mác¹⁾.

Tôi đã nhiều lần tuyên bố như thế, nhưng bây giờ lời tuyên bố ấy cũng cần phải được ghi lên đầu "Tuyên ngôn".

Luân Đôn, ngày 28 tháng Sáu 1883

Phri-đrích Ăng-ghe-n

*Đã in trong cuốn "Das
Kommunistische Manifest",
Hottingen-Zürich, 1883*

*In theo bản tiếng Đức xuất
bản năm 1890, có đối chiếu với
bản in năm 1883
Nguyên văn là tiếng Đức*

1) Tôi đã viết trong lời tựa của bản dịch tiếng Anh [xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.523-524]: "Tư tưởng đó - tư tưởng mà tôi cho rằng nó ắt phải đánh dấu một bước tiến có ý nghĩa trong khoa học lịch sử, giống như học thuyết của Đác-uy-n trong sinh vật học, - cả hai chúng tôi đều dần dần đạt tới từ nhiều năm trước 1845. Bản thân tôi đã tự mình đi theo hướng đó tới mức độ nào thì ai nấy đều có thể xét đoán được qua cuốn sách của tôi "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"¹¹. Mùa xuân 1845, khi tôi gặp lại Mác ở Bruy-xen thì Mác đã phát triển tư tưởng đó và đã trình bày với tôi cũng gần rõ ràng như tôi trình bày ở đây vậy". (*Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890*).

**LỜI TỰA CHO BẢN TIẾNG ANH
XUẤT BẢN NĂM 1888
"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"**

"Tuyên ngôn" là cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản, một hiệp hội công nhân, lúc đầu hoàn toàn là một tổ chức của người Đức, sau đó trở thành một tổ chức quốc tế; hiệp hội này, trong những điều kiện chính trị trên lục địa trước năm 1848, chỉ có thể là một hội bí mật. Tại đại hội của Liên đoàn họp ở Luân Đôn, tháng Mười một 1847, Mác và Ăng-ghe-n được giao nhiệm vụ khởi thảo một cương lĩnh lý luận và thực tiễn của Đảng, có đầy đủ chi tiết, để đưa ra công bố. Công việc đó đã được hoàn thành vào tháng Giêng 1848; bản thảo viết bằng tiếng Đức, đã được gửi tới Luân Đôn để in, vài tuần trước khi cuộc Cách mạng 24 tháng Hai nổ ra tại Pháp. Bản dịch ra tiếng Pháp đã ra đời ở Pa-ri, ít lâu trước cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848. Bản dịch ra tiếng Anh lần đầu tiên, do Ê-len Mác-pha-rơ-lin dịch, đã được đăng trên tờ "Red Republican" của Gioóc-giơ Giuy-li-an ở Luân Đôn, 1850. Các bản tiếng Đan Mạch và Ban Lan cũng đã ra đời.

Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri - trận chiến đấu lớn đầu tiên giữa giai cấp vô sản và

giai cấp tư sản - lại đẩy lùi những yêu sách xã hội và chính trị của giai cấp công nhân châu Âu trong một thời gian. Từ đó, chỉ riêng các tập đoàn giai cấp hữu sản lại đấu tranh với nhau để giành quyền thống trị, hệt như trước Cách mạng tháng Hai; giai cấp công nhân lại phải đấu tranh để giành tự do hoạt động chính trị và giữ lập trường của cánh cực đoan của bộ phận cấp tiến trong giai cấp tư sản. Bất cứ phong trào vô sản độc lập nào mà còn tiếp tục hoạt động một chút, đều bị đàn áp một cách tàn nhẫn. Vì thế, bọn cảnh sát Phổ đã phát hiện được Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản lúc đó đóng ở Khuên. Các ủy viên trong Ban chấp hành trung ương đều bị bắt và sau mười tám tháng giam cầm, đã bị đưa ra xử vào tháng Mười 1852. "Vụ án những người cộng sản ở Khuên", vụ án trứ danh đó, kéo dài từ ngày 4 tháng Mười đến ngày 12 tháng Mười một; bảy người trong số các bị cáo đã bị kết án từ ba đến sáu năm tù cấm cố. Lập tức sau khi vụ án đã xử xong, Liên đoàn đã bị những hội viên không bị bắt chính thức tuyên bố giải tán. Còn bản "Tuyên ngôn" thì người ta cho rằng sau đó, nó đã bị lãng quên.

Khi giai cấp công nhân châu Âu đã lại sức đủ để mở một cuộc tấn công mới vào các giai cấp thống trị thì Hội liên hiệp công nhân quốc tế ra đời. Nhưng hội này - thành lập nhằm mục đích rõ rệt là đoàn kết tất cả các lực lượng chiến đấu của giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ thành một khối - lại không thể tuyên bố ngay tất cả những nguyên lý đề ra trong "Tuyên ngôn" được. Cương lĩnh của

Quốc tế phải khá rộng rãi để cho cả những hội công liên ở Anh, những môn đồ của Pru-đông ở Pháp, Bỉ, I-ta-li-a và Tây Ban Nha, cũng như phái Lát-xan¹⁾ ở Đức đều có thể chấp nhận được. Mác, người thảo cương lĩnh sao cho thỏa mãn được tất cả các đảng đó, đã hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển trí tuệ của giai cấp công nhân, sự phát triển mà hành động chung và sự trao đổi ý kiến chung nhất định sẽ mang lại. Chính do bản thân các sự biến và do những sự thành bại trong cuộc đấu tranh chống tư bản - do những thất bại nhiều hơn là do những thành công - mà công nhân không thể không cảm thấy rằng tất cả các môn thuốc vụn vụn của họ đều vô dụng, họ không thể không đi tới chỗ nhận thấy tường tận những điều kiện thực sự của công cuộc giải phóng giai cấp công nhân. Và Mác đã đúng. Năm 1874, khi Quốc tế không còn tồn tại nữa, thì công nhân không còn hoàn toàn giống như khi Quốc tế mới thành lập năm 1864. Chủ nghĩa Pru-đông ở Pháp, chủ nghĩa Lát-xan ở Đức đều hấp hối và ngay cả những công liên Anh, bảo thủ và phần lớn đã đoạn tuyệt từ lâu với Quốc tế, dần dần cũng tiến gần đến thời điểm mà chủ tịch đại hội^{1*} của họ họp năm ngoài ở Xu-ôn-xi có thể nhân

1) Nói riêng với chúng tôi, Lát-xan luôn luôn quả quyết rằng mình là học trò của Mác, và với tư cách đó, ông ta đứng trên lập trường của "Tuyên ngôn". Nhưng trong hoạt động tuyên truyền trong công chúng vào những năm 1862-1864, Lát-xan lại không đi xa hơn việc lập những hội sản xuất do nhà nước trợ cấp tín dụng.

1* - U. Bê-van.

danh họ mà nói rằng: "Chủ nghĩa xã hội ở lục địa không còn làm cho chúng ta sợ nữa"¹². Thật vậy, những nguyên lý của "Tuyên ngôn" đã phát triển rộng trong công nhân tất cả các nước.

Như vậy là một lần nữa, "Tuyên ngôn" lại được đưa lên hàng đầu. Sau năm 1850, bản tiếng Đức được tái bản nhiều lần ở Thụy Sĩ, Anh và Mỹ. Năm 1872, nó được dịch ra tiếng Anh ở Niu-Oóc và đăng trên tờ "Woodhull an Calflin's Weekly"¹³. Một bản dịch ra tiếng Pháp, căn cứ theo bản tiếng Anh, đã được đăng trên tờ "Le Socialiste" ở Niu-Oóc. Sau đó, ở Mỹ, lại còn xuất bản ít ra là hai lần bằng tiếng Anh, ít nhiều bị bóp méo, trong số đó có một bản được tái bản ở Anh. Bản dịch ra tiếng Nga lần đầu tiên, do Ba-cu-nin dịch, là do nhà in "Cô-lô-côn"¹⁴ của Ghéc-sen, ở Giơ-ne-vơ, in vào khoảng năm 1863; bản dịch thứ hai, do một nhân vật nữ anh hùng tên là Vê-ra Da-xu-líc dịch, cũng được in tại Giơ-ne-vơ năm 1882¹⁵. Một bản dịch mới ra tiếng Đan Mạch đã được "Socialdemokrastisk Bibliotek" xuất bản ở Cô-pen-ha-ghen năm 1885; một bản dịch mới ra tiếng Pháp đã được đăng trên tờ "Le Socialiste" ở Pa-ri năm 1886. Căn cứ vào bản dịch đó, một bản tiếng Tây Ban Nha đã xuất bản ở Ma-đrít năm 1886¹⁶. Chẳng cần phải nói đến các bản tiếng Đức được tái bản đi tái bản lại, ít nhất cũng đến mười hai lần. Bản dịch ra tiếng Ác-mê-ni đáng lẽ xuất bản mấy tháng trước đây ở Công-xtăng-ti-nô-pôn, nhưng không ra được, và theo lời người ta nói thì đó chỉ là vì nhà xuất bản sợ không dám đưa ra một cuốn sách mang tên của Mác, còn người dịch thì lại không dám nhận là tác giả của

"Tuyên ngôn". Còn các bản dịch ra các thứ tiếng khác, tôi có nghe nói đến, nhưng chưa được thấy bao giờ cả. Như vậy là lịch sử của "Tuyên ngôn" phản ánh khá rõ lịch sử của phong trào công nhân đương thời; hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xi-bia đến Ca-li-phoóc-ni-a.

Tuy nhiên, trong lúc chúng tôi viết "Tuyên ngôn", chúng tôi vẫn không thể gọi nó là Tuyên ngôn xã hội chủ nghĩa được. Năm 1847, người ta thường dùng từ xã hội chủ nghĩa, một mặt để gọi những người theo các hệ thống không tưởng, như: phái Ô-oen ở Anh và phái Phu-ri-ê ở Pháp, là những phái hiện đã thoái hoá biến thành bè phái thuần túy, chỉ còn đang sống ngắc ngoải; mặt khác, để gọi những tên lang băm xã hội đủ các cỡ, chúng đã hứa sẽ không làm hại gì đến tư bản và lợi nhuận mà vẫn chữa khỏi được đủ mọi tệ nạn xã hội bằng đủ mọi thứ biện pháp vá vúi. Trong cả hai trường hợp, đây là những người sống ngoài phong trào công nhân và chủ yếu họ muốn tìm một chỗ dựa ở phía các giai cấp "có học vấn". Trái lại, còn bộ phận công nhân, do nhận thấy rằng chỉ làm những cuộc đảo lộn chính trị thôi thì không đủ, nên tuyên bố cần thiết phải cải tạo xã hội về căn bản, thì tự mệnh danh là những người cộng sản. Đó là một chủ nghĩa cộng sản mới được phác họa ra, hoàn toàn theo bản năng, đôi khi còn hơi thô kệch, nhưng nó đã cảm thấy được cái gì căn bản và đã tỏ ra khá mạnh trong giai cấp công nhân, nên mới sinh ra

được chủ nghĩa cộng sản không tưởng: chủ nghĩa cộng sản của Ca-bê ở Pháp và của Vai-tlinh ở Đức. Năm 1847, chủ nghĩa xã hội có nghĩa là một phong trào tư sản, còn chủ nghĩa cộng sản là một phong trào công nhân. Chủ nghĩa xã hội đã được "thiên hạ biết nhiều" rồi, ít ra cũng là ở trên lục địa, còn chủ nghĩa cộng sản thì hoàn toàn trái hẳn lại. Và vì từ lâu chúng tôi đã có ý kiến cho rằng "việc giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân"¹⁷, nên chúng tôi không thể do dự chút nào trong việc chọn lấy một trong hai tên gọi. Hơn nữa, sau này không bao giờ chúng tôi có ý bỏ tên gọi đó.

Mặc dầu "Tuyên ngôn" là tác phẩm chung của chúng tôi, nhưng tôi vẫn thấy có nhiệm vụ phải ghi nhận rằng luận điểm chủ yếu làm hạt nhân cho văn phẩm này là của Mác. Luận điểm đó chỉ ra rằng trong mỗi thời đại lịch sử, phương thức chủ yếu của sản xuất kinh tế và trao đổi, cùng với cơ cấu xã hội do phương thức đó quyết định, đã cấu thành cơ sở cho lịch sử chính trị của thời đại và lịch sử của sự phát triển trí tuệ của thời đại, cái cơ sở mà chỉ có xuất phát từ đó mới cất nghĩa được lịch sử đó; rằng do đó, toàn bộ lịch sử của nhân loại (từ thời kỳ tan rã của xã hội thị tộc nguyên thủy với chế độ sở hữu ruộng đất công cộng của nó) là lịch sử của đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp đi bóc lột và bị bóc lột, giai cấp thống trị và giai cấp bị áp bức; rằng lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện nay đã phát triển tới giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức, tức là giai cấp vô sản, không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc

lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Tư tưởng đó - tư tưởng mà tôi cho rằng nó ắt phải đánh dấu một bước tiến trong khoa học lịch sử, giống như học thuyết của Đác-uy-n trong sinh vật học, - cả hai chúng tôi đều dần dần đạt tới từ nhiều năm trước 1845. Bản thân tôi đã tự mình đi theo hướng đó tới mức độ nào thì ai nấy đều có thể xét đoán được qua cuốn sách của tôi "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh¹⁾". Mùa xuân 1845, khi tôi gặp lại Mác ở Bruy-xen thì Mác đã phát triển tư tưởng đó và đã trình bày với tôi cũng gần rõ ràng như tôi trình bày ở đây vậy.

Tôi xin dẫn ra những dòng sau đây, rút trong lời tựa chung của chúng tôi viết cho bản tiếng Đức xuất bản năm 1872:

"Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong bản "Tuyên ngôn" này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, cần có một vài chi

1) "The condition of the Working Class in England in 1844". By Frederich Engels. Translated by Forence K. Wischnewetzky. New York, Lovell - London, W.Reeves, 1888 [Phri-đrích Ăng-ghe-n. "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh năm 1844". Bản dịch của Phlo-ren-xơ K. Vi-sne-vét-xcai-a, Niu-Oóc, La-ven - Luân Đôn, U.Ríp-xơ, 1888].

tiết cần phải xem lại. Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn từ năm 1848^{1*} và giai cấp công nhân cũng đã đạt được sự hoàn thiện và phát triển^{2*} song song trong việc tổ chức; do có những kinh nghiệm thực tiễn, trước hết là của Cách mạng tháng Hai, sau nữa và nhất là của Công xã Pa-ri lần đầu tiên đã đem chính quyền lại cho giai cấp vô sản trong hai tháng, cho nên hiện nay cương lĩnh này có một số điểm đã cũ. Nhất là Công xã đã chứng minh rằng "giai cấp công nhân không thể chỉ nắm lấy bộ máy nhà nước sẵn có và bắt nó hoạt động phục vụ mình" (Xem "Nội chiến ở Pháp; Lời kêu gọi của Tổng hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế". Luân Đôn, Nhà xuất bản Tơ-ru-lốp, 1871, tr. 15, trong đó ý kiến nói trên đã được phát triển rõ hơn)¹⁸. Ngoài ra, hiển nhiên là việc phê phán những văn phẩm xã hội chủ nghĩa chưa được đầy đủ, chưa nói đến thời kỳ hiện nay, vì nó chỉ nói đến những văn phẩm từ năm 1847 trở về trước. Và cũng hiển nhiên là những nhận

1* Trong lần xuất bản năm 1872, thay cho những chữ "từ năm 1848" là những chữ "trong hai mươi lăm năm qua".

2* Trong lần xuất bản năm 1872, thay cho những chữ "hoàn thiện và phát triển" là những chữ "phát triển tổ chức đảng".

định về thái độ của người cộng sản đối với các đảng đối lập (chương IV), nếu cho đến nay vẫn còn đứng trên những nét cơ bản thì trong chi tiết, những nhận định ấy đã cũ rồi, vì tình hình chính trị đã hoàn toàn thay đổi và sự tiến triển lịch sử đã làm tiêu tan phần lớn những đảng được kể ra trong đó.

Tuy nhiên, "Tuyên ngôn" là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại"¹⁹.

Bản dịch này là của ông Xa-mu-en Mu-rơ, người đã dịch phần lớn bộ "Tư bản" của Mác. Chúng tôi đã cùng nhau duyệt lại và tôi đã thêm vào đó vài lời giải thích về lịch sử.

Luân Đôn, ngày 30 tháng Giêng 1888

Phri-đrích Ăng-ghen

Theo đúng bản in trong cuốn: Các Mác và Phri-đrích Ăng-ghen. "Manifesto of the Communist party". Luân Đôn, 1888

In theo bản in trong cuốn sách Nguyên văn là tiếng Anh

LỜI TỰA CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG ĐỨC "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" NĂM 1890²⁰

Từ khi viết những dòng trên đây²¹ tới nay thì việc tái bản một lần nữa bản tiếng Đức của "Tuyên ngôn" đã trở thành cần thiết. Và lại, cũng cần phải nói ở đây rằng chung quanh "Tuyên ngôn", đã xảy ra rất nhiều chuyện.

Bản dịch tiếng Nga lần thứ hai, do Vê-ra Da-xu-lích thực hiện, đã xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1882; Mác và tôi đã đề tựa cho bản in đó. Đáng tiếc là tôi đã để thất lạc mất nguyên bản lời tựa đó bằng tiếng Đức²² nên tôi buộc phải dịch ngược trở lại từ tiếng Nga, làm như thế không lợi cho nguyên bản chút nào cả. Đây là lời tựa đó:

Bản tiếng Nga đầu tiên của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", do Ba-cu-nin dịch, đã xuất bản vào đầu những năm 60, do nhà in "Cái chuông" in. Lúc bấy giờ, đối với phương Tây, một bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Nga, giỏi lắm chỉ là một của lạ về văn chương mà thôi. Ngày nay, tình hình không phải như thế nữa. Trong thời kỳ đó, địa bàn truyền bá của phong trào vô sản còn hẹp biết bao, điều ấy biểu lộ rất rõ ở chương cuối của "Tuyên ngôn" (tháng Giêng 1848^{1*})

1* Trong bản thảo Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga năm 1882, thay cho những chữ "tháng Giêng 1848" là những chữ "tháng Chạp 1847".

"Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập khác nhau"^{1*}. Trong chương ấy, nước Nga và Hợp chúng quốc chẳng hạn, không được nói tới. Đó là thời kỳ mà nước Nga là đội quân hậu bị lớn cuối cùng của phe phản động châu Âu, và là thời kỳ mà việc di dân sang Mỹ đã thu hút những lực lượng còn thừa lại của giai cấp vô sản châu Âu. Hai nước ấy cung cấp nguyên liệu cho châu Âu và đồng thời là một thị trường tiêu thụ những sản phẩm công nghiệp của châu Âu. Cho nên lúc đó, cả hai nước ấy, bằng cách này hay cách khác, đều được dùng làm thành trì cho chế độ xã hội ở châu Âu.

Ngày nay, tất cả tình hình ấy đã thay đổi biết bao! Chính sự di dân của châu Âu đã tạo khả năng cho sự phát triển phi thường của nông nghiệp ở Bắc Mỹ, sự phát triển này đang cạnh tranh và làm lay chuyển đến tận nền móng chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn và nhỏ ở châu Âu. Chính sự di dân ấy đồng thời cũng đem lại cho Mỹ khả năng khai thác những tài nguyên công nghiệp hết sức to lớn của nó, và khai thác một cách mãnh liệt và trên quy mô hết sức to lớn đến nỗi độc quyền công nghiệp của Tây Âu, và nhất là của nước Anh, bị phá tan trong một thời gian ngắn. Hai tình huống ấy lại tác động trở lại một cách cách mạng vào chính ngay nước Mỹ. Chế độ chiếm hữu ruộng đất nhỏ và trung bình của những

1* Trong bản thảo Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga năm 1882 tiếp sau đó là những chữ sau đây: "ở những nước khác nhau".

phéc-mi-ê sử dụng lao động của bản thân^{1*}, cái cơ sở ấy của toàn bộ chế độ chính trị của nước Mỹ đã quy dần dưới sự cạnh tranh của những điền trang khổng lồ, trong khi ấy thì ở các thị trấn công nghiệp, lần đầu tiên một giai cấp vô sản đông đảo đang hình thành bên cạnh một sự tích tụ phi thường của tư bản.

Bây giờ chúng ta nói đến nước Nga! Trong cuộc Cách mạng 1848 - 1849, bọn vua chúa ở châu Âu, cũng hết như giai cấp tư sản châu Âu, đều coi sự can thiệp của nước Nga là phương tiện duy nhất để cứu chúng thoát khỏi tay giai cấp vô sản vừa mới bắt đầu giác ngộ về lực lượng của mình. Chúng tôn Nga hoàng làm trùm phe phản động châu Âu. Hiện nay, Nga hoàng, ở Gát-si-na, đã là tù binh của cách mạng, và nước Nga đang đi tiên phong trong phong trào cách mạng châu Âu.

"Tuyên ngôn cộng sản", có nhiệm vụ tuyên bố sự diệt vong sắp xảy ra không tránh khỏi của chế độ sở hữu tư sản hiện đại. Nhưng ở Nga, bên cạnh sự hoạt động ráo riết của chủ nghĩa tư bản đang phát triển nhanh chóng và chế độ sở hữu ruộng đất tư sản đang hình thành, chúng ta thấy quá nửa số ruộng đất là sở hữu công xã của nông dân.

Bây giờ, thử hỏi công xã nông thôn Nga^{2*}, cái hình thức đã bị phân giải ấy của chế độ công hữu ruộng đất

1* Những chữ "sử dụng lao động của bản thân" do Ăng-ghe-nơ bổ sung trong lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890.

2* Trong bản thảo Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga năm 1882, thay cho những chữ "công xã nông dân" (Bauerngemeinde) là chữ Nga "công xã" được viết bằng chữ cái La-tinh (Obschtschina).

nguyên thủy, có thể chuyển sang hình thức cao, cộng sản chủ nghĩa về sở hữu ruộng đất không? Hay là trước hết, nó cũng phải trải qua quá trình tan rã như nó đã trải qua trong tiến trình phát triển lịch sử của phương Tây?

Ngày nay, lời giải đáp duy nhất cho câu hỏi ấy là thế này: nếu cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau thì chế độ ruộng đất công xã ở Nga hiện nay sẽ có thể là khởi điểm của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa.

Luân Đôn, ngày 21 tháng Giêng 1882

Các Mác
Phri-đrích Ăng-ghe-n

Cũng vào khoảng thời kỳ đó, một bản dịch mới ra tiếng Ba Lan đã được xuất bản ở Giơ-ne-vơ: "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"²³.

Sau đó, một bản dịch mới ra tiếng Đan Mạch đã được xuất bản "Socialdemokratisk Bibliothek", tại Cô-pen-ha-ghe-n, 1885²⁴. Khốn một nỗi là bản dịch đó chưa được hoàn toàn đầy đủ, một vài đoạn chủ yếu dường như đã gây khó khăn cho người dịch, nên đã bị bỏ qua và ở đôi chỗ, có thể thấy một số biểu hiện của sự cẩu thả, điều đó thật càng đáng tiếc, nhất là khi đọc những chỗ khác thì người ta thấy rằng nếu thận trọng hơn một chút, bản dịch có thể là xuất sắc.

Năm 1886, một bản dịch mới ra tiếng Pháp đã được xuất bản trên tờ "Le Socialiste" ở Pa-ri, cho đến nay, đó là bản dịch tốt nhất²⁵.

Cũng năm đó, đã xuất hiện một bản dịch từ bản tiếng Pháp đó ra tiếng Tây Ban Nha, trước hết được đăng trên "El Socialista" ở Ma-đrít và sau đó in thành sách mỏng: "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Ma-đrít. Nhà xuất bản "El Socialista", phố Éc-năng Coóc-tê-xa²⁶.

Còn một chuyện lý thú là hồi năm 1887, một nhà xuất bản ở Công-xtăng-ti-nô-pôn nhận được một bản thảo dịch "Tuyên ngôn" ra tiếng Ác-mê-ni-a, nhưng cái con người kỳ dị ấy không có can đảm in một cuốn sách mang tên Mác, ông ta yêu cầu người dịch nhận là tác giả, nhưng người dịch từ chối.

Ở Anh, đã nhiều lần in đi in lại một số bản dịch của người Mỹ không được chính xác mấy; cuối cùng, đến năm 1888, đã có một bản dịch chính xác ra đời. Bản đó do người bạn của tôi là Xa-muy-en Mu-rơ dịch, và chúng tôi đã cùng nhau duyệt lại trước khi đưa in. Nhan đề của nó là: ""Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của Các Mác và Phri-đrich Ăng-ghe-n. Bản dịch tiếng Anh của tác giả, có bổ sung phần chú thích của Phri-đrich Ăng-ghe-n, 1888, Luân Đôn, Uy-li-am Ríp-xơ, 185 phố Phlít, I-xtéc-nơ Trung tâm"²⁷. Trong lần xuất bản này, tôi đã sao lại một vài chú thích trong bản tiếng Anh đó.

"Tuyên ngôn" có vận mệnh riêng của nó. Khi ra đời, nó được đội tiên phong còn ít ỏi của chủ nghĩa xã hội khoa

học nhiệt liệt chào mừng (những bản dịch nêu ra trong bài tựa thứ nhất²⁸ đã chứng tỏ điều đó); chẳng bao lâu, nó bị thế lực phản động, nổi lên sau thất bại của công nhân Pa-ri hồi tháng Sáu 1848, đẩy lùi về phía sau và cuối cùng, "chiều theo luật pháp", nó bị cấm cùng với việc kết án những người cộng sản ở Khuên hồi tháng Mười một 1852²⁹. Phong trào công nhân gắn liền với Cách mạng tháng Hai đã biến khỏi vũ đài xã hội, và cùng với nó, "Tuyên ngôn" cũng lùi về phía sau.

Khi giai cấp công nhân châu Âu đã lại sức đủ để mở một cuộc tấn công mới vào thế lực của giai cấp thống trị thì Hội liên hiệp công nhân quốc tế ra đời. Hội có mục đích đoàn kết toàn thể giai cấp công nhân có tinh thần chiến đấu ở châu Âu và châu Mỹ thành một đạo quân to lớn duy nhất. Cho nên Hội không thể *xuất phát trực tiếp* từ những nguyên lý đề ra trong "Tuyên ngôn" được. Hội cần phải có một cương lĩnh không đóng cửa đối với những hội công liên ở Anh, đối với phái Pru-đông ở Pháp, Bỉ, I-ta-li-a, và Tây Ban Nha và đối với cả phái Lát-xan ở Đức nữa¹⁾. Cương lĩnh ấy - tức là Lời nói đầu trong Điều lệ của Quốc tế³⁰ - là do Mác thảo ra với một biệt tài mà ngay cả Ba-cu-nin và những người vô chính phủ cũng phải khâm phục.

1) Bản thân Lát-xan luôn luôn cam đoan với chúng tôi rằng ông ta là "học trò" của Mác, và với tư cách ấy, tất nhiên là ông ta đứng trên lập trường của "Tuyên ngôn". Một số người trong phái ông ta thì lại không như vậy; họ không đi quá yêu sách của ông ta về những hội sản xuất do nhà nước trợ cấp và vẫn chia toàn bộ giai cấp công nhân ra thành một hạng trông mong vào trợ cấp của nhà nước và một hạng chỉ trông vào bản thân mình.

Để đạt tới thắng lợi cuối cùng của những nguyên lý đề ra trong "Tuyên ngôn", Mác chỉ tin tưởng vào sự phát triển trí tuệ của giai cấp công nhân, sự phát triển mà hành động chung và tranh luận chung nhất định sẽ mang lại. Do các sự biến và những thành bại của cuộc đấu tranh chống tư bản - do những thất bại nhiều hơn là do những thành công, - mà những người đang chiến đấu không thể không cảm thấy rằng tất cả mọi môn thuốc vạ ứng của họ đều vô dụng, họ không thể không đi đến chỗ nhận thấy tường tận những điều kiện thực sự của công cuộc tự giải phóng của họ. Và Mác đã đúng. Giai cấp công nhân năm 1874, sau khi Quốc tế giải tán, đã khác hẳn giai cấp công nhân năm 1864, lúc thành lập Quốc tế. Chủ nghĩa Prudông ở các nước thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh và chủ nghĩa Lát-xan đặc thù ở Đức đều đã hấp hối, và ngay cả những hội công liên ở Anh, lúc ấy cực kỳ bảo thủ, dần dần cũng đã tiến gần tới lúc mà năm 1887, chủ tịch đại hội của họ ở Xu-ôn-xi^{1*} đã có thể nhân danh họ mà nói rằng: "Chủ nghĩa xã hội ở lục địa không còn làm cho chúng ta sợ nữa". Nhưng từ năm 1887, chủ nghĩa xã hội lục địa đã gần như hoàn toàn giống hệt lý luận trình bày trong "Tuyên ngôn". Và như vậy thì lịch sử của "Tuyên ngôn" đã phản ánh được đến một mức độ nào đó lịch sử phong trào công nhân hiện đại từ năm 1848 đến nay. Hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả, trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là

1* U. Bê-van.

cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước từ Xi-bia đến Ca-li-phoóc-ni-a.

Thế nhưng khi nó ra đời, chúng tôi lại không thể đề tên nó là Tuyên ngôn xã hội chủ nghĩa được. Năm 1847, người ta thường dùng từ xã hội chủ nghĩa để chỉ hai loại người. Trước hết là những môn đồ của các hệ thống không tưởng, nhất là những người thuộc phái Ô-oen ở Anh và những người thuộc phái Phu-ri-ê ở Pháp, là những phát hiện còn đang sống ngắc ngoải. Mặt khác là bọn lang băm đủ cỡ, chúng định dùng một lô thuốc vạ ứng và đủ mọi thứ biện pháp chấp vá để xoá bỏ những nỗi khốn cùng của xã hội, mà không đụng chạm chút nào đến tư bản và lợi nhuận. Trong cả hai trường hợp, họ đều là những kẻ sống ngoài phong trào công nhân và thật ra họ chỉ đi tìm chỗ dựa ở phía các giai cấp "có văn hoá". Trái lại, cái bộ phận công nhân do nhận thấy rằng chỉ làm những cuộc đảo lộn chính trị thôi thì không đủ nên đòi phải có một cuộc cải tạo xã hội về căn bản, thì tự mệnh danh là *cộng sản*. Đó là một chủ nghĩa cộng sản vừa mới phác họa ra, hoàn toàn theo bản năng, đôi khi còn hơi thô kệch; nhưng chủ nghĩa ấy cũng đã khá mạnh nên mới sinh ra được hai hệ thống chủ nghĩa cộng sản không tưởng: ở Pháp là "thuyết I-ca-ri" của Ca-bê và ở Đức là hệ thống của Vai-tlinh. Năm 1847, chủ nghĩa xã hội có nghĩa là một phong trào tư sản, còn chủ nghĩa cộng sản là một phong trào công nhân. Chủ nghĩa xã hội đã "ra mắt thiên hạ" rồi, ít ra cũng là ở trên lục địa, còn chủ nghĩa cộng sản thì trái hẳn lại. Và bởi vì ngay từ lúc đó, chúng tôi đã nhận định rất rõ rằng

"việc giải phóng những người lao động phải là sự nghiệp của bản thân những người lao động", nên chúng tôi không thể do dự một chút nào trong việc chọn tên gọi. Từ đây, không bao giờ chúng tôi có ý bỏ cái tên cộng sản.

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!" Chỉ có một vài tiếng đáp lại chúng tôi, khi chúng tôi tung lời kêu gọi ấy ra với thế giới, cách đây bốn mươi năm, ngay trước cuộc cách mạng đầu tiên nổ ra ở Pa-ri, trong đó giai cấp vô sản đã xuất hiện với những yêu sách của chính mình. Nhưng ngày 28 tháng Chín 1864, những người vô sản trong phần lớn các nước Tây Âu đã liên hợp lại để lập ra Hội liên hiệp công nhân quốc tế, một hội mà tên tuổi vẻ vang được ghi nhớ mãi mãi. Thật ra, bản thân Quốc tế chỉ sống có chín năm. Nhưng sự đoàn kết bất diệt do Quốc tế đã xây dựng được giữa những người vô sản tất cả các nước vẫn tồn tại và càng mạnh hơn bao giờ hết, không có bằng chứng nào chúng tỏ được rõ rệt hơn ngày hôm nay. Bởi vì, ngày hôm nay, khi tôi viết những dòng này, giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ đang điểm lại lực lượng chiến đấu của mình, lực lượng lần đầu tiên được huy động thành một đạo quân *duy nhất*, dưới cùng một ngọn cờ và nhằm cùng một mục đích trước mắt là đòi pháp luật quy định ngày làm việc bình thường là tám giờ, yêu sách đã được tuyên bố từ năm 1866 tại Đại hội của Quốc tế ở Giơ-ne-vơ và sau này lại được tuyên bố lần nữa tại Đại hội công nhân ở Pa-ri năm 1889³¹. Cảnh tượng ngày hôm nay sẽ chỉ cho bọn tư sản và bọn địa chủ tất cả các nước thấy rằng những người vô sản tất cả các nước đã thực sự đoàn kết với nhau.

Tiếc rằng Mác không còn ở bên tôi để chính mắt trông
thấy cảnh tượng ấy!

Luân Đôn, ngày 1 tháng Năm 1890

Phri-đrích Ăng-ghen

*Đã in trong cuốn sách "Das
Kommunistische Manifest".
London 1890*

*In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức*

LỜI TỰA CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG BA LAN "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" NĂM 1892³²

Sự cần thiết phải xuất bản một bản "Tuyên ngôn cộng sản" mới bằng tiếng Ba Lan cho phép đề ra cả một loạt kết luận.

Trước hết, cần phải nhận thấy rằng trong thời gian gần đây, "Tuyên ngôn" đã trở thành một chỉ số nói lên sự phát triển của đại công nghiệp trên lục địa châu Âu. Đại công nghiệp càng tiến triển trong một nước nào đó thì công nhân nước đó càng có xu hướng muốn thấy rõ địa vị của mình với tính cách là giai cấp công nhân, so với các giai cấp hữu sản; phong trào xã hội chủ nghĩa càng lan rộng trong công nhân thì "Tuyên ngôn" càng được người ta đòi hỏi nhiều thêm. Vì thế, căn cứ trên số bản được phát hành theo tiếng của từng nước, người ta có thể đánh giá được khá chính xác không những tình trạng của phong trào công nhân mà cả trình độ phát triển của đại công nghiệp trong nước đó nữa.

Vì vậy, bản in mới của "Tuyên ngôn" bằng tiếng Ba Lan là một bằng chứng tỏ rõ bước tiến quyết định của công nghiệp Ba Lan. Bước tiến đó đã thực sự diễn ra trong mười

năm qua kể từ lần xuất bản gần đây nhất, đó là điều mà không ai có thể nghi ngờ gì được. Vương quốc Ba Lan, nước Ba Lan của Đại hội³³, đã biến thành một vùng công nghiệp rộng lớn của đế chế Nga. Trong khi đại công nghiệp Nga ở tản mạn nhiều nơi, một bộ phận ở gần sát vịnh Phần Lan, một bộ phận khác ở vùng trung tâm (Mát-xcơ-va, Vla-đi-mia), bộ phận thứ ba lại ở trên bờ Hắc Hải và biển A-dốp, v.v., thì công nghiệp Ba Lan lại tập trung trên một diện tích tương đối nhỏ và đã từng trải qua cả cái lợi lẫn cái hại của tình trạng tập trung đó. Cái lợi đã được các chủ xưởng Nga cạnh tranh công nhận khi họ đòi thiết lập thuế quan bảo hộ chống lại Ba Lan, mặc dầu họ thiết tha muốn Nga hoá tất cả mọi người Ba Lan. Còn cái hại - đối với các chủ xưởng Ba Lan, cũng như đối với chính phủ Nga, - thì đã thể hiện ra bằng sự phổ biến nhanh chóng các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong công nhân Ba Lan và bằng yêu cầu ngày càng tăng về bản "Tuyên ngôn".

Nhưng sự phát triển nhanh chóng đó của công nghiệp Ba Lan đã vượt công nghiệp Nga, tự nó lại là một bằng chứng mới nói lên sức sống bền bỉ của nhân dân Ba Lan và là một đảm bảo mới cho sự phục hồi dân tộc sau này của họ. Nhưng sự phục hồi nước Ba Lan tự trị hùng mạnh là điều mà tất cả chúng ta đều mong muốn chứ không phải riêng gì nước Ba Lan. Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình. Cuộc Cách mạng 1848 - trong đó các chiến sĩ vô sản, đứng trước ngọn cờ của giai cấp vô sản, rút cuộc đã phải thi hành

công việc của giai cấp tư sản, - đã đồng thời thực hiện được, thông qua những kẻ thừa hành của giai cấp tư sản là Lu-i Bô-na-pác-tơ và Bi-xmác, nền độc lập của I-ta-li-a, Đức, Hung-ga-ri. Còn nước Ba Lan là nước từ năm 1792 đã đóng góp cho cách mạng được nhiều hơn ba nước kia gộp lại thì đến năm 1863, khi nó ngã quy dưới sự tấn công của các lực lượng Nga đông hơn gấp mười lần, nó đã bị bỏ rơi. Giai cấp quý tộc đã bất lực không bảo vệ được và không giành lại được nền độc lập của Ba Lan; giai cấp tư sản thì hiện nay ít ra cũng không thiết tha đến nền độc lập đó. Tuy thế, đối với sự hợp tác nhàn giữa các dân tộc châu Âu, nền độc lập đó vẫn là cần thiết^{1*}. Chỉ có giai cấp vô sản Ba Lan trẻ tuổi mới có thể giành được nền độc lập đó, và nằm trong tay họ, nền độc lập đó sẽ được bảo vệ chắc chắn. Vì đối với công nhân các nước khác ở châu Âu, nền độc lập của Ba Lan cũng cần thiết như đối với bản thân công nhân Ba Lan.

Luân Đôn, ngày 10 tháng Hai 1892

Phri-đrích Ăng-ghe-n

Đã đăng trong tạp chí "Przed'swit"

số 35, ngày 27 tháng Hai và trong

cuốn sách: K.Marx i F.Engels.

"Manifest Komunistyczny", London, 1892

In theo bản thảo có đối chiếu với

bản in của lần xuất bản bằng

tiếng Ba Lan năm 1892

Nguyên văn là tiếng Đức

1* Trong lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan, câu này bị xoá bỏ.

LỜI TỰA CHO BẢN TIẾNG I-TA-LI-A
"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"
XUẤT BẢN NĂM 1893³⁴

Người ta có thể nói rằng ngày mà "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được xuất bản rơi gần đúng vào ngày 18 tháng Ba 1848, ngày nổ ra những cuộc cách mạng ở Mi-la-nô và Béc-lin, những cuộc khởi nghĩa vũ trang của hai dân tộc, một dân tộc thì ở giữa lục địa châu Âu, còn dân tộc kia thì ở giữa các nước ven Địa Trung Hải, hai dân tộc lúc đó đều suy yếu vì sự phân chia và bất hoà nội bộ, do đó mà cả hai dân tộc đều sa vào ách đô hộ của nước ngoài. Nước I-ta-li-a bị lệ thuộc vào hoàng đế Áo, còn nước Đức thì cũng sa vào ách của Nga hoàng, tuy không trực tiếp nhưng cũng khá rõ ràng. Kết quả của các sự biến ngày 18 tháng Ba 1848 đã giải thoát I-ta-li-a và Đức khỏi cái nhục đó; nếu từ năm 1848 đến năm 1871, hai dân tộc lớn đó được phục hồi và có thể thu hồi bằng cách này hoặc cách khác nền độc lập của mình thì theo ý kiến của Mác, đó là do chính ngay những kẻ đàn áp cuộc Cách mạng 1848 đã trở thành những người chấp hành di chứng của cuộc cách mạng đó, bất chấp ý muốn của họ là thế nào³⁵.

Ở khắp các nơi, cuộc cách mạng đó đều là sự nghiệp của giai cấp công nhân: chính giai cấp công nhân đã dựng lên các

lũy chướng ngại và hy sinh thân mình. Nhưng chỉ riêng công nhân Pa-ri, khi lật đổ chính phủ, là hoàn toàn quyết tâm lật đổ cả chế độ tư sản. Nhưng tuy họ thấy rõ sự đối kháng không thể tránh khỏi giữa giai cấp họ và giai cấp tư sản, song sự phát triển kinh tế của nước họ, trình độ trí tuệ của quần chúng công nhân Pháp vẫn chưa đạt đến mức có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo xã hội. Vì thế, kết quả của cuộc cách mạng chung quy lại đã về tay giai cấp tư bản. Trong các nước khác - I-ta-li-a, Đức, Áo - công nhân, ngay từ đầu, chỉ làm cái việc là giúp cho giai cấp tư sản lên nắm chính quyền. Nhưng không có một nước nào mà giai cấp tư sản có thể nắm quyền thống trị mà lại không có độc lập dân tộc. Cho nên kết cục của Cách mạng 1848 phải là sự thống nhất và độc lập cho những dân tộc nào đến lúc đó vẫn chưa có được sự thống nhất và độc lập như: I-ta-li-a, Đức, Hung-ga-ri. Bây giờ là đến lượt Ba Lan.

Như vậy, nếu Cách mạng 1848 không phải là một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thì ít ra nó cũng dọn đường, chuẩn bị địa bàn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chế độ tư sản đã làm cho đại công nghiệp phát triển ở tất cả các nước thì đồng thời cũng tạo ra ở khắp nơi, trong bốn mươi lăm năm gần đây, một giai cấp vô sản đông đảo, đoàn kết chặt chẽ và mạnh; do đó, nó đã sinh ra, như "Tuyên ngôn" đã nói, những người đào huyệt chôn nó. Không phải phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hoà bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung. Các bạn hãy

thử hình dung một hành động quốc tế chung của các công nhân I-ta-li-a, Hung-ga-ri, Đức, Ba Lan và Nga trong những điều kiện chính trị trước năm 1848 xem thế nào!

Vậy là những trận chiến đấu năm 1848 không phải là vô ích. Bốn mươi lăm năm qua, kể từ thời kỳ cách mạng đó đến bây giờ, cũng không phải là vô ích. Những quả của nó đang bắt đầu chín, và tôi chỉ mong rằng việc xuất bản bản dịch ra tiếng I-ta-li-a này sẽ là một dấu hiệu tốt, một dấu hiệu báo trước thắng lợi của giai cấp vô sản I-ta-li-a cũng như việc xuất bản nguyên bản đã báo hiệu cuộc cách mạng quốc tế.

"Tuyên ngôn" hoàn toàn thừa nhận vai trò cách mạng mà chủ nghĩa tư bản đã đóng trong quá khứ. Nước I-ta-li-a là nước tư bản chủ nghĩa đầu tiên. Cuối thời trung cổ phong kiến, đầu kỷ nguyên tư bản hiện đại đã biểu hiện ra ở một nhân vật khổng lồ. Đó là Đan-tơ, người nước I-ta-li-a, nhà thơ cuối cùng của thời trung cổ và đồng thời là nhà thơ đầu tiên của thời đại mới. Hiện nay, cũng như năm 1300, đang mở ra một kỷ nguyên lịch sử mới. Để đòi đòi truyền tụng sự nảy sinh của kỷ nguyên mới này, kỷ nguyên vô sản, liệu nước I-ta-li-a có cung cấp được cho chúng ta một Đan-tơ mới chăng?

Luân Đôn, ngày 1 tháng Hai 1893

Phri-đrích Ăng-ghen

*Đã in trong cuốn: Karlo Marx e
Federico Engels. "Il Manifesto del
Partito Comunista". Milano, 189*

*In theo bản in trong cuốn sách, có đối
chiếu với bản sơ thảo bằng tiếng Pháp
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a*

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN³⁶

*Do C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết vào
tháng Chạp 1847 - tháng Giêng 1848
Đã in lần đầu tiên thành sách riêng
ở Luân Đôn vào tháng Hai 1848*

*In theo bản in của lần xuất bản
bằng tiếng Đức năm 1890, có
đối chiếu với các lần xuất bản
năm 1848, 1872 và 1883
Nguyên văn là tiếng Đức*

Manifest

der

Kommunistischen Partei.

Veröffentlicht im Februar 1848.

London.

Gebrudt in der Office der „Bildungs-Gesellschaft für Arbeiter“
von J. G. Burgess.

46, Leazarow-Straße, Bethnorsgate.

Bìa trong của lần xuất bản thứ nhất
Tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"

Một bóng ma đang ám ảnh châu Âu: bóng ma chủ nghĩa cộng sản. Tất cả những thế lực của châu Âu cũ: Giáo hoàng và Nga hoàng, Mét-téc-ních và Ghi-dô, bọn cấp tiến Pháp và bọn cảnh sát Đức, đều đã liên hợp lại thành một liên minh thân thánh để trừ khử bóng ma đó.

Có phái đối lập nào mà lại không bị địch thủ của mình đang nắm chính quyền, buộc tội là cộng sản? Có phái đối lập nào, đến lượt mình, lại không ném trả lại cho những đại biểu tiến bộ nhất trong phái đối lập, cũng như cho những địch thủ phản động của mình, lời buộc tội nhục nhã là cộng sản?

Từ đó, có thể rút ra hai kết luận.

Chủ nghĩa cộng sản đã được tất cả các thế lực ở châu Âu thừa nhận là một thế lực.

Hiện nay, đã đến lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình; và phải có một Tuyên ngôn của đảng của mình để đập lại câu chuyện hoang đường về bóng ma cộng sản.

Vì mục đích đó, những người cộng sản thuộc các dân tộc khác nhau đã họp ở Luân Đôn và thảo ra bản "Tuyên ngôn" dưới đây, công bố bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng I-ta-li-a, tiếng Phla-măng và tiếng Đan Mạch.

I

TƯ SẢN VÀ VÔ SẢN¹⁾

Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay²⁾ chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp.

1) Giai cấp tư sản là giai cấp những nhà tư bản hiện đại, những người sở hữu tư liệu sản xuất xã hội và sử dụng lao động làm thuê. Giai cấp vô sản là giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888*).

2) Tức là toàn bộ lịch sử thành văn cho tới nay. Năm 1847, người ta vẫn hầu như hoàn toàn không biết tổ chức xã hội có trước toàn bộ lịch sử thành văn, tức là tiền sử của xã hội. Sau đó, Hắc-xơ-hau-den đã phát hiện ra chế độ công hữu ruộng đất ở Nga. Mau-rơ đã chứng minh rằng chế độ công hữu ruộng đất là cái cơ sở xã hội làm điểm xuất phát cho sự phát triển lịch sử của tất cả các bộ lạc Đức, và người ta dần dần thấy rằng công xã nông thôn, với chế độ sở hữu chung ruộng đất, đang là hoặc đã là hình thức nguyên thủy của xã hội ở khắp nơi, từ Ấn Độ đến Ai-rơ-len. Hình thức điển hình của kết cấu nội bộ của xã hội cộng sản nguyên thủy đó đã được Moóc-gan làm sáng tỏ khi ông phát hiện được thực chất của *thị tộc* và địa vị của nó trong bộ lạc. Cùng với sự tan rã của công xã nguyên thủy ấy, xã hội bắt đầu phân chia thành những giai cấp riêng biệt và cuối cùng là đối kháng. Tôi đã cố gắng trình bày quá trình tan rã đó trong tác phẩm "Der Ursprung der Familie, des Privateigentums und des Staats", 2.Aufl., Stuttgart, 1886 ["Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", xuất bản lần thứ hai, Stút-gát, 1886]. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888*)³⁷.

Người tự do và người nô lệ, quý tộc và bình dân, chúa đất và nông nô, thợ cả phường hội¹⁾ và thợ bạn, nói tóm lại, những kẻ áp bức và những người bị áp bức, luôn luôn đối kháng với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, lúc công khai, lúc ngấm ngấm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đấu tranh với nhau.

Trong những thời đại lịch sử trước, hầu khắp mọi nơi, chúng ta đều thấy xã hội hoàn toàn chia thành những đẳng cấp khác nhau, một cái thang chia thành từng nấc thang địa vị xã hội. Ở La Mã thời cổ, chúng ta thấy có quý tộc, hiệp sĩ, bình dân, nô lệ; thời trung cổ thì có lãnh chúa phong kiến, chư hầu, thợ cả, thợ bạn, nông nô, và hơn nữa, hầu như trong mỗi giai cấp ấy, lại có những thứ bậc đặc biệt nữa.

Xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, không xoá bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi.

Tuy nhiên, đặc điểm của thời đại chúng ta, thời đại của giai cấp tư sản, là đã đơn giản hoá những đối kháng giai cấp. Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

1) Thợ cả phường hội là thành viên có đầy đủ quyền hạn trong phường hội, là thợ cả trong phường hội, chứ không phải trùm phường. (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888).

Từ những nông nô thời trung cổ, đã nảy sinh ra những thị dân tự do của các thành thị đầu tiên; từ dân cư thành thị này, nảy sinh ra những phần tử đầu tiên của giai cấp tư sản.

Việc tìm ra châu Mỹ và con đường biển vòng châu Phi đã đem lại một địa bàn hoạt động mới cho giai cấp tư sản vừa mới ra đời. Những thị trường Đông Ấn và Trung Quốc, việc thực dân hoá châu Mỹ, việc buôn bán với thuộc địa, việc tăng thêm nhiều tư liệu trao đổi và nói chung tăng thêm nhiều hàng hoá, đã đem lại cho thương nghiệp, cho ngành hàng hải, cho công nghiệp, một sự phát đạt chưa từng có, và do đấy, đã đem lại một sự phát triển mau chóng cho yếu tố cách mạng trong xã hội phong kiến đang tan rã.

Tổ chức công nghiệp theo lối phong kiến hay phường hội trước kia không còn có thể thoả mãn những nhu cầu luôn luôn tăng theo sự mở mang những thị trường mới. Công trường thủ công thay cho tổ chức cũ ấy. Tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng thay cho thợ cả phường hội; sự phân công lao động giữa các phường hội khác nhau đã nhường chỗ cho sự phân công lao động bên trong từng xưởng thợ.

Nhưng các thị trường cứ lớn lên không ngừng, nhu cầu luôn luôn tăng lên. Ngay cả công trường thủ công cũng không thoả mãn được nhu cầu đó nữa. Lúc ấy, hơi nước và máy móc dẫn đến một cuộc cách mạng trong công nghiệp. Đại công nghiệp hiện đại thay cho công trường thủ công; tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng nhường chỗ cho các nhà công nghiệp triệu phú, cho những kẻ cầm đầu cả hàng loạt đạo quân công nghiệp, những tên tư sản hiện đại.

Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới, thị trường mà việc tìm ra châu Mỹ đã chuẩn bị sẵn. Thị trường thế giới thúc đẩy cho thương nghiệp, hàng hải, những phương tiện giao thông tiến bộ phát triển mau chóng lạ thường. Sự phát triển này lại tác động trở lại đến việc mở rộng công nghiệp; mà công nghiệp, thương nghiệp, hàng hải, đường sắt càng phát triển thì giai cấp tư sản càng lớn lên, làm tăng những tư bản của họ lên và đẩy các giai cấp do thời trung cổ để lại xuống phía sau.

Như vậy, chúng ta thấy rằng bản thân giai cấp tư sản hiện đại cũng là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và trao đổi.

Mỗi bước phát triển của giai cấp tư sản đều có một bước tiến bộ chính trị tương ứng. Là đẳng cấp bị chế độ chuyên chế phong kiến áp bức; là đoàn thể vũ trang tự quản trong công xã¹⁾; ở nơi này, là cộng hoà thành thị độc lập; ở nơi kia, là đẳng cấp thứ ba phải đóng thuế trong chế

1) Ở Pháp, những thành phố còn đang hình thành đã được gọi là "công xã" ngay cả trước khi những thành phố ấy giành lại được chế độ tự quản địa phương và những quyền chính trị của "đẳng cấp thứ ba" từ tay bọn lãnh chúa và chủ phong kiến. Nói chung, ở đây nước Anh được coi là nước điển hình về phương diện phát triển kinh tế tư sản, còn nước Pháp được coi là nước điển hình về phương diện phát triển chính trị tư sản. (*Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888*).

Công xã là tên mà những người dân thành thị ở I-ta-li-a và Pháp gọi công xã thành thị của mình sau khi họ mua hoặc giành được từ tay bọn chủ phong kiến những quyền tự quản đầu tiên. (*Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890*).

độ quân chủ^{1*}; rồi suốt trong thời kỳ công trường thủ công, là lực lượng đối lập với tầng lớp quý tộc trong chế độ quân chủ theo đẳng cấp hay trong chế độ quân chủ chuyên chế; là cơ sở chủ yếu của những nước quân chủ lớn nói chung, - giai cấp tư sản, từ khi đại công nghiệp và thị trường thế giới được thiết lập, đã độc chiếm hẳn được quyền thống trị chính trị trong nhà nước đại nghị hiện đại. Chính quyền nhà nước hiện đại chỉ là một uỷ ban quản lý những công việc chung của toàn thể giai cấp tư sản.

Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử.

Bất cứ ở chỗ nào mà giai cấp tư sản chiếm được chính quyền thì nó đập đổ những quan hệ phong kiến, gia trưởng và điền viên. Tất cả những mối liên hệ phức tạp và muôn màu muôn vẻ ràng buộc con người phong kiến với "những bề trên tự nhiên" của mình, đều bị giai cấp tư sản thẳng tay phá vỡ, không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài lợi ích trần trụi và lối "tiền trao cháo múc" không tình không nghĩa. Giai cấp tư sản đã dìm những xúc động thiêng liêng của lòng sùng đạo, của nhiệt tình hiệp sĩ, của tính đa cảm tiểu tư sản xuống dòng nước giá lạnh của sự tính toán ích kỷ. Nó đã biến phẩm giá của con người thành giá trị trao đổi; nó đã đem

1* Trong bản tiếng Anh năm 1888 do Ăng-ghe-nhê hiệu đính sau những chữ "cộng hoà thành thị độc lập" có thêm những chữ "(như ở I-ta-li-a và ở Đức)", còn sau những chữ "đẳng cấp thứ ba phải đóng thuế trong chế độ quân chủ" có thêm những chữ "(như ở Pháp)".

tự do buôn bán *duy nhất* và vô sỉ thay cho biết bao quyền tự do đã được ban cho và đã giành được một cách chính đáng. Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem sự bóc lột công nhiên, vô sỉ, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho sự bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn giáo và chính trị.

Giai cấp tư sản tước hết hào quang thần thánh của tất cả những hoạt động xưa nay vẫn được trọng vọng và tôn sùng. Bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó.

Giai cấp tư sản đã xé toang tấm màn tình cảm bao phủ những quan hệ gia đình và làm cho những quan hệ ấy chỉ còn là những quan hệ tiền nong đơn thuần.

Giai cấp tư sản đã cho thấy rằng biểu hiện tàn bạo của vũ lực trong thời trung cổ, - biểu hiện mà phe phản động hết sức ca ngợi, - đã được bổ sung một cách tự nhiên bằng thói chây lười và bất động như thế nào. Chính giai cấp tư sản là giai cấp đầu tiên đã cho chúng ta thấy hoạt động của loài người có khả năng làm được những gì. Nó đã tạo ra những kỳ quan khác hẳn những kim tự tháp Ai Cập, những cầu dẫn nước ở La Mã, những nhà thờ kiểu gô-tích; nó đã tiến hành những cuộc viễn chinh khác hẳn những cuộc di cư của các dân tộc và những cuộc chiến tranh thập tự.

Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hoá công cụ sản xuất, do đó cách mạng hoá những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hoá toàn bộ những quan hệ xã hội. Trái lại, đối với tất cả các giai cấp

công nghiệp trước kia thì việc duy trì nguyên vẹn phương thức sản xuất cũ là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của họ. Sự đảo lộn liên tiếp của sản xuất, sự rung chuyển không ngừng trong tất cả những quan hệ xã hội, sự luôn luôn hoài nghi và sự vận động làm cho thời đại tư sản khác với tất cả các thời đại trước. Tất cả những quan hệ xã hội cứng đờ và hoen rỉ, với cả tràng những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ nghìn xưa đi kèm những quan hệ ấy, đều đang tiêu tan; những quan hệ xã hội thay thế những quan hệ đó chưa kịp cứng lại thì đã già cõi ngay. Tất cả những gì mang tính đẳng cấp và trì trệ đều tiêu tan như mây khói; tất cả những gì là thiêng liêng đều bị ô ố, và rốt cuộc, mọi người đều buộc phải nhìn những điều kiện sinh hoạt của họ và những quan hệ giữa họ với nhau bằng con mắt tỉnh táo.

Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi.

Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới. Mặc cho bọn phản động đau buồn, nó đã làm cho công nghiệp mất cơ sở dân tộc. Những ngành công nghiệp dân tộc cũ đã bị tiêu diệt và đang ngày càng bị tiêu diệt. Những ngành công nghiệp dân tộc bị thay thế bởi những ngành công nghiệp mới, tức là những ngành công nghiệp mà việc du nhập chúng trở thành một vấn đề sống còn đối với tất cả các dân tộc văn minh, những ngành công

nghiệp không dùng những nguyên liệu bản xứ mà dùng những nguyên liệu đưa từ những miền xa xôi nhất trên trái đất đến và sản phẩm làm ra không những được tiêu thụ ngay trong xứ mà còn được tiêu thụ ở tất cả các nơi trên trái đất nữa. Thay cho những nhu cầu cũ được thoả mãn bằng những sản phẩm trong nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thoả mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới.

Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vụn lý tưởng thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành

tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó.

Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn, và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị, bắt những nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây.

Giai cấp tư sản ngày càng xoá bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư. Nó tụ tập dân cư, tập trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị. Những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác nhau, thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc *thống nhất*, có một chính phủ *thống nhất*, một luật pháp *thống nhất*, một lợi ích dân tộc *thống nhất* mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan *thống nhất*.

Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. Sự chinh phục những lực lượng thiên nhiên, sự sản xuất bằng máy móc, việc áp dụng hoá học vào công nghiệp và nông nghiệp, việc dùng tàu chạy bằng

hơi nước, đường sắt, máy điện báo, việc khai phá từng lục địa nguyên vẹn, việc khai thông các dòng sông cho tàu bè đi lại được, hàng khối dân cư tựa hồ như từ dưới đất trôi lên, - có thể kỷ nào trước đây lại ngờ được rằng có những lực lượng sản xuất như thế vẫn nằm tiềm tàng trong lòng lao động xã hội!

Vậy là chúng ta đã thấy rằng: những tư liệu sản xuất và trao đổi, làm cơ sở cho giai cấp tư sản hình thành, đã được tạo ra từ trong lòng xã hội phong kiến. Những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy phát triển tới một trình độ nhất định nào đó thì những quan hệ mà trong đó xã hội phong kiến tiến hành sản xuất và trao đổi, tổ chức nông nghiệp và công nghiệp theo lối phong kiến, - nói tóm lại, những quan hệ sở hữu phong kiến không còn phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển. Những cái đó đã cản trở sản xuất, chứ không làm cho sản xuất tiến triển lên. Tất cả những cái đó đều biến thành xiềng xích. Phải đập tan những xiềng xích ấy, và quả nhiên những xiềng xích ấy đã bị đập tan.

Thay vào đó là sự cạnh tranh tự do, với một chế độ xã hội và chính trị thích ứng, với sự thống trị kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản.

Ngày nay, trước mắt chúng ta, đang diễn ra một quá trình tương tự. Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với những quan hệ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ như thế, thì giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã

triệu lên. Từ hàng chục năm nay, lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản. Để chứng minh điều đó, chỉ cần nêu ra các cuộc khủng hoảng thương nghiệp diễn đi diễn lại một cách chu kỳ và ngày càng đe dọa sự tồn tại của toàn bộ xã hội tư sản. Mỗi cuộc khủng hoảng đều phá hoại không những một số lớn sản phẩm đã được tạo ra, mà cả một phần lớn chính ngay những lực lượng sản xuất đã có nữa. Một nạn dịch - nếu ở một thời kỳ nào khác thì nạn dịch này hình như là một điều phi lý - đương gieo tai họa cho xã hội, đó là nạn dịch sản xuất thừa. Xã hội đột nhiên bị đẩy lùi về một trạng thái dã man nhất thời; dường như một nạn đói, một cuộc chiến tranh huỷ diệt đã tàn phá sạch mọi tư liệu sinh hoạt của xã hội; công nghiệp và thương nghiệp như bị tiêu diệt. Vì sao thế? Vì xã hội có quá thừa văn minh, có quá nhiều tư liệu sinh hoạt, quá nhiều công nghiệp, quá nhiều thương nghiệp. Những lực lượng sản xuất mà xã hội sẵn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản. Những quan hệ tư sản đã trở thành quá hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải đã

được tạo ra trong lòng nó nữa. - Giai cấp tư sản khắc phục những cuộc khủng hoảng ấy như thế nào? Một mặt, bằng cách cưỡng bức phải hủy bỏ một số lớn lực lượng sản xuất; mặt khác, bằng cách chiếm những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn nữa những thị trường cũ. Như thế thì đi đến đâu? Đi đến chỗ chuẩn bị cho những cuộc khủng hoảng toàn diện hơn và ghê gớm hơn và giảm bớt những phương cách ngăn ngừa những cuộc khủng hoảng ấy.

Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản.

Nhưng giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản*.

Giai cấp tư sản, tức là tư bản, mà lớn lên thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại - tức là giai cấp chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản - cũng phát triển theo. Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hoá, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ như nhau.

Do sự phát triển của việc dùng máy móc và sự phân công, nên lao động của người vô sản mất hết tính chất độc lập, do đó họ mất hết hứng thú. Người công nhân trở thành một vật phụ thuộc giản đơn của máy móc, người ta

chỉ đòi hỏi người công nhân làm được một công việc đơn giản nhất, đơn điệu nhất, dễ học nhất mà thôi. Do đó, chi phí cho một công nhân hầu như chỉ còn là số tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống và nòi giống của anh ta mà thôi. Nhưng giá cả của lao động, cũng như giá cả mọi hàng hoá³⁸, lại bằng chi phí sản xuất ra nó. Cho nên lao động càng trở nên thiếu hấp dẫn thì tiền công càng hạ. Hơn nữa, việc sử dụng máy móc và sự phân công mà tăng lên thì lượng lao động cũng tăng lên theo, hoặc là do tăng thêm giờ làm, hoặc là do tăng thêm lượng lao động phải làm trong một thời gian nhất định, do cho máy chạy nhanh thêm, v.v..

Công nghiệp hiện đại đã biến xưởng thợ nhỏ của người thợ cả gia trưởng thành công xưởng lớn của nhà tư bản công nghiệp. Những khối đông đảo công nhân, chen chúc nhau trong công xưởng, được tổ chức theo lối quân sự. Là những người lính trơn của công nghiệp, họ bị đặt dưới quyền giám sát của cả một hệ thống cấp bậc sĩ quan và hạ sĩ quan. Họ không những là nô lệ của giai cấp tư sản, của nhà nước tư sản, mà hàng ngày, hàng giờ, còn là nô lệ của máy móc, của người đốc công và trước hết là của chính nhà tư sản chủ công xưởng. Chế độ chuyên chế ấy càng công khai tuyên bố lợi nhuận là mục đích duy nhất của nó thì nó lại càng trở thành ti tiện, bỉ ổi, đáng căm ghét.

Lao động thủ công càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em. Những sự phân biệt về lứa

tuổi và giới tính không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều là công cụ lao động mà chi phí thì thay đổi tùy theo lứa tuổi và giới tính.

Một khi người thợ đã bị chủ xưởng bóc lột và được trả tiền công rồi thì anh ta lại trở thành miếng mồi cho những phần tử khác trong giai cấp tư sản: chủ nhà cho thuê, chủ hiệu bán lẻ, kẻ cho vay nặng lãi, v.v..

Những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương nghiệp và người thực lợi nhỏ, thợ thủ công và nông dân là những tầng lớp dưới của tầng lớp trung đẳng xưa kia, đều rơi xuống hàng ngũ giai cấp vô sản, một phần vì số vốn ít ỏi của họ không đủ cho phép họ quản lý những xí nghiệp đại công nghiệp, nên họ bị sự cạnh tranh của bọn tư bản lớn hơn đánh bại, một phần vì sự khéo léo nhà nghề của họ bị những phương pháp sản xuất mới làm giảm giá trị đi. Thành thử giai cấp vô sản được tuyển mộ trong tất cả các giai cấp của dân cư.

Giai cấp vô sản trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời.

Thoạt đầu, cuộc đấu tranh được tiến hành bởi những công nhân riêng lẻ; kế đến, bởi những công nhân cùng một công xưởng; và sau đó, bởi những công nhân cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương, chống lại người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Họ không phải chỉ đả kích vào quan hệ sản xuất tư sản mà còn đánh vào ngay cả công cụ sản xuất nữa; họ phá huỷ hàng ngoại hoá cạnh tranh với họ, đập phá máy móc, đốt các công xưởng và ra sức giành lại địa vị đã mất của người thợ thủ công thời trung cổ.

Trong giai đoạn đó, giai cấp vô sản còn là một khối quần chúng sống tản mạn trong cả nước và bị cạnh tranh chia nhỏ. Nếu có lúc quần chúng công nhân tập hợp nhau lại thì đó cũng chưa phải là kết quả của sự liên hợp của chính họ, mà là kết quả của sự liên hợp của giai cấp tư sản, nó muốn đạt những mục đích chính trị của nó, nên phải huy động toàn thể giai cấp vô sản và tạm thời còn có khả năng huy động được như vậy. Bởi vậy, suốt trong giai đoạn này, những người vô sản chưa đánh kẻ thù của chính mình, mà đánh kẻ thù của kẻ thù của mình, tức là những tàn dư của chế độ quân chủ chuyên chế, bọn địa chủ, bọn tư sản phi công nghiệp, bọn tiểu tư sản. Toàn bộ sự vận động lịch sử được tập trung như vậy vào tay giai cấp tư sản; mọi thắng lợi đạt được trong những điều kiện ấy đều là thắng lợi của giai cấp tư sản.

Nhưng sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn. Máy móc càng xoá bỏ mọi sự khác nhau trong lao động và càng rút tiền công ở hầu khắp mọi nơi xuống một mức thấp ngang nhau, thì lợi ích, điều kiện sinh hoạt của vô sản, càng dần dần ngang bằng nhau. Vì bọn tư sản ngày càng cạnh tranh với nhau hơn và vì khủng hoảng thương mại do sự cạnh tranh ấy sinh ra, cho nên dẫn tới tình trạng tiền công của công nhân ngày càng trở nên bấp bênh; việc cải tiến máy móc không ngừng và ngày càng

nhanh chóng hơn làm cho tình cảnh của những người vô sản ngày càng bấp bênh, những cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu từ việc thành lập những liên minh^{1*} chống lại bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Thậm chí họ đi tới chỗ lập thành những đoàn thể thường trực để sẵn sàng đối phó, khi những cuộc xung đột bất thần xảy ra. Đây đó, đấu tranh nổ thành bạo động công khai.

Đôi khi công nhân thắng, nhưng đó chỉ là những thắng lợi tạm thời. Kết quả thật sự của những cuộc đấu tranh của họ là sự đoàn kết ngày càng rộng của những người lao động, hơn là sự thành công tức thời. Việc tăng thêm phương tiện giao thông do đại công nghiệp tạo ra, giúp cho công nhân các địa phương tiếp xúc với nhau, đã làm cho sự đoàn kết ấy được dễ dàng. Mà chỉ tiếp xúc như vậy cũng đủ để tập trung nhiều cuộc đấu tranh địa phương, đâu đâu cũng mang tính chất giống nhau, thành một cuộc đấu tranh toàn quốc, thành một cuộc đấu tranh giai cấp. Nhưng bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng là một cuộc đấu tranh chính trị. Và sự đoàn kết mà những thị dân thời trung cổ đã phải mất hàng thế kỷ mới xây dựng được bằng những con đường làng nhỏ hẹp của họ, thì những người vô sản hiện đại chỉ xây dựng trong vòng vài năm, nhờ có đường sắt.

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888, sau chữ "liên minh" có thêm "(những hội công liên)".

Sự tổ chức như vậy của những người vô sản thành giai cấp và do đó thành chính đảng, luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ. Nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, hùng mạnh hơn. Nó lợi dụng những bất hoà trong nội bộ giai cấp tư sản để buộc giai cấp tư sản phải thừa nhận, bằng luật pháp, một số quyền lợi của giai cấp công nhân. Chẳng hạn như đạo luật ngày lao động 10 giờ ở Anh.

Nói chung, những xung đột xảy ra trong xã hội cũ đã thúc đẩy quá trình phát triển của giai cấp vô sản về nhiều mặt. Giai cấp tư sản sống trong một trạng thái chiến tranh không ngừng: trước hết chống lại quý tộc, sau đó, chống lại các bộ phận của chính ngay giai cấp tư sản mà quyền lợi xung đột với sự tiến bộ của công nghiệp, và cuối cùng, luôn luôn chống lại giai cấp tư sản của tất cả các nước ngoài. Trong hết thảy những cuộc đấu tranh ấy, giai cấp tư sản tự thấy mình buộc phải kêu gọi giai cấp vô sản, yêu cầu họ giúp sức, và do đó, lôi cuốn họ vào phong trào chính trị. Thành thử giai cấp tư sản đã cung cấp cho những người vô sản những tri thức của bản thân nó^{1*}, nghĩa là những vũ khí chống lại bản thân nó.

Hơn nữa, như chúng ta vừa thấy, từng bộ phận trọn vẹn của giai cấp thống trị bị sự tiến bộ của công nghiệp đẩy vào hàng ngũ giai cấp vô sản, hay ít ra thì cũng bị đe

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "những tri thức của bản thân nó" là những chữ "những tri thức chính trị và tri thức phổ thông của bản thân nó".

dọa về mặt những điều kiện sinh hoạt của họ. Những bộ phận ấy cũng đem lại cho giai cấp vô sản nhiều tri thức.

Cuối cùng, lúc mà đấu tranh giai cấp tiến gần đến giờ quyết định thì quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, mang một tính chất dữ dội và khốc liệt đến nỗi một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị tách ra khỏi giai cấp này và đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang nắm tương lai trong tay. Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ giai cấp tư sản; ngày nay, một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử.

Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp.

Các tầng lớp trung đẳng là những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công và nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản để cứu lấy sự sống còn của họ với tính cách là những tầng lớp trung đẳng. Cho nên họ không cách mạng mà bảo thủ. Thậm chí, hơn thế nữa, họ lại là phản động; họ tìm cách làm cho bánh xe lịch sử quay ngược trở lại. Nếu họ có thái độ cách mạng thì cũng chỉ trong chừng mực là họ thấy họ sẽ phải rơi vào hàng ngũ giai cấp vô sản: lúc đó, họ bảo vệ lợi ích tương lai của họ, chứ không phải lợi ích hiện tại của họ, họ từ bỏ

quan điểm của chính họ để đứng trên quan điểm của giai cấp vô sản.

Còn tầng lớp vô sản lưu manh, cái sản phẩm tiêu cực ấy của sự thối rữa của những tầng lớp bên dưới nhất trong xã hội cũ, thì đây đó, có thể được cách mạng vô sản lôi cuốn vào phong trào, nhưng điều kiện sinh hoạt của họ lại khiến họ sẵn sàng bán mình cho những mưu đồ của phe phản động.

Điều kiện sinh hoạt của xã hội cũ đã bị xoá bỏ trong những điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản. Người vô sản không có tài sản; quan hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút nào với những quan hệ gia đình tư sản; lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc. Luật pháp, đạo đức, tôn giáo đều bị người vô sản coi là những thành kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản.

Tất cả những giai cấp trước kia sau khi chiếm được chính quyền, đều ra sức củng cố địa vị mà họ đã nắm được bằng cách bắt toàn xã hội phải tuân theo những điều kiện bảo đảm cho phương thức chiếm hữu của chính chúng. Những người vô sản chỉ có thể giành được những lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xoá bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình, và do đấy, xoá bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu nói chung đã tồn tại từ trước đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá huỷ hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu.

Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiếu số thực hiện, hoặc đều mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp ở bên dưới nhất của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phương.

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã.

Trong khi phác ra những nét lớn của các giai đoạn phát triển của giai cấp vô sản, chúng tôi đã nghiên cứu cuộc nội chiến ít nhiều mang tính chất ngấm ngấm trong xã hội hiện nay cho đến khi cuộc nội chiến ấy nổ bùng ra thành cách mạng công khai, mà giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản.

Tất cả những xã hội trước kia, như chúng ta đã thấy, đều dựa trên sự đối kháng giữa các giai cấp áp bức với các giai cấp bị áp bức. Nhưng muốn áp bức một giai cấp nào đó thì cần phải bảo đảm cho giai cấp ấy những điều kiện sinh sống khiến cho họ, chí ít, cũng có thể sống được trong vòng nô lệ. Người nông nô trong chế độ nông nô, đã tiến tới chỗ trở nên một thành viên của công xã, cũng

như người tiểu tư sản đã vươn tới địa vị người tư sản, dưới ách của chế độ chuyên chế phong kiến. Người công nhân hiện đại, trái lại, đã không vươn lên được cùng với sự tiến bộ của công nghiệp, mà còn luôn luôn rơi xuống thấp hơn, dưới cả những điều kiện sinh sống của chính giai cấp họ. Người lao động trở thành một người nghèo khổ, và nạn nghèo khổ còn tăng lên nhanh hơn là dân số và của cải. Vậy hiển nhiên là giai cấp tư sản không có khả năng tiếp tục làm tròn vai trò giai cấp thống trị của mình trong xã hội và buộc toàn xã hội phải chịu theo điều kiện sinh sống của giai cấp mình, coi đó là một quy luật chi phối tất cả. Nó không thể thống trị được nữa, vì nó không thể bảo đảm cho người nô lệ của nó ngay cả một mức sống nô lệ, vì nó đã buộc phải để người nô lệ ấy rơi xuống tình trạng khiến nó phải nuôi người nô lệ ấy, chứ không phải người nô lệ ấy nuôi nó. Xã hội không thể sống dưới sự thống trị của giai cấp tư sản nữa, như thế có nghĩa là sự tồn tại của giai cấp tư sản không còn tương dung với sự tồn tại của xã hội nữa.

Điều kiện căn bản của sự tồn tại và của sự thống trị của giai cấp tư sản là sự tích lũy của cải vào tay những tư nhân, là sự hình thành và tăng thêm tư bản. Điều kiện tồn tại của tư bản là lao động làm thuê. Lao động làm thuê hoàn toàn dựa vào sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Sự tiến bộ của công nghiệp - mà giai cấp tư sản là người đại diện mặc nhiên của nó và không đủ sức chống lại nó - đem sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hợp lại mà có, thay cho sự chia rẽ của công nhân do cạnh

tranh giữa họ gây nên. Như vậy, cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau.

II NHỮNG NGƯỜI VÔ SẢN VÀ NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

Quan hệ giữa những người cộng sản với những người vô sản nói chung là như thế nào?

Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác.

Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản.

Họ không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt^{1*} nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy.

Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: một là, trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào.

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "những nguyên tắc riêng biệt" là những chữ "những nguyên tắc bè phái".

Vậy là về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên* về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản.

Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác: tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền.

Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra.

Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta. Việc xoá bỏ những quan hệ sở hữu đã tồn tại trước kia không phải là một cái gì đặc trưng vốn có của chủ nghĩa cộng sản.

Tất cả những quan hệ sở hữu đã trải qua những thay đổi liên tiếp, những cải biến liên tiếp trong lịch sử.

Chẳng hạn, cách mạng Pháp đã xoá bỏ chế độ sở hữu phong kiến, để thay bằng chế độ sở hữu tư sản.

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên" là những chữ "tiên tiến nhất".

Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xoá bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xoá bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu tư sản hiện thời, lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia^{1*}.

Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xoá bỏ chế độ tư hữu.

Người ta trách những người cộng sản chúng tôi là muốn xoá bỏ sở hữu do cá nhân mỗi người làm ra, kết quả lao động của cá nhân, sở hữu mà người ta bảo là cơ sở của mọi tự do, mọi hoạt động và mọi sự độc lập của cá nhân.

Cái sở hữu làm ra, kiếm được một cách lương thiện và do lao động của bản thân tạo ra ư! Phải chăng người ta muốn nói đến cái hình thức sở hữu có trước sở hữu tư sản, tức là sở hữu của người tiểu tư sản, của người tiểu nông? Chúng tôi có cần gì phải xoá bỏ cái đó, sự phát triển của công nghiệp đã xoá bỏ và hàng ngày vẫn tiếp tục xoá bỏ cái đó rồi.

Hay là người ta muốn nói đến chế độ tư hữu tư sản hiện thời?

Nhưng phải chăng lao động làm thuê, lao động của người vô sản, lại tạo ra sở hữu cho người vô sản? Tuyệt đối

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "những người này bóc lột những người kia" là những chữ "thiểu số bóc lột đa số".

không. Nó tạo ra tư bản, tức là cái sở hữu bóc lột lao động làm thuê, cái sở hữu chỉ có thể tăng thêm với điều kiện là phải sản xuất ra lao động làm thuê mới để lại bóc lột lao động làm thuê đó. Trong hình thái hiện tại của nó, sở hữu vận động trong sự đối lập giữa hai cực: tư bản và lao động. Chúng ta hãy xét hai cực của sự đối lập ấy.

Trở thành nhà tư bản có nghĩa là không những chỉ chiếm một địa vị thuần túy cá nhân, mà còn chiếm một địa vị xã hội trong sản xuất. Tư bản là một sản phẩm tập thể và nó chỉ có thể vận động được là nhờ sự hoạt động chung của nhiều thành viên trong xã hội, xét đến cùng, là nhờ sự hoạt động chung của tất cả các thành viên trong xã hội.

Vậy tư bản không phải là một lực lượng cá nhân, nó là một lực lượng xã hội.

Cho nên, nếu tư bản biến thành sở hữu tập thể thuộc tất cả mọi thành viên trong xã hội thì đó không phải là một sở hữu cá nhân chuyển thành sở hữu xã hội. Chỉ có tính chất xã hội của sở hữu là thay đổi thôi. Sở hữu mất tính chất giai cấp của nó.

Bây giờ chúng ta nói đến lao động làm thuê.

Giá cả trung bình của lao động làm thuê là số tiền công tối thiểu, nghĩa là tổng số những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho công nhân duy trì đời sống với tính cách là công nhân. Cho nên cái mà người công nhân làm thuê chiếm hữu được bằng hoạt động của mình cũng chỉ vừa đủ để tái sản xuất ra đời sống mà thôi. Chúng tôi tuyệt không muốn xoá bỏ sự chiếm hữu cá nhân ấy về những

sản phẩm của lao động, cần thiết để tái sản xuất ra đời sống, vì sự chiếm hữu ấy không để ra một khoản dư nào có thể đem lại một quyền lực chi phối lao động của người khác. Điều chúng tôi muốn, là xoá bỏ tính chất bi thảm của cái phương thức chiếm hữu nó khiến cho người công nhân chỉ sống để làm tăng thêm tư bản, và chỉ sống trong chùng mực mà những lợi ích của giai cấp thống trị đòi hỏi.

Trong xã hội tư sản, lao động sống chỉ là một phương tiện để tăng thêm lao động tích lũy. Trong xã hội cộng sản, lao động tích lũy chỉ là một phương tiện để mở rộng, làm phong phú và làm giảm nhẹ cho quá trình sống của những người lao động.

Như vậy, trong xã hội tư sản, quá khứ chi phối hiện tại; còn trong xã hội cộng sản thì chính hiện tại chi phối quá khứ. Trong xã hội tư sản, tư bản có tính độc lập và cá tính, còn cá nhân người lao động lại mất tính độc lập và cá tính.

Và chính việc xoá bỏ những quan hệ như thế, là việc mà giai cấp tư sản cho là xoá bỏ cá tính và tự do! mà cũng có lý đấy. Vì quả thật vấn đề là phải xoá bỏ cá tính tư sản, tính độc lập tư sản và tự do tư sản.

Trong khuôn khổ những quan hệ sản xuất tư sản hiện tại thì tự do có nghĩa là tự do buôn bán, tự do mua và bán.

Nhưng nếu buôn bán không còn thì buôn bán tự do cũng không còn nữa. Và lại, tất cả những luận điệu về tự do buôn bán, cũng như tất cả những lời nói khoa trương khác của các nhà tư sản của chúng ta về tự do, nói chung chỉ có ý nghĩa, khi đem đối chiếu với việc buôn bán bị cản

trở, với người thị dân bị nô dịch ở thời trung cổ mà thôi; những luận điệu và lời nói đó không còn ý nghĩa gì nữa, khi vấn đề đặt ra là chủ nghĩa cộng sản phải xoá bỏ buôn bán, xoá bỏ những quan hệ sản xuất tư sản và xoá bỏ ngay cả giai cấp tư sản nữa.

Các ông hoảng lên, vì chúng tôi muốn xoá bỏ chế độ tư hữu. Nhưng trong xã hội hiện nay của các ông, chế độ tư hữu đã bị xoá bỏ đối với chín phần mười số thành viên của xã hội đó rồi; chính vì nó không tồn tại đối với số chín phần mười ấy, nên nó mới tồn tại được. Như vậy, các ông trách chúng tôi là muốn xoá bỏ một hình thức sở hữu chỉ có thể tồn tại với điều kiện tất yếu là tuyệt đại đa số bị tước mất hết mọi sở hữu.

Nói tóm lại, các ông buộc tội chúng tôi là muốn xoá bỏ sở hữu riêng của các ông. Quả thật, đó chính là điều chúng tôi muốn.

Khi mà lao động không còn có thể biến thành tư bản, thành tiền bạc, thành địa tô, tóm lại, thành quyền lực xã hội có thể biến thành độc quyền được, nói tóm lại, khi mà sở hữu cá nhân không còn có thể biến thành sở hữu tư sản được nữa thì lúc đó, các ông tuyên bố rằng cá nhân bị thủ tiêu.

Như vậy là các ông thú nhận rằng khi các ông nói đến cá nhân, là các ông chỉ muốn nói đến người tư sản, người tư hữu tư sản mà thôi. Mà cái cá nhân ấy thì chắc chắn là cần phải thủ tiêu đi.

Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng

sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác.

Người ta còn phản đối lại rằng xoá bỏ chế độ tư hữu thì mọi hoạt động sẽ ngừng lại, thì bệnh lười biếng phổ biến sẽ ngự trị.

Nếu quả như vậy thì xã hội tư sản phải sụp đổ từ lâu rồi do tình trạng lười biếng, vì trong xã hội ấy, những người lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng lại không lao động. Tất cả sự lo ngại chung quy chỉ là luận điệu trùng phức cho rằng không còn tư bản thì cũng không còn lao động làm thuê nữa.

Tất cả những lời phản đối nhằm chống lại phương thức cộng sản chủ nghĩa của sự sản xuất và chiếm hữu những sản phẩm vật chất được tung ra, cũng là nhằm chống lại sự sản xuất và chiếm hữu những sản phẩm tinh thần. Nếu đối với người tư sản, sở hữu giai cấp bị thủ tiêu có nghĩa là chính sản xuất cũng bị thủ tiêu, thì đối với họ, văn hoá giai cấp bị thủ tiêu, cũng có nghĩa là văn hoá nói chung bị mất đi.

Cái văn hoá mà người tư sản than tiếc là bị tiêu diệt đi đó, thì đối với đại đa số, chỉ là việc biến họ thành vật phụ thuộc vào máy móc mà thôi.

Nếu các ông lấy những quan niệm tư sản của các ông về tự do, về văn hoá, về luật pháp, v.v., làm tiêu chuẩn để xét việc xoá bỏ sở hữu tư sản thì chẳng cần phải tranh cãi với chúng tôi làm gì. Chính những tư tưởng của các ông là sản phẩm của những quan hệ sản xuất và sở hữu tư sản, cũng như pháp quyền của các ông chỉ là ý chí của giai cấp

các ông được đề lên thành luật pháp, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định.

Cái quan niệm thiên vị khiến các ông biến những quan hệ sản xuất và quan hệ sở hữu của các ông từ những quan hệ lịch sử, mang tính chất nhất thời trong quá trình phát triển của sản xuất thành những quy luật vĩnh cửu của tự nhiên và của lý trí, - quan niệm ấy, các ông cũng tán đồng cùng với tất cả các giai cấp thống trị trước đây và hiện không còn nữa. Điều mà các ông nhận thức được đối với sở hữu thời cổ đại hay sở hữu phong kiến thì đối với sở hữu tư sản, các ông lại không dám nhận thức nữa.

Xoá bỏ gia đình! Ngay cả những người cấp tiến cực đoan nhất cũng phẫn nộ về cái ý định xấu xa ấy của những người cộng sản.

Gia đình tư sản hiện nay dựa trên cơ sở nào? Dựa trên tư bản, trên lợi nhuận cá nhân. Gia đình dưới hình thái hoàn toàn phát triển của nó, chỉ tồn tại đối với giai cấp tư sản thôi, nhưng nó lại kèm theo sự bắt buộc phải thủ tiêu mọi gia đình đối với người vô sản và kèm theo nạn mãi dâm công khai.

Gia đình tư sản dĩ nhiên là sẽ tiêu tan cùng với cái vật bổ sung đó của nó, và cả hai cái đó đều mất đi cùng với sự tan biến của tư bản.

Các ông trách chúng tôi là muốn xoá bỏ hiện tượng cha mẹ bóc lột con cái chăng? Tội ấy, chúng tôi xin nhận.

Nhưng các ông lại bảo rằng chúng tôi muốn thủ tiêu những mối quan hệ thân thiết nhất đối với con người,

bằng cách đem giáo dục xã hội thay thế cho giáo dục gia đình.

Thế nên giáo dục của các ông, chẳng phải cũng do xã hội quyết định đó sao? Chẳng phải do những quan hệ xã hội trong đó các ông nuôi dạy con cái các ông, do sự can thiệp trực tiếp hay gián tiếp của xã hội thông qua nhà trường, v.v., quyết định là gì? Người cộng sản không bịa đặt ra tác động xã hội đối với giáo dục, họ chỉ thay đổi tính chất của sự giáo dục ấy và kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp thống trị mà thôi.

Đại công nghiệp phát triển càng phá huỷ mọi mối quan hệ gia đình trong giai cấp vô sản và càng biến trẻ em thành những món hàng mua bán, những công cụ lao động đơn thuần, thì những lời huênh hoang của giai cấp tư sản về gia đình và giáo dục, về những mối quan hệ thân thiết gắn bó con cái với cha mẹ, lại càng trở nên ghê tởm.

Nhưng bọn cộng sản các anh, muốn thực hành chế độ cộng thê, - toàn thể giai cấp tư sản đồng thanh tru tréo lên như vậy.

Đối với người tư sản, vợ hấn chẳng qua chỉ là một công cụ sản xuất. Cho nên nghe nói công cụ sản xuất phải được đem dùng chung thì tất nhiên là hấn kết luận rằng chính đàn bà rồi cũng phải chịu cái số phận chung là bị xã hội hoá.

Thậm chí hấn không ngờ rằng vấn đề ở đây, chính là kéo đàn bà ra khỏi vai trò hiện nay của họ là một công cụ sản xuất đơn thuần.

Vả lại, không có gì lỗi bịch bằng sự ghê sợ quá ư đạo đức của những nhà tư sản đối với cái gọi là cộng thể chính thức do những người cộng sản chủ trương. Những người cộng sản không cần phải áp dụng chế độ cộng thể, chế độ ấy hầu như đã luôn luôn tồn tại.

Các ngài tư sản của chúng ta chưa thoả mãn là đã sẵn có vợ và con gái của vô sản để dùng, đó là chưa kể chế độ mãi dâm công khai, các ngài ấy còn lấy việc cấm sùng lẫn nhau làm một thú vui đặc biệt.

Hôn nhân của giai cấp tư sản thật ra là chế độ cộng thể. Có chăng người ta chỉ có thể buộc tội những người cộng sản là họ tuồng như muốn đem một chế độ cộng thể công khai và chính thức thay cho chế độ cộng thể được che đậy một cách giả nhân giả nghĩa mà thôi. Nhưng với sự xoá bỏ những quan hệ sản xuất hiện tại thì dĩ nhiên là chế độ cộng thể do những quan hệ sản xuất ấy đẻ ra, tức là chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức, cũng sẽ biến mất.

Ngoài ra, người ta còn buộc tội những người cộng sản là muốn xoá bỏ tổ quốc, xoá bỏ dân tộc.

Công nhân không có tổ quốc. Người ta không thể cướp của họ cái mà họ không có. Vì giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc^{1*}, phải tự mình trở thành dân tộc,

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "tự vươn lên thành giai cấp dân tộc" là những chữ "tự vươn lên thành giai cấp chủ đạo trong dân tộc".

tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu.

Với sự phát triển của giai cấp tư sản, tự do buôn bán, thị trường thế giới, sự đồng đều của sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với nền sản xuất ấy thì những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước cũng ngày càng mất đi.

Sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt và những sự đối lập ấy mất đi nhanh hơn. Hành động chung của giai cấp vô sản, ít ra là ở những nước văn minh, là một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng họ.

Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo.

Còn những lời buộc tội chủ nghĩa cộng sản, xuất phát từ những quan điểm tôn giáo, triết học và nói chung là xuất phát từ những quan điểm tư tưởng thì không đáng phải xét kỹ.

Liệu có cần phải sáng suốt lắm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của con người, tóm lại là ý thức của con người, đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của con người không?

Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì, nếu không phải

là chứng minh rằng sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị.

Khi người ta nói đến những tư tưởng đang cách mạng hoá cả một xã hội thì như thế là người ta chỉ nêu ra sự thật này là trong lòng xã hội cũ, những yếu tố của một xã hội mới đã hình thành và sự tan rã của những tư tưởng cũ đi đôi với sự tan rã của những điều kiện sinh hoạt cũ.

Khi thế giới cổ đại đang suy tàn thì những tôn giáo cũ bị đạo Cơ Đốc đánh bại. Vào thế kỷ XVIII, khi tư tưởng của đạo Cơ Đốc nhường chỗ cho những tư tưởng tiến bộ thì xã hội phong kiến đang giao chiến trận cuối cùng với giai cấp tư sản, lúc bấy giờ là giai cấp cách mạng. Những tư tưởng về tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo chẳng qua chỉ nói lên thời kỳ thống trị của cạnh tranh tự do trong lĩnh vực tri thức mà thôi.

Có người sẽ nói: "Cố nhiên là những quan niệm tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền, v.v., đã biến đổi trong tiến trình phát triển lịch sử. Nhưng tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền, vẫn luôn luôn được bảo tồn qua những biến đổi không ngừng ấy.

Vả lại, còn có những chân lý vĩnh cửu như tự do, công lý, v.v., là những cái chung cho tất cả mọi chế độ xã hội. Thế mà chủ nghĩa cộng sản lại xoá bỏ những chân lý vĩnh cửu, xoá bỏ tôn giáo và đạo đức chứ không đổi mới hình thức của tôn giáo và đạo đức; làm như thế là nó mâu thuẫn với toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử trước kia".

Lời buộc tội ấy rút cục lại là gì? Lịch sử của toàn bộ các xã hội, từ trước đến nay, đều diễn ra trong những đối kháng giai cấp, những đối kháng mang những hình thức khác nhau tùy từng thời đại.

Nhưng dù những đối kháng ấy mang hình thức nào đi nữa thì hiện tượng một bộ phận này của xã hội bóc lột một bộ phận khác cũng vẫn là hiện tượng chung cho tất cả các thế kỷ trước kia. Vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng ý thức xã hội của mọi thế kỷ, mặc dù có muôn màu muôn vẻ và hết sức khác nhau, vẫn vận động trong một số hình thức chung nào đó, trong những hình thức ý thức chỉ hoàn toàn tiêu tan khi hoàn toàn không còn có đối kháng giữa các giai cấp nữa.

Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những quan hệ sở hữu kế thừa của quá khứ; không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ.

Nhưng hãy gác lại những lời giai cấp tư sản phản đối chủ nghĩa cộng sản.

Như chúng ta đã thấy trên kia, bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ.

Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất.

Cố nhiên, điều đó lúc đầu chỉ có thể thực hiện được bằng cách xâm phạm một cách chuyên chế vào quyền sở hữu và vào những quan hệ sản xuất tư sản, nghĩa là bằng những biện pháp, mà về mặt kinh tế thì hình như không được đầy đủ và không có hiệu lực, nhưng trong tiến trình vận động, những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng^{1*} và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất.

Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều.

Nhưng đối với những nước tiên tiến nhất thì những biện pháp sau đây sẽ có thể được áp dụng khá phổ biến:

1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước.

2. Áp dụng thuế lũy tiến cao.

3. Xoá bỏ quyền thừa kế.

4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.

5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.

6. Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào trong tay nhà nước.

7. Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 sau những chữ "vượt quá bản thân chúng" còn có thêm những chữ "khiến tất yếu phải tiến công thêm một bước vào chế độ xã hội cũ".

xuất; khai khẩn đất đai để cấy cấy và cải tạo ruộng đất theo một kế hoạch chung.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.

9. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn^{1*}.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xoá bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, v.v..

Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp lại với nhau thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị của nó. Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác. Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành

1* Lần xuất bản năm 1848 in là "những sự đối lập giữa thành thị và nông thôn". Lần xuất bản năm 1872 và những lần xuất bản sau bằng tiếng Đức thì những chữ "sự đối lập" được thay bằng "sự khác biệt". Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ "làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn" là những chữ "dần dần xoá bỏ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn bằng cách phân bố dân cư một cách đồng đều hơn trong cả nước".

giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp.

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

III

VĂN HỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Chủ nghĩa xã hội phản động

a) Chủ nghĩa xã hội phong kiến

Do địa vị lịch sử của họ, quý tộc Pháp và Anh đã có sứ mệnh viết những bài văn châm biếm đả kích xã hội tư sản hiện đại. Trong cuộc Cách mạng Pháp hồi tháng Bảy 1830, trong phong trào cải cách ở Anh, các giai cấp quý tộc ấy, một lần nữa, lại ngã gục dưới những đòn đả kích của những kẻ bạo phát đáng ghét. Đối với quý tộc thì không thể còn có vấn đề đấu tranh chính trị thật sự được nữa, họ chỉ còn có cách đấu tranh bằng văn học mà thôi. Nhưng ngay cả trong lĩnh vực văn học cũng không thể dùng cái luận điệu cũ rích của thời kỳ Phục tích¹⁾ được nữa. Muốn gây được thiện cảm, quý tộc phải làm ra vẻ không nghĩ đến lợi ích riêng của mình và lập bản cáo trạng lên án giai cấp tư sản, chỉ là vì lợi ích của giai cấp công nhân bị bóc

1) Đây không phải là nói về thời kỳ Phục tích 1660 - 1689 ở Anh mà là thời kỳ Phục tích 1814 - 1830 ở Pháp. (*Chú thích của Ăng-ghe-nh cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888*).

lột mà thôi. Làm như thế, họ tự dành cho họ cái điều vui thú làm về chế giễu người chủ mới của họ và ri rí bên tai người này những lời tiên tri không tốt lành này khác.

Chủ nghĩa xã hội phong kiến đã ra đời như thế - đó là một mớ hỗn hợp những lời ai oán và những lời mỉa mai, dư âm của dĩ vãng và tiếng đe dọa của tương lai. Tuy đôi khi lời công kích chua chát sâu cay và hóm hỉnh của nó đập trúng tim gan của giai cấp tư sản, nhưng việc nó hoàn toàn bất lực không thể hiểu được tiến trình của lịch sử hiện đại, luôn luôn làm cho người ta cảm thấy buồn cười.

Các ngài quý tộc ấy đã giương cái bị ăn mày của kẻ vô sản lên làm cờ để lôi kéo nhân dân theo họ, nhưng nhân dân vừa chạy lại thì trông thấy ngay những phù hiệu phong kiến cũ đeo sau lưng họ, thế là nhân dân liền tản đi và phá lên cười một cách khinh bỉ.

Một bộ phận của phái chính thống Pháp và phái "Nước Anh trẻ"³⁹ đã diễn tấn hài kịch ấy.

Khi những người bên vực chế độ phong kiến chứng minh rằng phương thức bóc lột phong kiến không giống phương thức bóc lột của giai cấp tư sản thì họ chỉ quên có một điều là chế độ phong kiến bóc lột trong hoàn cảnh và những điều kiện khác hẳn và hiện đã lỗi thời. Khi họ vạch ra rằng dưới chế độ phong kiến, không có giai cấp vô sản hiện đại thì họ chỉ quên có một điều là giai cấp tư sản chính là một sản phẩm tất nhiên của chế độ xã hội của họ.

Vả lại, họ rất ít che đậy tính chất phản động của những lời chỉ trích của họ, cho nên lời lẽ chủ yếu mà họ dùng để buộc tội giai cấp tư sản thì chính là cho rằng dưới

sự thống trị của nó, giai cấp tư sản đảm bảo sự phát triển cho một giai cấp sẽ làm nổ tung toàn bộ trật tự xã hội cũ.

Họ buộc tội giai cấp tư sản là đã sinh ra một giai cấp vô sản cách mạng, nhiều hơn là buộc tội giai cấp đó đã sinh ra giai cấp vô sản nói chung.

Cho nên, trong hoạt động chính trị, họ tích cực tham gia vào tất cả những biện pháp bạo lực chống giai cấp công nhân. Và trong đời sống hàng ngày của họ, mặc dù những lời hoa mỹ trống rỗng của họ, họ vẫn không bỏ qua cơ hội để lượm lấy những quả táo bằng vàng^{1*} và đem lòng trung thành, tình yêu và danh dự mà đổi lấy việc buôn bán len, củ cải đường và rượu mạnh¹⁾.

Cũng hết như thầy tu và chúa phong kiến luôn luôn tay nắm tay cùng đi với nhau, chủ nghĩa xã hội thầy tu cũng đi sát cánh với chủ nghĩa xã hội phong kiến.

Không có gì dễ hơn là phủ lên chủ nghĩa khổ hạnh của đạo Cơ Đốc một lớp sơn chủ nghĩa xã hội. Đạo Cơ Đốc

1) Đây chủ yếu nói về nước Đức, nơi mà bọn quý tộc địa chủ và bọn gioong-ke đã dựa vào vốn liếng của bản thân mà kinh doanh trên đại bộ phận diện tích ruộng đất của mình, thông qua những viên quản lý; ngoài ra chúng còn là những tên chủ của nhiều nhà máy đường và rượu. Những tên quý tộc Anh giàu có hơn thì chưa làm được như vậy, nhưng chúng cũng biết cách làm thế nào để có thể bù vào số địa tô bị giảm sút: chúng cho những kẻ đứng ra lập những công ty cổ phần ít nhiều không đáng tin cậy, dùng tên tuổi của chúng. (*Chú thích của Ăng-ghe-nh cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888*).

1* Bản tiếng Anh năm 1888 sau những chữ "những quả táo bằng vàng" còn có thêm những chữ "từ cái cây công nghiệp rụng xuống".

chẳng phải đã cực lực phản đối chế độ tư hữu, hôn nhân và nhà nước đó sao? Và thay cho tất cả những cái đó, đạo Cơ Đốc chẳng phải đã tuyên truyền việc làm phúc và sự khổ hạnh, cuộc sống độc thân và chủ nghĩa cấm dục, cuộc sống tu hành và nhà thờ đó sao? Chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc chẳng qua chỉ là thứ nước thánh mà thầy tu dùng để xúc cho nổi hờn giận của quý tộc mà thôi.

b) Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản

Giai cấp quý tộc phong kiến không phải là giai cấp duy nhất đã bị giai cấp tư sản làm phá sản; nó không phải là giai cấp duy nhất có những điều kiện sinh hoạt đang tàn lụi và tiêu vong trong xã hội tư sản hiện đại. Những người thị dân và tiểu nông thời trung cổ là những tiền bối của giai cấp tư sản hiện đại. Trong những nước mà công nghiệp và thương nghiệp phát triển kém hơn, giai cấp đó tiếp tục sống lay lắt bên cạnh giai cấp tư sản thịnh vượng.

Trong những nước mà nền văn minh hiện đại đang phát triển thì đã hình thành một giai cấp tiểu tư sản mới, ngã nghiêng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản; là bộ phận bổ sung của xã hội tư sản, nó cứ luôn luôn được hình thành trở lại; nhưng vì sự cạnh tranh, những cá nhân họp thành giai cấp ấy luôn luôn bị đẩy xuống hàng ngũ giai cấp vô sản và hơn nữa với sự phát triển tiến lên của đại công nghiệp, họ thấy rằng đã gần đến lúc họ sẽ hoàn toàn biến mất với tính cách là bộ phận độc lập của xã hội hiện đại, và trong thương nghiệp, trong công nghiệp và trong nông nghiệp, họ sẽ nhường chỗ cho những đốc công và nhân viên làm thuê.

Trong những nước như nước Pháp, ở đó nông dân chiếm quá nửa dân số thì tự nhiên là đã xuất hiện những nhà văn đứng về phía giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, nhưng đã dùng cái thước đo tiểu tư sản và tiểu nông trong việc phê phán chế độ tư sản, và đã xuất phát từ những quan điểm tiểu tư sản mà bênh vực sự nghiệp của công nhân. Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản đã được hình thành như thế đó. Xi-xmôn-đi là lãnh tụ của thứ văn học đó, không những ở Pháp mà cả ở Anh nữa.

Chủ nghĩa xã hội ấy phân tích rất sâu sắc những mâu thuẫn gắn liền với những quan hệ sản xuất hiện đại. Nó vạch trần những lời ca tụng giả dối của những nhà kinh tế học. Nó chứng minh một cách không thể bác bỏ được những tác dụng phá hoại của nền sản xuất bằng máy móc và của sự phân công lao động, sự tập trung tư bản và ruộng đất, sự sản xuất thừa, các cuộc khủng hoảng, sự sa sút không tránh được của những người tiểu tư sản và nông dân, sự cùng khổ của giai cấp vô sản, tình trạng vô chính phủ trong sản xuất, tình trạng bất công quá rõ rệt trong sự phân phối của cải, chiến tranh công nghiệp có tính chất hủy diệt giữa các dân tộc, sự tan rã của đạo đức cũ, của những quan hệ gia đình cũ, của những tính dân tộc cũ.

Nhưng xét về nội dung chân thực của nó, thì hoặc là chủ nghĩa xã hội này muốn khôi phục lại những tư liệu sản xuất và phương tiện trao đổi cũ, và cùng với những cái đó, cũng khôi phục lại cả những quan hệ sở hữu cũ và toàn bộ xã hội cũ, hoặc là nó muốn buộc những tư liệu sản

xuất và phương tiện trao đổi hiện đại phải khuôn theo cái khuôn khổ chật hẹp của những quan hệ sở hữu cũ, của những quan hệ đã bị và tất phải bị những công cụ ấy đập tan. Trong cả hai trường hợp, chủ nghĩa xã hội vừa là phản động vừa là không tưởng.

Chế độ phường hội trong công nghiệp, chế độ gia trưởng trong nông nghiệp - đó là cái đích tột cùng của nó.

Trong sự phát triển về sau của nó, trào lưu này đã biến thành những lời oán thán hèn nhát^{1*}.

c) Chủ nghĩa xã hội Đức hay chủ nghĩa xã hội "chân chính"

Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của nước Pháp, sinh ra dưới áp lực của một giai cấp tư sản thống trị, biểu hiện văn học của sự phản kháng chống lại nền thống trị ấy, thì được đưa vào nước Đức giữa lúc giai cấp tư sản bắt đầu đấu tranh chống chế độ chuyên chế phong kiến.

Các nhà triết học, các nhà triết học nửa mùa và những kẻ tài hoa ở Đức hăm hở đổ xô vào thứ văn học ấy, nhưng có điều họ quên rằng văn học Pháp được nhập khẩu vào Đức, song những điều kiện sinh hoạt của nước Pháp lại không đồng thời được đưa vào Đức. Đối với những điều

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho câu: "Trong sự phát triển về sau của nó, trào lưu này đã biến thành những lời oán thán hèn nhát" là câu "Cuối cùng, khi những sự kiện lịch sử không thể bác bỏ đã làm tiêu tan tác dụng an ủi của ảo tưởng thì chủ nghĩa xã hội này đã biến thành những lời oán thán thảm thương".

kiện sinh hoạt ở Đức, văn học Pháp ấy đã mất hết ý nghĩa thực tiễn trực tiếp và chỉ còn mang một tính chất thuần túy văn chương mà thôi. Nó ắt phải có tính chất của một sự tư biện vô vị về sự thực hiện bản tính con người. Chẳng hạn, đối với những nhà triết học Đức hồi thế kỷ XVIII, những yêu sách của cách mạng Pháp lần thứ nhất chỉ là những yêu sách của "lý tính thực tiễn" nói chung; và theo con mắt của họ, những biểu hiện của ý chí của những người tư sản cách mạng Pháp chỉ biểu hiện những quy luật của ý chí thuần túy, của ý chí đúng như nó phải tồn tại, của ý chí thật sự con người.

Công việc độc nhất của các nhà văn Đức là điều hoà những tư tưởng mới của Pháp với ý thức triết học cũ của mình, hay nói cho đúng hơn, là lĩnh hội những tư tưởng của Pháp bằng cách xuất phát từ quan điểm triết học của mình.

Họ đã lĩnh hội những tư tưởng ấy như người ta lĩnh hội một thứ tiếng ngoại quốc qua sự phiên dịch.

Ai cũng biết bọn thầy tu đã đem những chuyện hoang đường vô lý về các thánh Thiên chúa giáo ghi đầy những bản thảo các tác phẩm cổ điển thời cổ đại giáo như thế nào. Đối với văn học Pháp không có tính chất tôn giáo thì các nhà văn Đức đã làm ngược lại. Họ luồn những điều vô lý về triết học của họ vào trong nguyên bản Pháp. Thí dụ, trong đoạn phê phán của Pháp đối với quan hệ tiền bạc thì họ đã lồng vào đó những chữ: "sự tha hoá của nhân tính"; trong đoạn phê phán của Pháp đối với nhà nước tư sản thì họ lại lồng vào đó dòng chữ: "việc xoá bỏ sự thống trị của tính Phổ biến - Trừu tượng", v.v..

Việc thay thế lý luận của Pháp bằng những lời lẽ triết học rộng tuếch ấy, họ gọi là "triết học của hành động"; là "chủ nghĩa xã hội chân chính", là "khoa học Đức về chủ nghĩa xã hội", là "luận chứng triết học về chủ nghĩa xã hội", v.v..

Như thế là văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa Pháp đã bị hoàn toàn cắt xén. Và vì trong tay người Đức, văn học ấy không còn là biểu hiện của cuộc đấu tranh của một giai cấp này chống một giai cấp khác nữa, cho nên họ lấy làm đặc ý là đã vượt lên trên "tính phiến diện của Pháp"; là đã bảo vệ không phải những nhu cầu thật sự, mà là nhu cầu về chân lý; không phải những lợi ích của người vô sản, mà là những lợi ích của bản tính con người, của con người nói chung, của con người không thuộc một giai cấp nào, cũng không thuộc một thực tại nào, của con người chỉ tồn tại trong bầu trời mây mù của ảo tưởng triết học mà thôi.

Chủ nghĩa xã hội Đức ấy coi trọng những trò luyện tập vụng về kiểu học sinh của mình một cách hết sức trịnh trọng, và phô trương những trò ấy một cách om sòm theo kiểu bán thuốc rong, nhưng rồi cũng mất dần tính ngây thơ thông thái rỏm của mình.

Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản Đức và nhất là của giai cấp tư sản Phổ chống bọn phong kiến và chế độ quân chủ chuyên chế, tóm lại là phong trào của phái tự do, ngày càng trở nên nghiêm túc hơn.

Thành thử chủ nghĩa xã hội "chân chính" đã có được cơ hội mà nó mong mỏi từ lâu, để đem những yêu sách xã hội chủ nghĩa ra đối lập với phong trào chính trị. Nó đã có thể tung ra những lời nguyên rủa cổ truyền chống lại chủ

ngĩa tự do, chế độ đại nghị, sự cạnh tranh tư sản, tự do báo chí tư sản, pháp quyền tư sản, tự do và bình đẳng tư sản; nó đã có thể tuyên truyền cho quần chúng rằng trong phong trào tư sản ấy, quần chúng không được gì cả, trái lại còn mất tất cả. Chủ nghĩa xã hội Đức đã quên rất đúng lúc rằng sự phê phán của Pháp, mà chủ nghĩa xã hội Đức là một tiếng vọng nhạt nhẽo, giả định là phải có xã hội tư sản hiện đại cùng với những điều kiện sinh hoạt vật chất tương ứng với xã hội đó và một cơ cấu chính trị thích hợp - tức là tất cả những tiên đề mà nước Đức chính là vẫn đang phải giành lấy.

Đối với những chính phủ chuyên chế ở Đức, cùng đám tùy tùng của chúng là những thầy tu, thầy giáo, bọn gioong-ke hủ lậu và quan lại thì chủ nghĩa xã hội này đã trở thành một thứ ngoáo ộp hằng ao ước để chống lại giai cấp tư sản đang là một mối lo đối với chúng.

Chủ nghĩa xã hội ấy đã đem cái lối giả nhân giả nghĩa đường mật của nó bổ sung cho roi vọt và súng đạn mà những chính phủ ấy đã dùng để trấn áp những cuộc khởi nghĩa của công nhân Đức.

Nếu chủ nghĩa xã hội "chân chính" do đó đã trở thành vũ khí trong tay các chính phủ để chống lại giai cấp tư sản Đức thì ngoài ra, nó lại còn trực tiếp đại biểu cho một lợi ích phản động, lợi ích của giai cấp tiểu tư sản Đức. Giai cấp những người tiểu tư sản, do thế kỷ XVI truyền lại và từ bấy tới nay, luôn luôn tái sinh dưới nhiều hình thức khác nhau, là cơ sở xã hội thật sự của chế độ đã được thiết lập ở Đức.

Duy trì giai cấp ấy, là duy trì ở Đức chế độ hiện hành. Sự thống trị về công nghiệp và về chính trị của giai cấp tư sản đang đe dọa đẩy giai cấp tiểu tư sản ấy đến nguy cơ chắc chắn phải suy sụp, một mặt do sự tập trung tư bản và mặt khác do sự xuất hiện giai cấp vô sản cách mạng. Đối với giai cấp tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội "chân chính" hình như có thể làm một công đôi việc. Cho nên chủ nghĩa xã hội "chân chính" đã lan ra như một bệnh dịch.

Bọn xã hội chủ nghĩa Đức đã đem những tấm mạng nhện tư biện ra làm thành một cái áo rộng thùng thình thêu đầy những bông hoa từ chương mịn màng và thấm đầy những giọt sương tình cảm nóng hổi, rồi đem cái áo ấy khoác lên "những chân lý vĩnh cửu" gầy còm của họ, - điều đó làm cho món hàng của họ càng được tiêu thụ mạnh trong đám khách hàng như vậy.

Còn về phần chủ nghĩa xã hội Đức thì nó dần dần hiểu rõ thêm rằng sứ mệnh của nó là làm đại diện khoa trương cho bọn tiểu tư sản ấy.

Nó tuyên bố rằng dân tộc Đức là dân tộc mẫu mực và người phi-li-xtanh Đức là con người mẫu mực. Tất cả những cái xấu xa của con người mẫu mực ấy được nó gán cho một ý nghĩa thần bí, một ý nghĩa cao cả và xã hội chủ nghĩa, khiến cho những cái ấy biến thành những cái ngược hẳn lại. Nhất quán một cách triệt để, nó phản đối xu hướng của chủ nghĩa cộng sản muốn "phá huỷ một cách tàn bạo", và tuyên bố rằng mình vô tư đứng ở trên tất cả mọi cuộc đấu tranh giai cấp. Trừ một số rất ít, còn thì tất cả những tác phẩm tự xưng là xã hội chủ nghĩa hay cộng

sản chủ nghĩa lưu hành ở Đức, đều thuộc vào loại văn học bản thủ và làm suy yếu con người ấy¹⁾.

2. Chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản

Một bộ phận trong giai cấp tư sản tìm cách chữa các căn bệnh xã hội, cốt để củng cố xã hội tư sản.

Trong hạng này, có những nhà kinh tế học, những nhà bác ái, những nhà nhân đạo chủ nghĩa, những người chăm lo việc cải thiện đời sống cho giai cấp lao động, tổ chức việc từ thiện, bảo vệ súc vật, lập ra những hội bài trừ nạn nghiện rượu, nói tóm lại là đủ loại những nhà cải lương hèn kém nhất. Và thậm chí người ta đã xây dựng chủ nghĩa xã hội tư sản này thành những hệ thống hoàn bị.

Lấy một ví dụ là quyển "Triết học về sự khốn cùng" của Pru-đông.

Những nhà xã hội chủ nghĩa tư sản muốn duy trì những điều kiện sinh hoạt của xã hội hiện đại, mà không có những cuộc đấu tranh và những mối nguy hiểm do những điều kiện sinh hoạt ấy nhất định phải sản sinh ra. Họ muốn duy trì xã hội hiện tại, nhưng được tẩy trừ hết những yếu tố làm đảo lộn và làm tan rã nó. Họ muốn có

1) Con bão táp cách mạng năm 1848 đã quét sạch hết cả cái trào lưu thâm hại ấy và đã làm cho những môn đồ của trào lưu này mất hết hứng thú đầu cơ chủ nghĩa xã hội một lần nữa. Người đại biểu chính và điển hình tiêu biểu nhất của trào lưu này là ngài Các Grun. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890*).

giai cấp tư sản mà không có giai cấp vô sản. Giai cấp tư sản tất nhiên quan niệm cái thế giới mà nó đang thống trị là thế giới tốt đẹp hơn cả. Chủ nghĩa xã hội tư sản đem hệ thống hoá ít nhiều triết đề cái quan niệm an ủi lòng người ấy. Khi chủ nghĩa xã hội tư sản bắt giai cấp vô sản phải thực hiện những hệ thống ấy của nó và bước vào thành Giê-ru-xa-lem mới, thì thực ra, nó chỉ kêu gọi giai cấp vô sản bám lấy xã hội hiện tại, nhưng phải bỏ hết quan niệm thù hằn của họ đối với xã hội ấy.

Một hình thức khác của chủ nghĩa xã hội, ít có hệ thống hơn nhưng lại thực tiễn hơn, cố làm cho công nhân chán ghét mọi phong trào cách mạng, bằng cách chứng minh cho họ thấy rằng không phải sự cải biến chính trị này khác, mà chỉ có sự cải biến về điều kiện sinh hoạt vật chất, về quan hệ kinh tế mới có thể có lợi cho công nhân mà thôi. Song khi nói sự cải biến điều kiện sinh hoạt vật chất, chủ nghĩa xã hội ấy không hề hiểu đó là sự xoá bỏ những quan hệ sản xuất tư sản, một sự xoá bỏ mà chỉ có cách mạng mới có thể làm nổi; nó chỉ hiểu đó là sự thực hiện những cải cách về hành chính ngay trên cơ sở những quan hệ sản xuất tư sản, những cải cách do đó không làm thay đổi chút nào những quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê mà nhiều lắm thì cũng chỉ làm cho giai cấp tư sản giảm được những chi phí cho việc thống trị của nó và làm cho ngân sách nhà nước được nhẹ gánh mà thôi.

Chủ nghĩa xã hội tư sản chỉ đạt được biểu hiện thích đáng của nó, khi nó đã trở thành một lối nói từ chương đơn thuần.

Mậu dịch tự do, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Thuế quan bảo hộ, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Nhà tù xà lim, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Đó là cái đích tột cùng của chủ nghĩa xã hội tư sản, điều duy nhất mà nó nói ra một cách nghiêm túc.

Vì chủ nghĩa xã hội tư sản nằm gọn trong lời khẳng định này: sở dĩ những người tư sản là những người tư sản, đó là vì lợi ích của giai cấp công nhân.

3. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê phán

Đây không phải là nói đến loại văn học đã đề ra, trong tất cả các cuộc đại cách mạng hiện đại, những yêu sách của giai cấp vô sản (tác phẩm của Ba-bốp, v.v.).

Những mưu đồ trực tiếp đầu tiên của giai cấp vô sản để thực hiện những lợi ích giai cấp của chính mình, tiến hành trong thời kỳ sôi sục khắp nơi, trong thời kỳ lật đổ xã hội phong kiến, thì nhất định phải thất bại, vì bản thân giai cấp vô sản đang ở trong tình trạng manh nha, cũng như vì họ không có những điều kiện vật chất để tự giải phóng, những điều kiện mà chỉ có thời đại tư sản mới sản sinh ra thôi. Văn học cách mạng đi kèm theo những phong trào đầu tiên ấy của giai cấp vô sản, không thể không có một nội dung phản động. Nó tuyên truyền chủ nghĩa khổ hạnh phổ biến và chủ nghĩa bình quân thô thiển.

Những hệ thống xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa chính tông, những hệ thống của Xanh-Xi-mông, của Phu-ri-ê, của Ô-oen, v.v., đều xuất hiện trong thời kỳ đầu,

chưa phát triển của cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, tức là thời kỳ đã được mô tả ở trên (xem mục "Tư sản và vô sản").

Những người phát sinh ra những hệ thống ấy, thực ra, đều thấy rõ sự đối kháng giữa các giai cấp, cũng như thấy rõ tác dụng của những yếu tố phá hoại nằm ngay trong bản thân xã hội thống trị. Song những người đó lại không nhận thấy, ở phía giai cấp vô sản, một tính chủ động lịch sử nào, một cuộc vận động chính trị nào của bản thân giai cấp vô sản cả.

Vì sự đối kháng giữa các giai cấp phát triển song song với công nghiệp cho nên họ càng không thấy những điều kiện vật chất cần cho sự giải phóng của giai cấp vô sản, và cứ đi tìm một khoa học xã hội, những quy luật xã hội, nhằm mục đích tạo ra những điều kiện ấy.

Họ lấy tài ba cá nhân của họ để thay thế cho hoạt động xã hội; lấy những điều kiện tưởng tượng thay thế cho những điều kiện lịch sử của sự giải phóng; đem một tổ chức xã hội do bản thân họ hoàn toàn tạo ra, thay thế cho sự tổ chức một cách tuần tự và tự phát giai cấp vô sản thành giai cấp. Đối với họ, tương lai của thế giới sẽ được giải quyết bằng cách tuyên truyền và thực hành những kế hoạch tổ chức xã hội của họ.

Tuy nhiên, trong khi đặt ra những kế hoạch ấy, họ cũng có ý thức bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân trước hết, vì giai cấp công nhân là giai cấp đau khổ nhất. Đối với họ, giai cấp vô sản chỉ tồn tại với tư cách là giai cấp đau khổ nhất.

Nhưng hình thức chưa phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, cũng như địa vị xã hội của bản thân họ, làm cho họ tự coi là đứng hẳn ở trên mọi đối kháng giai cấp. Họ muốn cải thiện điều kiện sinh hoạt vật chất cho hết thảy mọi thành viên trong xã hội, kể cả những kẻ đã được hưởng những điều kiện tốt nhất. Cho nên họ luôn luôn kêu gọi toàn thể xã hội, không có phân biệt gì cả và thậm chí họ còn chủ yếu kêu gọi giai cấp thống trị nhiều hơn. Theo ý kiến của họ thì chỉ cần hiểu hệ thống của họ là có thể thừa nhận rằng đó là kế hoạch hay hơn hết trong tất cả mọi kế hoạch về một xã hội tốt đẹp hơn hết trong tất cả mọi xã hội.

Vì vậy, họ cự tuyệt mọi hành động chính trị và nhất là mọi hành động cách mạng; họ tìm cách đạt mục đích của họ bằng những phương pháp hoà bình, và thử mở một con đường đi tới một kinh Phúc âm xã hội mới bằng hiệu lực của sự nêu gương, bằng những thí nghiệm nhỏ, cố nhiên những thí nghiệm này luôn luôn thất bại.

Trong thời kỳ mà giai cấp vô sản còn ít phát triển, còn nhìn địa vị của bản thân mình một cách cũng ảo tưởng, thì bức tranh ảo tưởng về xã hội tương lai là phù hợp với những nguyện vọng bản năng đầu tiên của công nhân muốn hoàn toàn cải biến xã hội.

Nhưng trong những trước tác xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa đó cũng có những yếu tố phê phán. Những trước tác ấy đã kích toàn bộ cơ sở của xã hội đương thời. Do đó, chúng đã cung cấp được những tài liệu rất có giá trị để soi sáng ý thức của công nhân. Những đề nghị tích cực của

những trước tác ấy về xã hội tương lai, chẳng hạn, việc thủ tiêu sự đối kháng giữa thành thị và nông thôn^{1*}, xoá bỏ gia đình, xoá bỏ sự thu lợi nhuận cá nhân và lao động làm thuê, tuyên bố sự hoà hợp xã hội và sự cải tạo nhà nước thành một cơ quan đơn thuần quản lý sản xuất, - tất cả những luận điểm ấy chỉ mới báo trước rằng đối kháng giai cấp tất phải mất đi, nhưng đối kháng giai cấp này chỉ mới bắt đầu xuất hiện, và những nhà sáng lập ra các học thuyết cũng chỉ mới biết những hình thức đầu tiên không rõ rệt và lờ mờ của nó thôi. Cho nên, những luận điểm ấy chỉ mới có một ý nghĩa hoàn toàn không tưởng mà thôi.

Ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê phán là theo tỷ lệ nghịch với sự phát triển lịch sử. Đấu tranh giai cấp càng gay gắt và càng có hình thức xác định thì cái ý định ảo tưởng muốn đứng lên trên cuộc đấu tranh giai cấp, cái thái độ đối lập một cách ảo tưởng với đấu tranh giai cấp ấy, càng mất hết mọi giá trị thực tiễn, mọi căn cứ lý luận của chúng. Cho nên, nếu như về nhiều phương diện, các nhà sáng lập ra những học thuyết ấy là những nhà cách mạng thì những tôn phái do môn đồ của họ lập ra luôn luôn là phản động, vì những môn đồ ấy khăng khăng giữ lấy những quan niệm đã cũ của các vị thầy của họ, bất chấp sự phát triển lịch sử của giai cấp vô sản. Vì vậy, họ tìm cách, và về điểm này thì họ là nhất

1* Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 đoạn này được diễn đạt như sau: "Những biện pháp thực tế mà họ đề ra, chẳng hạn như thủ tiêu sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn".

quán, làm lu mờ đấu tranh giai cấp và cố điều hoà các đối kháng. Họ tiếp tục mơ ước thực hiện những thí nghiệm về những không tưởng xã hội của họ - lập ra từng pha-lan-xte-rơ riêng biệt, tạo ra những ["Home-colonies"], xây dựng một xứ I-ca-ri nhỏ¹⁾, tức là lập ra một Giê-ru-xa-lem mới tí hon - và để xây dựng tất cả những lâu đài trên bãi cát ấy, họ tự thấy buộc phải kêu gọi đến lòng tốt và kết bạc của các nhà tư sản bác ái. Dần dần họ rơi vào hạng những người xã hội chủ nghĩa phản động hay bảo thủ đã được miêu tả trên kia, và chỉ còn khác bọn này ở chỗ họ có một lối nói thông thái rỏm có hệ thống hơn và tin một cách mê muội và cuồng nhiệt vào hiệu lực thần kỳ của khoa học xã hội của họ.

Vì vậy, họ kịch liệt phản đối mọi phong trào chính trị của công nhân, và theo họ thì một phong trào như thế chỉ có thể là do mù quáng thiếu tin tưởng vào kinh Phúc âm mới mà ra.

Phái Ô-oen ở Anh thì chống lại phái Hiến chương, phái Phu-ri-ê ở Pháp thì chống lại phái Cải cách⁴⁰.

1) Pha-lan-xte-rơ là tên gọi những khu di dân xã hội chủ nghĩa mà Sác-lơ Phu-ri-ê hoạch định ra. Ca-bê dùng tên gọi I-ca-ri để gọi đất nước không tưởng của ông và về sau thì dùng để gọi khu di dân cộng sản chủ nghĩa của ông ở Mỹ. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888*).

Home-colonies (khu di dân trong nước) là tên gọi mà Ô-oen dùng để đặt cho những xã hội cộng sản chủ nghĩa kiểu mẫu của ông. Pha-lan-xte-rơ là những lâu đài xã hội do Phu-ri-ê hoạch định ra. I-ca-ri là tên gọi cái đất nước tưởng tượng mà Ca-bê mô tả khi nói đến những tổ chức cộng sản chủ nghĩa trong đất nước ấy. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890*).

IV

THÁI ĐỘ CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG ĐỐI LẬP

Căn cứ theo những điều mà chúng tôi đã nói ở chương II thì thái độ của những người cộng sản đối với những đảng công nhân đã được thành lập và do đấy, thái độ của họ đối với phái Hiến chương ở Anh và phái cải cách ruộng đất ở Bắc Mỹ, tự nó cũng đã rõ rồi.

Những người cộng sản chiến đấu cho những mục đích và những lợi ích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào. Ở Pháp, những người cộng sản liên hợp với Đảng dân chủ - xã hội chủ nghĩa¹⁾

1) Lúc đó, đại biểu cho đảng này, ở trong nghị viện là Lơ-đruy-Rô-lanh; đại biểu cho đảng này trong văn học là Lu-i Blăng và trong báo chí hàng ngày là tờ "Réforme". Họ dùng cái tên dân chủ - xã hội chủ nghĩa, cái tên mà họ nghĩ ra, để gọi bộ phận ít nhiều có màu sắc xã hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ hay cộng hoà. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888*).

Cái đảng lúc đó, ở Pháp, tự gọi là Đảng dân chủ - xã hội chủ nghĩa, có đại biểu chính trị của nó là Lơ-đruy-Rô-lanh và đại biểu văn học của nó là Lu-i Blăng, vậy là đảng này còn cách xa một trời một vực với Đảng dân chủ - xã hội ngày nay ở Đức. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890*).

chống giai cấp tư sản bảo thủ và cấp tiến, đồng thời vẫn dành cho mình cái quyền phê phán những lời nói suông và những ảo tưởng do truyền thống cách mạng để lại.

Ở Thụy Sĩ, họ ủng hộ phái cấp tiến, nhưng không phải không biết rằng đảng này gồm những nhân tử mâu thuẫn nhau, một nửa là những người dân chủ xã hội chủ nghĩa theo kiểu Pháp, và một nửa là những người tư sản cấp tiến.

Ở Ba Lan, những người cộng sản ủng hộ chính đảng đã coi cách mạng ruộng đất là điều kiện để giải phóng dân tộc, nghĩa là chính đảng đã làm cuộc khởi nghĩa Cra-cốp năm 1846.

Ở Đức, Đảng cộng sản đấu tranh chung với giai cấp tư sản mỗi khi giai cấp này hành động cách mạng chống chế độ quân chủ chuyên chế, chống chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến và giai cấp tiểu tư sản phản động.

Nhưng không một phút nào Đảng cộng sản lại quên giáo dục cho công nhân một ý thức hết sức sáng rõ về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, để khi có thời cơ thì công nhân Đức biết sử dụng những điều kiện chính trị và xã hội do sự thống trị của giai cấp tư sản tạo ra, như là vũ khí chống lại giai cấp tư sản, để ngay sau khi đánh đổ xong những giai cấp phản động ở Đức, là có thể tiến hành đấu tranh chống lại chính ngay giai cấp tư sản.

Những người cộng sản chú ý nhiều nhất đến nước Đức, vì nước Đức hiện đang ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng tư sản, vì nước Đức sẽ thực hiện cuộc cách mạng ấy

trong những điều kiện tiến bộ hơn của nền văn minh châu Âu nói chung và với một giai cấp vô sản phát triển mạnh mẽ hơn nhiều so với nước Anh trong thế kỷ XVII và nước Pháp trong thế kỷ XVIII. Và do vậy, cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là màn đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản.

Tóm lại, ở tất cả mọi nơi, những người cộng sản đều ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống lại trật tự xã hội và chính trị hiện hành.

Trong tất cả phong trào ấy, họ đều đưa vấn đề chế độ sở hữu lên hàng đầu, coi đó là vấn đề cơ bản của phong trào, không kể là nó đã có thể phát triển đến trình độ nào.

Sau hết, những người cộng sản ở mọi nơi đều phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước.

Những người cộng sản coi là điều đáng khinh bỉ nếu giấu giếm những quan điểm và ý định của mình. Họ công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành. Mặc cho các giai cấp thống trị run sợ trước một cuộc Cách mạng cộng sản chủ nghĩa! Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới.

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

CHÚ THÍCH

- 1 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" do C.Mác và Ph.Ăng-ghe-ni viết với tính cách là cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản (Xem cuốn này, tr. 69-132), lần đầu tiên được in thành sách riêng vào tháng Hai 1848 tại Luân Đôn. Trong tháng Ba - tháng Bảy 1848 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được đăng trên báo "Deutsche Londoner Zeitung" ("Báo Đức ở Luân Đôn"), cơ quan ngôn luận dân chủ của những người Đức lưu vong. Cũng trong năm 1848, văn bản tiếng Đức được in lại ở Luân Đôn thành cuốn sách riêng, trong đó có sửa lại một số lỗi in sai của lần xuất bản thứ nhất. Về sau, văn bản trên được Mác và Ăng-ghe-ni đặt làm cơ sở cho những ấn phẩm tiếp theo có ghi tên tác giả. Đồng thời trong năm 1848 cũng hoàn thành các bản dịch "Tuyên ngôn" ra nhiều thứ tiếng châu Âu.

Bản in "Tuyên ngôn", xuất bản bằng tiếng Đức năm 1872 với lời tựa của Mác và Ăng-ghe-ni và có sửa đổi đôi chút trong văn bản, đã được hoàn thành theo sáng kiến của ban biên tập báo "Volksstaat". Bản in năm 1872, cũng như các bản in sau đó bằng tiếng Đức vào năm 1883 và 1890 đều được xuất bản dưới tiêu đề "Tuyên ngôn cộng sản". - 36.

- 2 "*The Red Republican*" ("Người cộng hoà đỏ") - tờ tuần san của phái Hiến chương do Gi.Hác-ni xuất bản từ tháng Sáu đến tháng Mười một 1850. Trong tháng Mười một 1850 (từ số 21 đến số 24) trên tuần san đăng bản dịch tiếng Anh đầu tiên của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", dưới nhan đề "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản Đức". - 36.
- 3 "*Le Socialiste*" ("Người xã hội chủ nghĩa") - báo ra hàng ngày xuất bản từ tháng Mười 1871 đến tháng Năm 1873 bằng tiếng Pháp ở Niu-Oóc, từ tháng Chạp 1871 đến tháng Mười 1872 là cơ quan của các phân bộ Pháp của Quốc tế I ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, ủng hộ các phân tử bè phái tư sản và tiểu tư sản trong Liên đoàn Bắc Mỹ của Quốc tế I; sau Đại hội La Hay cắt đứt quan hệ với Quốc tế.

"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được công bố (không đầy đủ) trên báo này vào tháng Giêng - tháng Hai 1872. - 36.
- 4 Đây muốn nói đến lần xuất bản đầu tiên "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bằng tiếng Nga vào năm 1869 ở Giơ-ne-vơ theo bản dịch của Ba-cu-nin, trong đó nhiều chỗ Ba-cu-nin đã xuyên tạc nội dung của "Tuyên ngôn". Những thiếu sót của lần xuất bản thứ nhất đã được khắc phục trong lần xuất bản theo bản dịch của Plê-kha-nốp ở Giơ-ne-vơ năm 1882. - 37.
- 5 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.445. - 37.

6 *Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"* do Mác và Ăng-ghe-nhê viết ngày 21 tháng Giêng 1882. G.V. Plê-kha-nốp là người đề xướng ra việc chuẩn bị bản in này. P. La-vrốp do có quan hệ thân mật với Mác và Ăng-ghe-nhê nên đã trực tiếp yêu cầu hai ông viết lời tựa. Ngày 23 tháng Giêng 1882 Mác và Ăng-ghe-nhê đã gửi văn bản lời tựa cho La-vrốp. Lời tựa được đăng lần đầu bằng tiếng Nga trên tờ "Dân ý" ngày 5 tháng Hai 1882. "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (do Plê-kha-nốp dịch) kèm theo lời tựa của Mác và Ăng-ghe-nhê đã được xuất bản thành sách riêng ở Giơ-ne-vơ năm 1882 nằm trong "Tủ sách xã hội - cách mạng Nga".

Lời tựa bằng tiếng Đức đăng lần đầu trên tờ "Der Sozialdemokrat" số 16, ngày 13 tháng Tư 1882 là bản dịch từ lời tựa bằng tiếng Nga đăng trên tạp chí "Dân ý". Năm 1890, Ăng-ghe-nhê lại cho đăng nguyên văn lời tựa của năm 1882, sau khi đưa nó vào lời tựa của bản in mới bằng tiếng Đức cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". - 39.

7 Năm ghi không đúng: bản in này xuất bản năm 1869. - 39.

8 "*Cái chuông*" là tờ báo của phái dân chủ - cách mạng Nga do A.I. Ghéc-xen và N.P. Ô-ga-rép xuất bản trong những năm 1857 - 1867 bằng tiếng Nga và trong những năm 1868 -1869 bằng tiếng Pháp có phụ trương bằng tiếng Nga; năm 1865 trở về trước xuất bản ở Luân Đôn, sau đó ở Giơ-ne-vơ. - 39.

- 9 Ý nói đến tình hình sau khi những người thuộc Đảng "Dân ý" ám sát hoàng đế A-lếch-xan-đơ II ngày 1 tháng Ba 1881, khi A-lếch-xan-đơ III mới lên ngôi ẩn nấp ở Gát-si-na do hoảng sợ cuộc đấu tranh cách mạng và những hành động khủng bố mới có thể xảy ra của Ban chấp hành Đảng "Dân ý". - 40.
- 10 Lời tựa này viết cho tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (xem cuốn này, tr.69-133), đây là lần xuất bản thứ ba bằng tiếng Đức với sự đồng ý của tác giả và là lần xuất bản thứ nhất do Ăng-ghe-nơ soạn lại sau khi Mác mất. - 42.
- 11 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ: *Sđd*, 1995, t.2, tr.317-698. - 43.
- 12 Ăng-ghe-nơ dẫn lời diễn văn của Chủ tịch Ủy ban công liên thành phố Xu-ôn-xi U.Bê-van tại Đại hội hàng năm của các công liên năm 1887 họp tại thành phố này: bài tường thuật diễn văn đó được đăng trên tờ "Commonweal" ngày 17 tháng Chín 1887. - 47.
- 13 "Woodhull an Claflin's Weekly" ("Tuần báo Vút-ha-lơ và Cla-phlin") - tuần báo Mỹ do Vút-ha-lơ và T.Cla-phlin, những người theo thuyết nam nữ bình quyền xuất bản trong những năm 1870-1876 ở Niu-Oóc.
- "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được công bố (không đầy đủ) trên tuần báo này ngày 30 tháng Chạp 1871. - 47.
- 14 "*Cái chuông*" (xem chú thích 3).

"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1869 bởi nhà xuất bản "Nhà in Nga tự do", mà năm 1867 Ghéc-sen đã trao quyền sở hữu cho Tréc-nét-xki, người cộng tác của nhà xuất bản. - 47.

15 Trong lời bạt bài báo "Về vấn đề xã hội ở Nga" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Sđd*, 1995, t.22, tr.622) Ăng-ghen gọi bản dịch được nhắc đến là bản dịch của Plê-kha-nốp; chính Plê-kha-nốp trong lần xuất bản "Tuyên ngôn" năm 1900 cũng chỉ ra rằng ông đã dịch bản này. - 47.

16 Bản dịch tiếng Đan Mạch được nhắc đến - K.Marx og F.Engels "Det. Kommunistiske Manifest". Kbenhavn. 1885 - có một vài chỗ thiếu và không chính xác, mà Ăng-ghen đã nêu trong Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (xem cuốn này, tr.47). Bản dịch tiếng Pháp được đăng trên báo "Socialiste" ngày 29 tháng Tám - 7 tháng Mười một 1885, và được đăng lại làm phụ bản cuốn sách của Mermeix. "La France socialiste". Paris, 1886 (Méc-me. "Nước Pháp xã hội chủ nghĩa". Pari, 1886). Bản dịch tiếng Tây Ban Nha được đăng trên báo "Socialista" trong tháng Bảy - tháng Tám 1886, và in thành quyển riêng "Manifiesto de Partido Comunista" par Carlos Marx y F.Engels. Madrid, 1886. - 47.

17 Tư tưởng này được Mác và Ăng-ghen nêu lên trong một loạt tác phẩm của hai ông, bắt đầu từ những năm 40 của thế kỷ XIX; hình thức điển đạt này là ở "Điều lệ của

- Hội liên hiệp công nhân Quốc tế" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Sđđ*, 1994, t.16, tr.24-25 và t.17, tr.583-584). - 49.
- 18 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Sđđ*, 1994, t.17, tr.445. - 51.
- 19 Xem cuốn này, tr.36-38. - 52.
- 20 Lời tựa này Ăng-ghe-n viết cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức, đã được tác giả đồng ý, "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản ở Luân Đôn tháng Năm 1890 trong loạt "Tủ sách dân chủ – xã hội". Trong sách còn in lời tựa của Mác và Ăng-ghe-n viết cho lần xuất bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức năm 1872 (xem cuốn này, tr.36-38) và lời tựa của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức năm 1883 (xem tập này, tr.42-43). Một phần của lời tựa mới của Ăng-ghe-n cũng được in lại trong bài xã luận báo "Sozialdemokrat" số 33, ngày 16 tháng Tám 1890 dưới nhan đề "Lần xuất bản mới" "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", cũng như trên báo "Arbeiter – Zeitung" số 48, ngày 28 tháng Mười một 1890 trong bài xã luận kỷ niệm 75 năm ngày sinh Ăng-ghe-n. Lần xuất bản thứ tư "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" là lần xuất bản cuối cùng được tác giả đồng ý. Những lần xuất bản "Tuyên ngôn" tiếp theo thường là in lại theo lần xuất bản này. - 53.
- 21 Ăng-ghe-n có ý nói về lời tựa của mình viết cho "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản bằng tiếng Đức năm 1883 (xem cuốn này, tr.42-43). - 53.

22 Trong lời tựa viết cho bài "Về vấn đề xã hội ở Nga" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Sđđ*, 1995, t.22, tr. 632), Ăng-ghe-n gọi bản dịch được nhắc đến ở đây là bản dịch của Plê-kha-nốp; trong lần xuất bản "Tuyên ngôn" năm 1900, bản thân Plê-kha-nốp cũng nói bản dịch do ông thực hiện.

Bản gốc bằng tiếng Đức mà Ăng-ghe-n nhắc đến của lời tựa do Mác và Ăng-ghe-n viết cho lần xuất bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Nga bị thất lạc, nay đã tìm được và lưu giữ ở Cục lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin. Nó được dùng làm cơ sở để công bố lời tựa đó trong lần xuất bản này (xem cuốn này tr.39-41). Đối với tập này, văn bản được Ăng-ghe-n trích dẫn của lời tựa này dịch ngược từ tiếng Nga sang tiếng Đức được đối chiếu với bản viết tay đã nhắc tới của bản gốc tiếng Đức; những sửa đổi nho nhỏ của Ăng-ghe-n khi dịch từ lần xuất bản bằng tiếng Nga so với bản viết tay này được phản ánh trong chính văn và trong các chú thích cuối trang; những dị biệt do sự không chính xác của bản in tiếng Nga tạo ra đã được khắc phục căn cứ vào bản viết tay. - 53.

23 K.Marx Fr. Engels. "Manifest Komunistyczny 1847 r.". Genewa, 1883. - 56.

24 K.Marx og F. Engels. "Det. Kommunistiske Manifest" Kobenhavn. 1885. -56.

25 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bằng tiếng Pháp do

Lau-ra La-phác-gơ dịch được đăng trên báo "Socialiste" ngày 29 tháng Tám – 7 tháng Mười một 1885 và được in lại làm phụ lục trong cuốn Mermeix. "La France socialiste". Paris, 1886 (Méc-me. "Nước Pháp xã hội chủ nghĩa". Pa-ri, 1886).

"*Le Socialiste*" ("Người xã hội chủ nghĩa") – tuần báo Pháp, do Gi. Ghê-đơ sáng lập ở Pa-ri năm 1885, trước năm 1902 là cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân, từ năm 1902 đến năm 1905 là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa của Pháp, từ năm 1905 trở đi là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp; trong những năm 80 – 90 của thế kỷ XIX, Ph.Ăng-ghe-nen cộng tác với báo này. – 57.

26 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được đăng bằng tiếng Tây Ban Nha trên báo "Socialista" vào tháng Bảy – tháng Tám 1886, và xuất bản thành sách lẻ – "Manifiesto del Partido Comunista". Escrito por C.Marx y F. Engels. Madrid. Administracion de "El Socialista". 1886.

"*El Socialista*" ("Người xã hội chủ nghĩa") – tuần báo, cơ quan trung ương Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, xuất bản ở Ma-đrít từ năm 1885. – 57.

27 "Manifesto of the Communist Party". By Karl Marx, and Frederick Engels. Authorized English Translation. Edited and Annotated by Frederick Engels. London, 1888.

Lời tựa Ăng-ghen viết cho lần xuất bản này (xem tập này, tr.44-52) về nội dung nhiều điểm trùng khớp với Lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1890. - 57.

28 C.Mác và Ph.Ăng-ghen. "Lời tựa cho bản tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1872"" (xem cuốn này, tr.36-38). - 58.

29 *Vụ án những người cộng sản ở Khuê* (4 tháng Mười - 12 tháng Mười một 1852) - vụ xét xử mang tính chất khiêu khích do Chính phủ Phổ tổ chức. 11 thành viên Đồng minh những người cộng sản - tổ chức cộng sản quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản (1847 - 1852) do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo và lấy "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" làm cương lĩnh - bị đưa ra xét xử về tội "có âm mưu mang tính chất phản quốc". Tài liệu để buộc tội là "sổ biên bản thật" các phiên họp của Ban chấp hành trung ương do mật vụ cảnh sát Phổ bịa ra và những tài liệu bịa đặt khác, cũng như những giấy tờ mà cảnh sát đánh cắp được của phái phiêu lưu chủ nghĩa Vi-lích Sáp-ơ đã bị khai trừ khỏi Đồng minh những người cộng sản. Trên cơ sở giấy tờ giả mạo và nhân chứng giả, bảy bị cáo bị kết án giam trong pháo đài và thời hạn từ ba đến sáu năm. Các hành động khiêu khích của những kẻ tổ chức vụ xử án và những phương pháp đe hèn mà chính phủ cảnh sát Phổ dùng để chống lại phong trào công nhân quốc tế đã bị Mác và Ăng-ghen bóc trần toàn bộ (xem bài viết của Ăng-ghen

"Vụ án mới đây ở Khuên" và bài đả kích của Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên". C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Sđd*, 1995, t.8, tr.529 – 537, 539 – 625). – 58.

30 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Sđd*, 1994, t.16, tr.24 – 28. – 59.

31 *Đại hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế I* họp trong những ngày 3 – 8 tháng Chín 1866. Dự đại hội có 60 đại biểu của Tổng Hội đồng, các phân bộ và các hội công nhân Anh, Pháp, Đức và Thụy Sĩ. Chủ tọa đại hội là G.I-ung. Báo cáo chính thức của Tổng Hội đồng đọc tại đại hội là "Những chỉ thị cho các đại biểu của Hội đồng trung ương lâm thời về một số vấn đề" do Mác viết (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Sđd*, 1994, t.16, tr.257– 270). Những người thuộc phái Pru-đông chiếm một phần ba số phiếu tại đại hội, đã đem cương lĩnh mở rộng của mình về tất cả các điểm của chương trình nghị sự để chống lại "Chỉ thị". Song về đa số vấn đề thảo luận, thắng lợi vẫn thuộc về những người ủng hộ Tổng Hội đồng; trong số chín điểm của "Chỉ thị" thì có sáu điểm (về thống nhất hành động trên quy mô quốc tế, về hạn chế ngày lao động trong 8 giờ bằng pháp luật, về lao động của trẻ em và phụ nữ, về lao động hợp tác, về công đoàn, về quân đội thường trực) đã được thông qua làm nghị quyết của đại hội. Đại hội Giơ-ne-vơ cũng đã chuẩn y Điều lệ và Quy chế của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế, thực tế là Đại hội thành lập Quốc tế II đã họp ở Pa-ri, từ 14 đến 20 tháng Bảy 1889. Trước khi đại hội họp đã diễn ra một cuộc đấu tranh kiên trì của những người mác-xít dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ăng-ghe-nh chống những kẻ cơ hội chủ nghĩa Pháp (phái Khả năng) và những người ủng hộ trong Liên đoàn dân chủ - xã hội Anh. Những người cơ hội chủ nghĩa tìm cách nắm lấy việc chuẩn bị đại hội nhằm chiếm vị trí lãnh đạo trong đại hội và qua đó ngăn cản việc xây dựng một tổ chức liên hiệp mới của các tổ chức xã hội chủ nghĩa và tổ chức công nhân trên cơ sở mác-xít. Song đại hội được triệu tập dưới ảnh hưởng ưu thế của các đảng mác-xít. Đại hội khai mạc ngày 14 tháng Bảy 1889 – vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày chiếm ngục Ba-xti-lơ. Dự Đại hội có 393 đại biểu từ 20 nước châu Âu và châu Mỹ. Âm mưu của phái Khả năng bị thất bại; họ triệu tập cũng vào ngày 14 tháng Bảy 1889 ở Pa-ri một đại hội song song đối lập với đại hội mác-xít. Đại hội của phái Khả năng chỉ có một số không đáng kể đại biểu nước ngoài, và lại tư cách đại biểu của phần lớn trong số họ là hoàn toàn giả mạo.

Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế đã nghe báo cáo của đại biểu các đảng xã hội chủ nghĩa về phong trào công nhân ở nước họ, đề ra những nguyên tắc cơ bản của pháp luật công nhân quốc tế, chấp nhận yêu cầu đòi quy định bằng pháp luật ngày làm việc 8 giờ,

nêu những biện pháp thực hiện các yêu cầu của công nhân. Đại hội nhấn mạnh sự cần thiết của tổ chức chính trị của giai cấp vô sản và của cuộc đấu tranh để thực hiện các yêu cầu chính trị của công nhân; chủ trương thủ tiêu các quân đội thường trực và thay chúng bằng việc vũ trang toàn dân. Quyết định quan trọng của đại hội là ấn định ngày lễ vô sản quốc tế ngày Một tháng Năm. Về tất cả các vấn đề đã xem xét lại, đại hội đã thông qua những nghị quyết về cơ bản là mác-xít đúng đắn, giáng một đòn vào phái vô chính phủ tìm cách áp đặt quan điểm của mình cho đại hội. – 61.

32 Lời tựa này Ăng-ghe-n viết bằng tiếng Đức cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra mắt ở Luân Đôn năm 1892. Việc xuất bản do những người lưu vong Ba Lan tiến hành và nhà xuất bản tạp chí "Przed'swit" xuất bản. Lần xuất bản này được ghi là lần xuất bản thứ hai, vì lần xuất bản trước (do nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan Pê-các-xki dịch) cũng do nhà xuất bản ấy thực hiện ở Giơ-ne-vơ năm 1883. Song, như chính Mác và Ăng-ghe-n đã nêu trong lời tựa viết cho lần xuất bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bằng tiếng Đức năm 1872, bản dịch tiếng Ba Lan đầu tiên được công bố ở Luân Đôn ngay hồi năm 1848 (xem tập này, tr.36-38). Sau khi gửi lời tựa cho nhà xuất bản "Przed'swit", ngày 11 tháng Hai 1892 Ăng-ghe-n đã viết cho Xta-ni-xláp Men-đen-xơn rằng ông hy vọng sau này nắm được tiếng Ba Lan để nghiên cứu kỹ

sự phát triển của phong trào công nhân ở Ba Lan; lúc đó ông sẽ có thể viết cho lần xuất bản sau bằng tiếng Ba Lan "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" một lời tựa dài hơn.

"*Przed'swit*" ("Bình minh") – tạp chí xã hội chủ nghĩa Ba Lan xuất bản từ năm 1880 đến năm 1914. Từ năm 1891 ra ở Luân Đôn mỗi tuần một số. – 63.

33 *Ba Lan theo quyết định của đại hội* – xem chú thích 42. C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Sđd*, 1995, t.22. – 64.

34 Lời tựa này Ăng-ghen viết bằng tiếng Pháp theo đề nghị của Tu-ra-ti cho lần xuất bản bằng tiếng I-ta-li-a "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" do nhà xuất bản tạp chí "Critica Sociale" xuất bản năm 1893 ở Mi-la-nô theo bản dịch của P.Bét-ti-ni (lời tựa do Tu-ra-ti dịch). Sách còn in lời tựa của Ăng-ghen cho lần xuất bản thứ tư "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức năm 1890 được tác giả xem lại, mà Ăng-ghen cũng gửi cho Tu-ra-ti theo đề nghị của ông này tháng Giêng 1893. – 66.

35 Xem chú thích 278. C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Sđd*, 1995, t.22. – 66.

36 "*Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*" - văn kiện có tính cương lĩnh vĩ đại nhất của chủ nghĩa cộng sản khoa học. "Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng cả một pho sách lớn: tinh thần của nó cho tới nay còn cổ vũ và thúc đẩy toàn bộ giai cấp vô sản có tổ chức và chiến đấu của thế giới văn minh" (*Lênin*). "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"

do C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết với tính cách là cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản, được công bố lần đầu ở Luân Đôn vào tháng Hai 1848 thành một bản in riêng gồm 23 trang. Vào tháng Ba - tháng Bảy 1848, "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được đăng trên tờ "Deutsche Londoner Zeitung" ("Báo Đức ở Luân Đôn") là cơ quan ngôn luận dân chủ của những người lưu vong Đức. Bản tiếng Đức của tác phẩm này được tái bản trong cùng năm 1848 ở Luân Đôn dưới dạng một cuốn sách lẻ gồm 30 trang, trong đó một số chỗ in sai của lần xuất bản đầu tiên được đính chính và những dấu chấm, phẩy được hoàn thiện hơn. Bản này về sau được Mác và Ăng-ghe-n lấy làm cơ sở cho những lần xuất bản sau này có sự đồng ý của tác giả. Năm 1848 "Tuyên ngôn" cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng châu Âu (Pháp, Ba Lan, I-ta-li-a, Đan Mạch, Phla-măng và Thụy Điển). Tên của các tác giả cuốn "Tuyên ngôn" không được nêu lên trong các bản in năm 1848; tên của các tác giả được nêu lên lần đầu trên báo chí vào năm 1850 khi bản dịch tiếng Anh của "Tuyên ngôn" được đăng trên tờ "Red Republican" ("Người cộng hoà đỏ") - cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương, lời tựa do tổng biên tập của tạp chí đó là Gi. Hác-ni viết.

Năm 1872, một bản in mới của "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức với những chỗ sửa chữa nhỏ của tác giả và với lời tựa của Mác và Ăng-ghe-n đã ra mắt. Trong lần xuất bản này, cũng như trong các lần xuất bản bằng

tiếng Đức tiếp theo vào năm 1883 và 1890, sách được ra với nhan đề là "Tuyên ngôn cộng sản".

"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được xuất bản bằng tiếng Nga lần đầu vào năm 1869 ở Giơ-ne-vơ theo bản dịch của Ba-cu-nin là người đã xuyên tạc nội dung của "Tuyên ngôn" ở nhiều chỗ. Những thiếu sót của lần xuất bản đầu tiên được khắc phục trong lần xuất bản năm 1882 ở Giơ-ne-vơ theo bản dịch của Plê-kha-nốp. Bản dịch của Plê-kha-nốp đã đặt cơ sở cho việc truyền bá rộng rãi những tư tưởng của "Tuyên ngôn" ở nước Nga. Mác và Ăng-ghe-n coi việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở Nga có ý nghĩa lớn lao nên đã viết lời tựa riêng cho lần xuất bản này.

Sau khi Mác mất, "Tuyên ngôn" đã được xuất bản nhiều lần, và đều được Ăng-ghe-n xem lại: năm 1883 xuất bản bằng tiếng Đức với lời tựa của Ăng-ghe-n; năm 1888 xuất bản bằng tiếng Anh theo bản dịch của X. Mu-rơ, do Ăng-ghe-n hiệu đính và bổ sung thêm lời tựa cùng với các chú thích của ông; năm 1890 xuất bản bằng tiếng Đức với lời tựa mới của Ăng-ghe-n. Ăng-ghe-n cũng viết một số chú thích cho lần xuất bản này. Năm 1885, báo "Socialiste" ("Người xã hội chủ nghĩa") đã đăng bản dịch tiếng Pháp của "Tuyên ngôn" do con gái của Mác là Lau-ra La-phác-gơ dịch và được Ăng-ghe-n xem lại. Ăng-ghe-n đã viết lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan năm 1892 và cho lần xuất bản bằng tiếng I-ta-li-a năm 1893 của "Tuyên ngôn". - 69.

- 37 Ăng-gheh cũng đưa chú thích này vào lần xuất bản bằng tiếng Đức của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1890, chỉ bỏ đi câu cuối cùng. - 74.
- 38 Trong những tác phẩm viết sau này, Mác và Ăng-gheh đã dùng những khái niệm chính xác hơn do Mác đưa ra: "giá trị sức lao động", "giá cả sức lao động" thay cho những khái niệm "giá trị lao động", "giá cả lao động" (xem lời tựa C.Mác và Ph.Ăng-gheh, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách Chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1955, t.4, tr. IX). - 86.
- 39 *Những người theo phái chính thống Pháp và nhóm "Nước Anh trẻ"* - xem chú thích 32. C.Mác và Ph.Ăng-gheh: *Sđd*, 1995, t.4. - 113.
- 40 *Phái Cải cách* - xem chú thích 31. C.Mác và Ph.Ăng-gheh: *Sđd*, 1995, t.4. - 129.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời giới thiệu</i>	7
C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Lời tựa cho bản tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1872	38
C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"	41
Ph.Ăng-ghen Lời tựa cho bản tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1883	44
Ph.Ăng-ghen Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"	46
Ph.Ăng-ghen Lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1890	55
Ph.Ăng-ghen Lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1892	65
Ph.Ăng-ghen Lời tựa cho bản tiếng I-ta-li-a "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1893	68

C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản	71
I. Tư sản và vô sản	76
II. Những người vô sản và những người cộng sản	98
III. Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa	114
1. Chủ nghĩa xã hội phản động	114
a) Chủ nghĩa xã hội phong kiến	114
b) Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản	117
c) Chủ nghĩa xã hội Đức hay chủ nghĩa xã hội "chân chính"	119
2. Chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản	124
3. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê phán	126
IV. Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập	131
<i>Chú thích</i>	134

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN TOÀN TẬP

Đoàn Sỹ Tuấn (Chủ biên)
HƯỚNG DẪN TỰ HỌC MÔN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Mark Skousen
BA NGƯỜI KHỔNG LỒ TRONG KINH TẾ HỌC
ADAM SMITH, CÁC MÁC VÀ JOHN MAYNARD KEYNES

ISBN 978-604-57-3645-6



9

786045

736456



8935211198746

Giá: 42.000đ